



LÊ NGŨ-CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOÀI

ĐẠI-NAM

QUỐC-SỬ DIỄN-CA

Quyển II

Từ Lý đến Nguyễn Tây-sơn

TỰA VÀ DẪN
CỦA

HOÀNG XUÂN-HÂN

L O A I V A N C O

SÔNG NHỊ

HÀ-NỘI



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : ĐẠI-NAM QUỐC-SỬ DIỄN-CA

Quyển II : Từ Lý đến Nguyễn Tây-sơn

Tác giả : LÊ NGÔ-CÁT, PHẠM ĐÌNH-TOÁI

Nhà xuất bản : SÔNG NHỊ

Nguồn sách : scmn-vietnam.blogspot.com

Đánh máy : dinh ai, kimtrongnew, Nhok_kira, PV Ngọc
Trâm, honganh_257, ThuyTrang97, huyennhung, hangdtv,
Hiền Dzô

Kiểm tra chính tả : Vũ Minh Anh, Trần Thị Kim Duyên, Trần
Lê Nam, Hoàng Thị Xoan, Trần Trung Hiếu

Biên tập ebook : Thư Vỡ

Ngày hoàn thành : 04/10/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn các tác giả LÊ NGÔ-CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOÁI
và nhà xuất bản SÔNG NHỊ đã chia sẻ với bạn đọc
những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

PHẦN THỨ TƯ : THỜI-KỲ PHÁT-TRIỂN (Từ thế-kỷ 11 đến đầu thế-kỷ 19).

ĐOẠN THỨ MƯỜI : NHÀ LÝ (1010-1225).

- 1) Lý-Thái-Tổ
- 2) Lý-Thái-Tông bình Nùng phục Chiêm
- 3) Lý-Thánh-Tông, một ông vua nhân-dũng.
- 4) Bà Ý-Lan nhiếp-chính
- 5) Lý-Thường-Kiệt bại Chiêm phá Tống.
- 6) Lý-Thần-Tông khuyến khích việc nông.
- 7) Đỗ-Anh-Vũ lộng-quyền
- 8) Tài kinh-quốc của Tô-Hiến-Thành
- 9) Lý-Cao-Tông thất-chính
- 10) Quách-Bốc chiếm kinh-thành
- 11) Họ Trần giúp vua Lý
- 12) Lý-Huệ-Tông phát điên
- 13) Lý-Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng

ĐOẠN MƯỜI MỘT : NHÀ TRẦN THỜI-KỲ THỊNH (1226-1340).

- 1) Những việc cải-cách đầu tiên
- 2) Văn-học và võ-công
- 3) Phong-tục đời Trần
- 4) Đức-độ và chính-trị của Trần-thánh-Tông.
- 5) Trần-Hưng-Đạo phá Mông-Cổ
- 6) Anh-Tông và Minh-Tông.
- 7) Việc đánh dẹp về đời Hiến-Tông.

ĐOẠN MƯỜI HAI : NHÀ TRẦN THỜI-KỲ SUY (1341-1400).

- 1) Nhà Trần bắt đầu suy
- 2) Dương-Nhật-Lễ tiếm-vị
- 3) Chiêm-thành xâm-nhiều
- 4) Lê-Quý-Ly phế-lập

ĐOẠN MƯỜI BA : NHÀ HỒ VÀ GIẶC MINH (1400-1418).

- 1) Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần
- 2) Quân Minh diệt nhà Hồ
- 3) Trần-Giản-Định chống Minh
- 4) Trần-Trùng-Quang chống Minh
- 5) Quân Minh chiếm toàn cõi Đại-Việt
- 6) Chính-sách nhà Minh

ĐOẠN MƯỜI BỐN : NHÀ HẬU-LÊ THỜI-KỲ THỐNG-NHẤT (1418-1526).

- 1) Lê-Thái-Tổ phá giặc Minh
- 2) Nhà Lê kiến-quốc
- 3) Lê-Nghi-Dân cướp ngôi
- 4) Thời-kỳ toàn-thịnh : Lê-Thánh-Tông.
- 5) Nhà Lê bắt đầu suy
- 6) Loạn Trần-Cảo và Trịnh Duy-Sản
- 7) Chính-quyền tan-rã
- 8) Mạc-Đăng-Dung chuyên quyền

ĐOẠN MƯỜI LĂM : NHÀ MẠC (1527-1592).

- 1) Ngoại-giao và nội-chính của Mạc-Đăng-Dung
- 2) Nguyễn-Kim khởi-nghĩa phù Lê
- 3) Trịnh-Kiểm tiến quân ra Bắc

4) Nguyễn-Hoàng vào Hóa-châu

5) Trịnh-Mạc phân-tranh

6) Trịnh-Tùng chấp chính

7) Trịnh-Tùng diệt Mạc

ĐOẠN MƯỜI SÁU : LÊ TRUNG-HƯNG-VUA LÊ CHÚA TRỊNH (I)_(1593-1729).

1) Giao-thiệp buổi đầu với Trung-hoa

2) Trịnh-Tùng xưng chúa

3) Trịnh-Tráng tặng quyền phủ chúa

4) Trịnh-Tạc đánh Nguyễn và Mạc

5) Trịnh-Căn và nhà Thanh

6) Triều-thần nhà Lê

7) Những việc cải-cách về thời Trịnh-Cương

ĐOẠN MƯỜI BẢY : NHÀ LÊ SUY-VUA LÊ CHÚA TRỊNH (II)_(1729-1782).

1) Chính-sách đối-bại của Trịnh-Giang

2) Sự loạn-lạc ở Bắc-hà

3) Trịnh-Doanh và Lê-Hiến-Tông.

4) Trịnh-Doanh và Trịnh-Sâm dẹp loạn

5) Trịnh-Sâm đánh chúa Nguyễn

6) Trịnh-Sâm hòng mưu thoán-đoạt

7) Đặng-Thị-Huệ lộng-quyền

ĐOẠN MƯỜI TÁM : CUỐI ĐỜI NHÀ LÊ – VUA LÊ CHÚA TRỊNH (III)_(1783-1786).

1) Loạn kiêu-binh ở kinh-thành

2) Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ nhất

3) Chúa Trịnh-Khai bị bắt

4) Nguyễn-Huệ trả quyền Lê-Hiến-Tông.

- 5) Quân Tây-sơn rút về Nam
- 6) Triều-đình vua Lê-Chiêu-Thống.
- 7) Nguyễn-Hữu-Chỉnh chuyên-quyền

ĐOẠN MƯỜI CHÍN : NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN (1787-1802).

- 1) Quân Tây-sơn ra Bắc lần thứ hai
- 2) Lê-Chiêu-Thống chạy.
- 3) Nguyễn-Huệ đặt chức Giám-quốc ở Bắc-hà
- 4) Quân nhà Thanh sang nước ta
- 5) Triều-đình thời Lê-mạt
- 6) Quang-Trung đại-phá quân Thanh
- 7) Cuộc lưu-vong của Lê-Chiêu-Thống.
- 8) Tổng-kết

PHỤ BẢN

LÊ NGÔ-CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOÁI
ĐẠI-NAM QUỐC-SỬ DIỄN-CA
Quyển II : Từ Lý đến Nguyễn Tây-sơn

TỰA và DẪN
HOÀNG XUÂN-HÃN

LOẠI VĂN CỔ
SÔNG NHỊ
HÀ-NỘI

Nền bìa :

Là bìa lằng Lê-Lợi do Nguyễn Trãi soạn năm 1433
Nhà xuất-bản Sông-Nhị giữ bản-quyền 1949

LOẠI VĂN CỔ : Quốc-văn của ta ngày xưa có phần thất-lạc, có phần còn lưu-truyền được đến ngày nay. Phần còn lưu-truyền hay bị người sau làm sai suyển ; tác-giả và gốc-tích có khi không tường ; những chỗ khó hay nghi ngờ lại không được giải-thích. Mục-đích tùng-san này là tìm cách bổ-cứu những khuyết-điểm ấy.

NHÀ XUẤT-BẢN SÔNG-NHỊ

Bản Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca này do ông Hoàng Xuân-Hãn phiên âm theo đúng nguyên-văn chữ nôm bản khắc năm 1879. Vì thế có nhiều chữ khác với các bản quốc ngữ đã in ra từ trước tới nay.

Trong nguyên-bản, bài ca không chia ra từng đoạn từng mục, và có lời giải bằng Hán-văn.

Nhưng lời-giải ấy có chỗ thì quá vụn vặt, có chỗ thì quá sơ-lược, có chỗ thì sai hẳn chính-sử.

Nhà xuất bản soạn riêng lời-giải để ước-lược, bổ-khuyết và đính-chính ; lại chia bài ca ra từng phần, từng đoạn, từng mục để tiện việc tra-cứu.

Ông Vũ-Đặng-Châu đã giúp nhà xuất-bản trong việc phân đoạn, chú-thích và soạn lời-giải.

NHÀ XUẤT-BẢN

PHẦN THỨ TƯ : THỜI-KỲ PHÁT-TRIỂN (Từ thế-kỷ 11 đến đầu thế-kỷ 19)

ĐOẠN THỨ MƯỜI : NHÀ LÝ (1010-1225)

1) Lý-Thái-Tổ

Bắc-giang trời mở thánh-minh,¹
Lý-Công tên Uẩn nhân-tình đối-suy.²
Lê-triều làm chức chỉ huy,
Lũ Đào-Cam-Mộc ứng-kỳ phù lên.³
Đầu năm cải-hiệu Thuận-thiên,⁴
Thăng-long mới đổi đặt tên kinh-thành.
Định ra thuế lệ phân-minh,
820. Túc-xa quản-giáp quân-danh cũng tường.⁵
Hỗn-đồng một mối phong-cương,⁶
Hai mươi bốn lộ các đường mới chia.⁷
Cử-long sắm dậy binh-uy,⁸
Diễn-châu gió động tinh-kỳ thân-chinh.⁹
Biện-loan gặp lúc hồi-minh,¹⁰
Hương-nguyên cảm cách, sóng kình cũng êm.¹¹
Bốn phương trong trị, ngoài nghiêm,
Chiêm-thành, Chân-lạp xa đem cung-cầu.¹²
Ngựa man sang tiến Bắc-triều,
830. Tống-hoàng ban-thưởng quan bào thêm vinh.¹³
Ví hay đạo học tinh-minh,¹⁴
Đế-vương sự-nghiệp nước mình ai hơn
Cớ sao tín-hoặc dị-đoan,¹⁵
Say vui đạo Phật, lưu-liên cảnh chùa ?
Để cho dân tục tranh đua,

Ni-cô nổi gót, tăng-đồ chen vai.¹⁶
Bởi vì sinh cửa Như-lai,¹⁷
Tiêu-sơn từ thuở anh-hài mới ra.¹⁸
Sóng tình chìm nổi ái-hà,¹⁹
840. Chín ngôi hoàng-hậu, phép nhà cũng sai.
Tự mình đã dựng lệ-giai,²⁰
Khiến nên con cái, thêm bài tương-tranh.²¹

Lời-giải. – Lý-Công-Uẩn người làng Cổ-Pháp, nay là làng Đình-Bảng, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh. Giữ chức Điện-tiền-chỉ-huy-sứ dưới triều Lê. Khi Lê-Ngọa-Triều mất, bọn Đào-Cam-Mộc tôn lên làm vua. Đó là Lý-Thái-Tổ.

Thái-tổ đổi niên hiệu là Thuận-thiên, dời kinh-đô từ Hoa-Lư về Đại-la, đổi tên thành ra là Thăng-long (nay là tỉnh Hà-nội) (1010). Thái-Tổ lại đặt lệ-luật về thuế-khoá, chia nước ra làm 24 lộ để cai-trị và tổ-chức quân-đội.

Thái-Tổ dẹp giặc ở đất Cử-long (thuộc tỉnh Thanh-hóa) và ở Diễn-châu (thuộc Nghệ-an).

Tục-truyền khi về cửa Biện-loan (nay thuộc phủ Tĩnh-gia Thanh-hóa) thì giong đất u-ám, nổi sóng gió. Thái-Tổ thả hương cầu-khẩn thì sóng gió lại im. Những chuyện hoang-đường như thế, về thời Lý, rất nhiều.

Sau Thái-Tổ lại đánh dẹp giặc Hạc-xác từ Vân-nam kéo tới vùng Kim-hoa-bộ (nay thuộc huyện Kim-anh, tỉnh Phúc-yên).

Ngài sai đem ngựa mán sang cống nhà Tống (bên Tàu), Vua Tống nhận. Chiêm-thành và Chân-lạp đều sang triều-

cống nước ta.

Lý-Thái-Tổ lúc nhỏ được nhà sư ở chùa Tiêu-Sơn (Bắc-Ninh) là Lý-Khánh-Văn nuôi dạy, nên khi lên ngôi hết sức khuyến-khích đạo Phật và tin-dùng các người đi tu. Trong nội-cung, Thái-Tổ đặt chín ngôi Hoàng-hậu, vì vậy gây ra sự anh em tranh giành nhau về sau.

Thái-Tổ làm vua từ 1010 đến 1028.

2) Lý-Thái-Tông bình Nùng phục Chiêm

Thái-tông nổi nghiệp thủ-thành,²²
Anh em lại rắp đua giành ngôi cao.
Cùng nhau binh-mã sẵn vào,
Cấm-thành bỗng chốc xôn-xao chiến-trường.²³
Trận-tiền giết Vũ-đức-vương,
Đông-chinh, Dực-thánh tin đường chạy xa.
Khoan-hình lại xuống chiếu tha,²⁴
850. Thân-phiên đã định, nước nhà mới yên.²⁵
Ban hình-luật, canh tịch-điền,²⁶
Mở đồ nhất-thống cầm quyền tứ-chinh.²⁷
Mừng xem « Phiên phục Nùng bình »,²⁸
Huy-xưng có chữ rành rành biểu-tiên.²⁹
Văn-dài là số tự-nhiên,
Tụng kinh cầu thọ khéo nên chuyện cười.³⁰

Lời-giải. – *Lý-Thái-Tổ vừa mất, các hoàng-tử Võ-đức-vương, Đông-chinh-vương và Dực-thánh-vương đem quân vây thành để tranh ngôi với Thái-tử Phật-Mã (tức là Lý-*

Thái-Tông). Tướng-quân là Lê-Phụng-Hiểu cầm quân giết Võ-đức-vương và đánh đuổi Đông-chinh-vương và Dực-thánh-vương. Sau, hai người này xin hàng. Thái-Tông tha tội và cắt đất phong cho.

Thái-Tông định lại hình-luật (1042), đặt lệ nghinh-xuân cây ruộng tịch-điền.

Năm 1039, Thái-Tông đánh tan giặc Nùng ở vùng Quảng-nguyên (Cao-bằng), bắt giết chúa Nùng là Nùng-Tồn Phúc. Năm 1044, vua lại thân-chinh đi đánh Chiêm-thành hồi ấy hay vào quấy-nhiều ở vùng bể. Thái-Tông tiến binh đến thủ-đô Chiêm là Phật-thệ (ở mười cây số phía bắc thành Bình-định ngày nay). Vua Chiêm là Sạ-Đấu bị bộ-hạ giết rồi đem đầu ra xin hàng.

Thái-Tông làm vua từ 1028 đến 1054.

3) Lý-Thánh-Tông, một ông vua nhân-dũng

Thánh-tông văn-học hơn đời,
Bình Chiêm đánh Tống đủ tài kinh-luân.
Khuyến nông chăm việc cần-dân,³¹
860. Chiếu chấn thương kẻ tù-nhân lạnh-lùng.
Thánh-hiền tô tượng học-cung,³²
Đặt khoa bác-sĩ, ưu-dung đại-thần.³³
Ân riêng mưa móc đượm-nhuần,
Đã tiền lại lúa ân-cần dưỡng-liêm.³⁴
Hồ Tây vui thú Dâm-đàm,³⁵
Nữ đem của nước xây làm cung tiên.
Chuông Sùng-khánh tháp Báo-thiên,³⁶

Phật vàng đúc tượng, say thiền lạ sao ! ³⁷

Lời-giải. – *Lý-Thánh-Tông đổi tên nước là Đại-Việt, Thánh-Tông là một ông vua vừa nhân vừa dũng.*

Ở ngoài thì mở mang bờ cõi, đánh Chiêm-thành và bắt vua Chiêm là Chế-Củ. Chế-Củ xin dâng ba châu để chuộc tội đã vào quấy-nhiều biên-thùy phía nam nước ta (1069). Đó là những châu Địa-lý, Ma-linh và Bối-chính nay thuộc tỉnh Quảng-bình và Quảng-trị. Về phía Bắc, bấy giờ, nước ta chưa có chiến tranh lớn với nhà Tống bên Tàu, nhưng đã có nhiều sự xích-mích ở biên-thùy. Nên vua Lý-Thánh-Tông sai binh-sĩ tới trại Cổ-vạn và Trại Như-hồng ở Tàu đánh phá rồi lại rút về.

Ở trong nước, Thánh-Tông khuyến khích việc canh nông, săn sóc đến đời sống của dân : thương kẻ tù-tội, về mùa rét sai phát chăn chiếu cho họ ; mở khoa thi, lập nhà văn-miếu, đúc tượng thờ Khổng-tử để khuyến-khích việc học ; đối với các quan thì trọng-đãi khuyến-khích đức liêm-chính.

Thánh-Tông lại khởi các cuộc công-tác to như xây cung Dâm-đàm, đúc chuông Sùng-khánh, dựng tháp Báo-thiên.

Thánh-Tông làm vua 17 năm thì mất (1054-1072).

4) Bà Ý-Lan nhiếp-chính

Nhân-tông tuổi chưa là bao,

870. Ngoài ra triều-yết, trong vào giảng-minh, ³⁸

Thụ-di có Lý-Đạo-Thành, ³⁹

Ỡ-Lan hoàng-hậu buông mành giúp nên. ⁴⁰

Mở khoa bác-học cầu hiền, ⁴¹

Ba thăng một mẫu, thuế điền nhẹ thay !

Có khi xem gặt xem cấy,

Lòng chăm điền-dã một ngày mầy tao. ⁴²

Mưa ân ngấm khắp dôi dào,

Chuộc người bần-nữ gả vào quan phu. ⁴³

Lời-giải. – *Lý-Nhân-Tông lên ngôi mới bảy tuổi. Mẹ là Nguyên-phi Ỡ-Lan nhiếp-chính, có Thái-sư là Lý-Đạo-Thành phò-tá. Năm 1075, mở khoa thi tam-trường chọn người học giỏi ra làm quan. Bà Ỡ-Lan sẵn sóc đến công việc của dân quê, định lại thuế ruộng, để ý đến việc cấy cấy. Hồi ấy, người nghèo còn theo tục bán mình cho nhà giàu, Ỡ-Lan bỏ tiền kho ra chuộc những con gái nhà nghèo để gả cho đàn ông góa vợ, khiến cho họ cũng lập được gia đình. (X. Chuyện Ỡ-Lan, Sông-Nhị xuất-bản)*

5) Lý-Thường-Kiệt bại Chiêm phá Tống

Thân-chinh xe ngựa trì-khu, ⁴⁴

880. Phá Sa-động bắt man-tù Ngụy-Phang. ⁴⁵

Chiêm-thành nộp đất xin hàng,

Ba châu qui-phụ một đường thanh-di. ⁴⁶

Tống-binh xâm-nhiều biên-thù, ⁴⁷

Tướng-quân Thường-Kiệt dựng kỳ (cờ) Bắc-chinh. ⁴⁸

Bên sông Như-Nguyệt trú-dinh, ⁴⁹

Giang-sơn dường có thần-linh hộ-trì. ⁵⁰

Miếu-tiền phảng-phất ngâm thi,⁵¹
 Như phân địa-thế, như trì thiên-binh.⁵²
 Bấy giờ Tống mới hư-kinh,⁵³
890. Giảng-hòa lại trả mấy thành cố-cường.⁵⁴
 Lại còn hối hận một chương,⁵⁵
 Tham voi Giao-chỉ, mất vàng Quảng-nguyên.
 Năm mươi năm lẻ lâu bền,
 Vũ-công, văn-đức rạng truyền sử xanh.
 Thượng-dương sao nở bạc tình,
 Để bà Dương-hậu một mình ngậm oan.
 Kìa Lê-Văn-Thịnh mưu-gian,
 Thương chi quái-hổ mà khoan lưới hình !⁵⁶
 Phật-từ như quả chứng-minh,⁵⁷
900. Chuông chùa Diên-hựu đã thành phúc-cai.⁵⁸
 Cớ sao chi thứ nổi đời,⁵⁹
 Trừ-quân lại thác vào người hóa-duyên ?⁶⁰

Lời-giải. – Lý-Nhân-Tông có Lý-Thường-Kiệt giúp. Bấy giờ nhà Tống (bên Tàu) có Vương-An-Thạch làm tể-tướng, sửa soạn xâm-chiếm nước ta.

Năm 1075, Lý-Thường-Kiệt tấn-công sang Tàu trước : vây Khâm-châu và Liêm-châu (thuộc tỉnh Quảng-đông) và chiếm Ung-châu (thuộc tỉnh Quảng-tây), phá các căn-cứ của địch, rồi rút lui về nước.

Xong, Thường-Kiệt lại đem quân đánh Chiêm-thành, vẽ bản-đồ ba châu mà vua Chiêm đã nhượng cho Lý-Thánh-Tông trước (1069) rồi cho người sang ở.

Cuối 1076, quân Tống tiến sang nước ta đánh trả thù. Lý-Thường-Kiệt đánh chặn ở sông Như-nguyệt. Hai bên giữ nhau mãi. Sau quân Tống không tiến được phải rút lui, chỉ còn chiếm giữ châu Quảng-nguyên và mấy châu nữa thuộc tỉnh Cao-bằng và Lạng-sơn.

Năm 1079, Lý-Nhân-Tông lại dùng ngoại-giao mà lấy về nốt những châu ấy.

Tác-giả bài ca chê vua Lý-Nhân-Tông đã để mẹ là bà Ý-Lan, vì ghen mà ép bà Thượng-dương thái-hậu họ Dương và 72 người cung-nữ phải chết theo vua Lý-Thánh Tông ; đã tha cho thủ-khoa Lê-Văn-Thịnh tội phản-nghịch và đã quá mê đạo Phật.

Lý-Nhân-Tông làm vua được 56 năm ; lúc chết (1127) không có con, nên con hoàng-đệ Sùng-hiền-hầu lên nối ngôi.

(Muốn biết rõ võ-công oanh liệt của Lý-Thường-Kiệt và sử ngoại-giao triều Lý, xin xem quyển Lý-Thường-Kiệt của Hoàng-Xuân-Hãn, do nhà Sông-Nhị xuất bản 1949).

6) Lý-Thần-Tông khuyến khích việc nông

Thần-tông sinh cửa Sùng-hiền,
Dấu hang thi-giải còn truyền Sài-sơn. ⁶¹

Thức nong nhuộm vẽ chi-lan, ⁶²
Thông-minh học vấn kiêm-toàn cả hai.

Năm đầu vừa mới lên ngôi,
Giảng cầu trước đã mở bài kinh-diên. ⁶³

Qui nông cho lính canh phiên, ⁶⁴

910. Rộng ân lại trả quan-điền cho dân. ⁶⁵

Lời-giải. – Theo dị-đoan thời bấy giờ thì Lý-Thần-Tông vốn là sư Từ-Đạo-Hạnh hóa xác mà sinh ra.

Thần-Tông vừa trọng việc học-hành vừa khuyến-khích việc canh-nông ; cho phép quân lính đổi phiên về làm ruộng, và trả lại dân những ruộng đất trước đã bị tịch ký.

Thần-Tông làm vua được 10 năm (1128-1138).

7) Đỗ-Anh-Vũ lộng-quyền

Anh-Tông còn thừa xung-nhân, ⁶⁶

Đỗ-Anh-Vũ lấy ngoại-thân lộng-hành. ⁶⁷

Ra vào trong trướng, ngoài màn,
Cùng Lê-thái-hậu có tình riêng chung.

Tổng-giam đã bắt vào trong,
Mà Lê-hậu lại còn lòng đeo-đai.

Rượu cơm vẫn cứ đưa mời,
Vàng cho ngục-tốt liệu bài thoát ra. ⁶⁸

Nghị đồ rồi lại được tha, ⁶⁹

920. Để đoàn Vũ-Đái đều là thác oan.

Lời-giải. – Lý-Anh-Tông lên làm vua, mới có ba tuổi. Lê-thái-hậu nhiếp-chính, tư-thông với Đỗ-Anh-Vũ nên Anh-Vũ lộng quyền.

Bọn Vũ-Đái, Nguyễn-Dương, Nguyễn-Quốc và Dương-Tự-Minh định trừ Anh-Vũ nhưng không xong, đều bị đày hay bị giết.

8) Tài kinh-quốc của Tô-Hiến-Thành

Rồi ra vắng mặt quyền-gian,⁷⁰
Hiến-Thành hết sức cán-toàn mới nên.⁷¹
Khi triều Tống, khi sính Nguyên,⁷²
Một niềm cung-thuận đôi bên được lòng.⁷³
An-nam Tống mới cải-phong,⁷⁴
Quốc-danh từ ấy rạng dòng viêm-phương.⁷⁵
Thành Nam mở chốn võ-tràng,⁷⁶
Tập-tành cung ngựa phô-trương tinh-kỳ.⁷⁷
Uy-thanh giậy đến biên-thùy,
930. Chiêm-thành Ngưu-hống man-di cũng bình.
Tuần-du đã tỏ dân-tình,⁷⁸
Sơn-xuyên trải khắp địa-hình gần xa.⁷⁹
Trừ-quân vì một nét tà,⁸⁰
Đổi sang Long-Cán còn là ấu-niên.⁸¹
Thác-cô nhờ có tôi hiền,⁸²
Dẫu người hối-chúc mà quyền chẳng sai.⁸³
Cao-tông ba tuổi nổi đời,
Hiến-Thành cư-nhiếp trong ngoài đều yên.⁸⁴
Di-lưu còn muốn tiến hiền,⁸⁵
940. Đem Trần-Trung-Tá thay quyền tán-tương.⁸⁶

Lời-giải. – Sau khi Anh-Vũ mất, mọi việc đều do Tô-Hiến-Thành đảm-đương.

Đối ngoại thì Tô-Hiến-Thành khéo giao-thiệp cả với Tống và Nguyên là hai họ bấy giờ đương tranh nhau nước Tàu.

Vua Tống đổi phong cho Anh-Tông là An-nam-quốc-vương (1164). Trước đấy thì Tàu vẫn phong cho vua ta là Giao-chỉ hay An-nam quận-vương, tuy rằng Lý-Thánh-Tông đã đổi tên nước là Đại-Việt.

Trong nước thì Tô-Hiến-Thành khuyến-khích việc tập-luyện quân-sự và mở-mang sự học-hành. Ông dẹp giặc Thân-lợi (vùng Thái-nguyên), giặc Ngưu-hống (vùng Phú-thọ), giặc Hữu-lượng (vùng Quảng-nguyên), và đánh nước Ai-lao. Uy-thanh lừng-lẫy.

Vua Anh-Tông đi xem xét các nơi và sai vẽ địa-đồ nước ta (1171-1172). Khi Anh-Tông mất (1176) giao cho Hiến-Thành phò-tá Cao-tông bấy giờ mới có ba tuổi.

Bà Chiêu-linh-thái-hậu sai người đút lót để xin lập lại Thái-tử Long-Sưởng trước đã bị Anh-Tông truất vì có tội. Hiến-Thành không nghe. Khi Hiến-Thành sắp mất (1179) lại đề cử Trần-Trung-Tá là người giỏi và trung để giúp Lý-Cao-Tông. Nhưng sau khi ông mất, thái-hậu và triều-thần lại dùng người khác.

Tô-Hiến-Thành là người thao-lược mà lại trung-chính, nên đời sau ví ông với Gia-Cát-Lượng đời Tam-quốc bên Tàu.

9) Lý-Cao-Tông thất-chính

Tiếc không dùng kẻ trung-lương,⁸⁷
Cao-tông hoang-túng mọi đường ai can ?⁸⁸
Dấu xe quanh khắp giang-san,
Chính-hình lỗi tiết, du-quan quá thường.⁸⁹

Lại thêm thổ-mộc cung-tường,⁹⁰
Mua quan bán ngục nhiều đường riêng tây.
Nhạc Chiêm rầu-rĩ khéo bày,⁹¹
Những là tai-biến từ này hiện ra.
Trâu đầu lên ngọn am-la,⁹²
Thước đầu làm tổ góc nhà Kính-thiên.⁹³
Bốn phương trộm cướp nổi lên,
Quân Chiêm, người Tống xâm biên mấy kỳ.⁹⁴
Vui chơi nào có biết gì,
Thờ-ơ phó chuyện an-nguy mặc trời.

Lời-giải. – Cao-Tông, khi lớn lên cầm quyền không có người tài giỏi trung-trực can ngăn, nên làm nhiều điều không hay : đi rong chơi khắp trong nước, pháp-luật không giữ đúng mực cho người tuân theo, vợ-vét của dân, làm nhiều việc những-lạm, tiêu nhiều thứ xa-xỉ, đem âm-nhạc vong-quốc của Chiêm về nước. Bấy giờ người thổ mán ở phía nam Trung-quốc và người Chiêm vào quấy-nhiều nước ta luôn, mà vua quan cũng không để ý.

10) Quách-Bốc chiếm kinh-thành

Quyền-cương ngày một đổi dời,⁹⁵
Phạm-Du đã phản lại vời về kinh.
Bỉnh-Di là kẻ trung-thành,
Nghe dèm mà nữ gia-hình có sao ?⁹⁶
Bởi ai gây việc oan-cửu,
960. Để cho Quách-Bốc sẵn vào kim-giai.⁹⁷
Xe loan lánh chạy ra ngoài,

Hoàng-thân đế-thích mỗi người một phương.⁹⁸

Lời-giải. – Trong nước giặc cướp như ong. Năm 1208, ở Nghệ-an, Phạm-Du làm phản. Cao-Tông sai Phạm-Bình-Di đi đánh dẹp. Phạm-Du sai người về kinh thành lấy vàng bạc đút lót, nên Du được tha mà Bình-Di lại bị bắt giam. Tướng của Bình-Di là Quách-Bốc đem quân phá thành vào cứu Bình-Di. Cao-Tông vội giết Bình-Di rồi cùng thái-tử Sảm chạy trốn. Bốc mai-táng cho chủ tướng rồi tôn hoàng-tử Thấm lên làm vua.

11) Họ Trần giúp vua Lý

Trừ-quân đi đến Thiên-trường,⁹⁹
Tình cờ lại gặp một nường tiểu-thư.

Con nhà Trần-Lý công ngư,¹⁰⁰
Lưới chài nhưng cũng phong-tư khác thường.¹⁰¹

Trăng già đưa mối tơ vương,
Mối hay con tạo mở đường di-duyên.¹⁰²

Họ Trần từ ấy nổi lên,
970. Kết bè thích-lý, dựng nền tiếm-giai.¹⁰³

Trần-Tự-Khánh ở phương ngoài,
Đem quân Hải-ấp vào nơi đô-thành.¹⁰⁴

Lời-giải. – Thái-tử Sảm chạy về Hải-ấp làng Lưu-gia (nay là làng Lưu-xá, huyện Hưng-nhân, Thái-bình). Gặp con gái Trần-Lý có nhan-sắc liền lấy làm vợ. Trần-Lý, nguyên người ở làng Túc-mặc (huyện Mỹ-lộc, Nam-định), làm nghề đánh cá, vẫn có nhiều người theo phục. Anh em họ Trần mộ quân về kinh dẹp loạn, rồi lên Qui-hóa (thuộc Phú-thọ) đón

vua Cao-Tông. Cao-Tông cho đón Thái-tử Sảm về kinh còn Trần-thị thì ở lại Lưu-gia. Một năm sau (1210), Cao-Tông chết. Thái-tử Sảm lên làm vua, tức là Huệ-Tông. Huệ-Tông phong Trần-thị làm nguyên-phi, cho đón về cung và phong cho anh Trần-thị là Trần-Tự-Khánh làm Chương-thành-hầu.

12) Lý-Huệ-Tông phát diên

Huệ-Tông gặp bước gặp-ghềnh,
Nhe ân mẫu-hậu, nặng tình phu-nhân. ¹⁰⁵

Lạng-châu xe đã Bắc-tuần, ¹⁰⁶
Nửa đêm riêng với nàng Trần lén đi.

Gặp quân Tự-Khánh rước về,
Đương cơn gió bụi bốn bề chưa êm. ¹⁰⁷

Huệ-tông cuồng-tật lại thêm, ¹⁰⁸
980. Khi ngày đứng múa khi đêm nằm dài.

Xuất-gia lại muốn tu-trai, ¹⁰⁹
Ngôi-thiên phó-thác cho người đào thơ. ¹¹⁰

« Đấng sơn bóng nhật » đã mờ, ¹¹¹

Hai trăm mười sáu Lý-cơ còn gì ? ¹¹²

Lời-giải. – Năm 1213, Thái-hậu làm khổ-nhục Trần-thị ở trong cung. Trần-Tự-Khánh mang quân về xin rước vua đi. Huệ-Tông nghi Tự-Khánh làm phản liền cùng Thái-hậu trốn lên Lạng-châu (Lạng-sơn).

Thái-hậu lại càng ghét Trần-thị, xui Huệ-Tông bỏ. Huệ-Tông không nghe ; lại sợ Trần-thị bị đầu-độc, nên đến bữa ăn thứ gì Huệ-Tông cũng ăn trước còn một nửa mới cho

Trần-thị ăn. Sau cùng, Thái-hậu làm quá. Huệ-Tông liền cùng Trần-thị lẩn trốn đi. Tự-Khánh đem quân rước về cung.

Huệ-Tông phong Trần-thị làm Hoàng-hậu, Tự-Khánh làm Phụ-chính và anh Tự-Khánh là Trần-Thừa làm nội thị phán-thủ. Huệ-Tông có bệnh điên, lại thường uống rượu say ngủ cả ngày, mọi việc đều do Tự-Khánh quyết-đoán.

Cuối 1224, Huệ-Tông vào tu ở chùa Chân-giáo, vì không có con trai nên truyền ngôi cho con gái út bấy giờ mới 7 tuổi, là Chiêu-thánh công chúa tên là Phật-Kim. Đó là Lý-Chiêu-Hoàng.

13) Lý-Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng

Chiêu-hoàng là phận nữ-nhi,
Phấn son gánh việc gian-nguy được nào !

Xây vắn cơ-tạo khéo sao ? ¹¹³

Bỗng xui Trần-Cảnh hiện vào hầu trong.

Người yếu-điều, kẻ tư-phong, ¹¹⁴

990. Bén hơi rơm lửa, động phòng mưa mây. ¹¹⁵

Vấy nước chậu, vắt khăn tay,

Khi đêm đập bóng, khi ngày ngồi chung. ¹¹⁶

Hoa đào đã dạn gió đông,

Vua tôi phận đẹp, vợ chồng duyên may.

Chiếu rồng ban xuống năm mây, ¹¹⁷

Mừng rằng nữ-chúa ngày nay có chồng.

Lời-giải. – *Chiêu-Hoàng làm vua, nhưng quyền-bính đều trong tay Trần-Thủ-Độ là em họ Thái-Hậu. Thủ-Độ cho*

cháu là Trần-Cảnh vào hầu trong cung. Chiêu-Hoàng chơi đùa với Trần-Cảnh. Thủ-Độ liền vin cớ ấy đóng cửa thành, rồi truyền lệnh rằng Chiêu-Hoàng đã lấy Trần-Cảnh. Sau lại bắt Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng (1225). Nhà Lý làm vua được 216 năm, truyền ngôi được 8 đời.

ĐOẠN MƯỜI MỘT : NHÀ TRẦN THỜI-KỲ THỊNH (1226-1340)

1) Những việc cải-cách đầu tiên

Đông-A tỏ mặt vùng hồng,¹¹⁸
Thái-Tông cải hiệu Kiến-Trung rõ ràng.
Trần-Thừa là Thái-thượng-hoàng,¹¹⁹
1000. Chuyên quyền thính-đoán, gồm đường kinh luân.¹²⁰
Soạn làm thông-chế lễ-văn,¹²¹
Thuế điền đã định, số dân cũng tường.
Tướng-thần mới đặt binh-chương,¹²²
Huyện châu sai kẻ khoa-trường trị dân.¹²³
Bạ-đầu thi kẻ lại-nhân,¹²⁴
Hiệu-quân Tứ-thánh, Tứ-thần mới chia.¹²⁵
Hà-phòng rày mới có đề,¹²⁶
Trăm quan áo mạo, rủ xe thêm tường.
Việc ngoài đánh dẹp bốn phương,
1010. Phó cho Thủ-Độ chuyên đường trị quân.

Lời-giải. – Trần-Cảnh lên ngôi, tức là Trần-Thái-Tông, cải niên-hiệu là Kiến-trung (1225). Thái-Tông mới 8 tuổi, quyền-binh đều ở trong tay Thái-thượng-hoàng, là Trần-Thừa.

Nhà Trần thi-hành nhiều việc cải-cách quan-trọng : định lại hình luật (1244) ; định thuế ruộng, thuế thân ; đặt phẩm-trật, áo mũ cho các quan ; lấy kẻ có học để coi việc

cai-trị ; thi chọn các thuộc-viên để giữ sổ sách ; tổ-chức lại binh-lính ; đắp đê để ngăn nước sông (1244).

Còn việc đánh dẹp thì bấy giờ giao cho Trần-Thủ-Độ. Thủ-Độ đánh giặc Mường ở Quốc-oai (Sơn-tây), Đoàn-Thượng ở Đường-hào và Nguyễn-Nộn ở Bắc-giang. Năm 1228 thì dẹp yên cả.

2) Văn-học và võ-công

Thượng-hoàng phút đã từ trần,
Thái-tông tuổi mới đến tuần mười hai.

Cao minh đã có tư trời,¹²⁷
Lại thêm Thủ-Độ vẽ vờ khôn ngoan.

Sùng văn tô tượng Khổng, Nhan,¹²⁸
Dựng nhà Quốc-học, đặt quan Giám-thần.¹²⁹

Bảy năm một hội thanh-vân,¹³⁰
Anh-tài náo nức dần dần mới ra.

Trạng-nguyên, bảng-nhỡn, thám-hoa,
1020. Kẻ kinh, người trại cũng là tài-danh.¹³¹

Lại thi Thái-học chư-sinh,¹³²
Lại thi tam-giáo chia rành ba khoa.¹³³

Thân-chinh trở ngọn thiên-quả,¹³⁴
Chiêm nam, Nguyên bắc đều là dẹp tan.

Lời-giải. – Trần-Thừa mất, Trần-Thủ-Độ nhiếp-chính. Ở trong thì Thủ-Độ khuyến-khích việc học : tô-tượng Khổng-Tử ; dựng quốc-học-viện để giảng tứ-thứ ngũ-kinh. Năm 1232 mở khoa thi Thái-học-sinh (tức là tiến-sĩ) lần đầu. Tuy

vậy, sự học không chuyên về đạo Nho mà thôi còn có thi tam-giáo, trong đó đạo Phật và đạo Lão cũng được đặt ngang hàng với đạo Nho. Tác-giả bài ca, theo Nho-học, đã quá chú-trọng đến việc mở mang văn-học mà chỉ nói lướt qua những võ-công oanh-liệt thời Trần-Thái-Tông.

Năm 1252, Thái-Tông thắng Chiêm-thành. Năm 1257, quân Nguyên (Mông-cổ) từ Vân-nam (Tây) kéo xuống Thăng-long, chiếm đô thành và làm cỏ nhân-dân. Thái-Tông phải chạy về mạn Đông-An (thuộc Hưng-yên). Sau nhờ có tài thao-lược của Trần-Quốc-Tuấn và chí cương-quyết của Trần-Thủ-Độ nên mới đánh đuổi được Mông-Cổ lần ấy là lần đầu.

3) Phong-tục đời Trần

Vì ai đặt gánh giang-san,
Mà đem cố-chúa gia oan nữ nào ! ¹³⁵
Chiêu-hoàng duyên trước làm sao ?
Gả đi bán lại, coi vào khó nghe ! ¹³⁶
Phép nhà chẳng sửa buông the,
1030. Vợ anh sao nữ đem về hậu cung. ¹³⁷
Bởi ai đầu mở hôn-phong, ¹³⁸
Khiến nên một đạo khuê-phòng then riêng ! ¹³⁹
Thuần-bôn dòng thói ngựa-nghiêng, ¹⁴⁰
Họ dương lấy lẫn nào kiêng sợ gì
Thiên-Thành công-chúa vu-quy, ¹⁴¹
Sao Trần-Quốc-Tuấn cướp đi cho đành ?
Sính-nghi đem đến thiên-đình, ¹⁴²

Thụy-bà lằng-líu, Trung-thành ngẩn ngơ : ¹⁴³

Dị-đoan mê hoặc khôn chữa, ¹⁴⁴

1040. Chùa tô phật-tượng, đình thờ Thích-ca.

Tin lời phong-thủy khí-tà, ¹⁴⁵

Đào sông đục núi cũng là nhọc thay !

Lễ đâu yển-ẩm quá say,

Đội mo rót rượu, dan tay vui cười. ¹⁴⁶

Ba mươi năm chán cuộc đời,

Truyền cho con nối, ra ngoài bắc-cung.

Lời-giải. – Trong bài ca kể nhiều chuyện tỏ rằng nhà Trần trong họ lấy lẫn nhau ; đời sau cho thế là loạn-luân. Một phần cũng vì Trần-thủ-Độ là một người gian-hùng, không ngại việc gì mà không làm, miễn là xây vững được cơ-nghiệp nhà Trần. Nhưng ta cũng không nên quên rằng hồi ấy phong-tục có lẽ khác với phong-tục thế-kỷ 19 nhiều. Vua quan đời Trần còn tin theo đạo Phật nhiều, cũng như đời Lý. Đạo Nho chưa chiếm được địa-vị độc-tôn. Phong-tục cũng còn chất-phác, giản-dị. Trong triều vua quan thân-mật, họp nhau uống rượu say rồi giang tay mà hát. Sự phân-biệt tôn-ti khe-khắc của Nho-học chưa thấy rõ ràng.

4) Đức-độ và chính-trị của Trần-thánh-Tông

Thánh-tông hiếu-hữu một dòng, ¹⁴⁷

Sớm hôm châu chực, mát nồng thành thơi. ¹⁴⁸

Anh em nệm cả gối dài, ¹⁴⁹

1050. Sân trong yển-lạc cõi ngoài ấm-phong. ¹⁵⁰

Một thiên truyền-thụ phép lòng, ¹⁵¹

Di-mưu cho kẻ nổi dòng ngày sau.¹⁵²
Vấn-nho khuya sớm giảng-cầu,
Kẻ tu sử-ký, người châu kinh-diên.¹⁵³
Bề ngoài nghiêm việc phòng biên,¹⁵⁴
Kén quân đoàn-luyện, tập thuyền Cửu-sa.¹⁵⁵

Lời-giải. – Năm 1258, Trần-Thái-Tông truyền ngôi cho con và làm Thái-thượng-hoàng, theo tục-lệ nhà Trần. Trần-Thánh-Tông, làm vua từ 1258 đến 1278, là một ông vua có đức và chăm lo việc nước. Thánh-Tông có hiếu với cha mẹ, thuận-hòa với anh em, sẵn sóc đến sự huấn-luyện con cháu. Ở trong thì khuyến-khích việc học, sai soạn bộ sử-ký đầu tiên của nước ta (Lê-Văn-Hưu làm xong quyển Đại-Việt-Sử năm 1272). Để phòng ngoại-xâm thì sẵn-sóc việc canh-phòng biên-cương, tập-luyện bộ-binh và thủy-binh.

5) Trần-Hưng-Đạo phá Mông-Cổ

Trao-truyền theo lối phép nhà,¹⁵⁶
Nhân-tông hùng-lược lại là tài hơn.¹⁵⁷
Rợ Nguyên quen thói tham-tàn.
1060. Quân năm mươi vạn, những toan tranh hành.
Sắc sai Hưng-đạo tổng-binh,¹⁵⁸
Với Trần-Quang-Khải các dinh tiến vào.
Chương-dương một trận phong-đào,¹⁵⁹
Kìa ai cướp giáo ra vào có công ?
Hàm-quan một trận ruổi giông,
Kìa ai bắt giặc uy-phong còn truyền ?¹⁶⁰

Giặc Nguyên còn muốn báo đền,¹⁶¹
 Mượn đường hộ-tổng binh-thuyền lại sang.¹⁶²
 Bạch-đăng một cõi chiến tràng,
1070. Xương bày trắng đất, máu màng đỏ sông.
 Trần-Hưng-Đạo đã anh hùng.
 Mà Trần-Nhật-Duật kể công cũng nhiều.
 Hoài-Văn tuổi trẻ chí cao,¹⁶³
 Cờ đề sáu chữ quyết vào lập công.
 Trần-Bình-Trọng cũng là trung,
 Đoàn làm Nam-quỉ, không lòng Bắc-vương.¹⁶⁴
 Khuyển-ưng còn nghĩa đá vàng,¹⁶⁵
 Yết-Kiên, Dã-Tượng hai chàng cũng ghê !
 Mà trong ngọc-diệp kim-chi,¹⁶⁶
1090. Lũ Trần-Ích-Tắc sao đi đầu hàng ?
 Nhân khi biến-cổ vội vàng,¹⁶⁷
 Kẻ trung, người nịnh đôi đảng tỏ ra.
 Trùng-hưng đem lại sơn-hà,¹⁶⁸
 Đã hay thiên-tướng cũng là tài sinh.¹⁶⁹
 Nước nhà khi ấy thanh-bình,¹⁷⁰
 Truyền ngôi thái-tử, lánh mình Ngọa-vân,¹⁷¹

Lời-giải. – Năm 1257, quân Mông-Cổ đã có lần từ Vân-nam kéo xuống định chiếm nước ta, nhưng không được, đã phải rút về Tàu. Đến đời Trần-Nhân-Tông (1279-1293) thì Mông-Cổ đã thôn-tính xong hẳn nước Tàu, vua Mông-Cổ đã diệt xong nhà Tống và lên làm vua nước Tàu ; tức là nhà Nguyên.

Năm 1284, Vua Nguyên tìm cớ trách Trần-Nhân-Tông không sang châu, rồi cử hai đạo binh sang đánh nước ta. Một đạo tiến từ Lạng-sơn xuống Thăng-long, một đạo đi đường thủy đến Chiêm-thành, rồi đánh từ Nghệ-an lên phía Bắc. Lúc đầu thế giặc mạnh, vua Trần phải bỏ Thăng-long mà rút lui về Thanh-hóa. Tướng ta là Trần-Bình-Trọng bị bắt, nhưng thà chịu chết, chứ không hàng giặc. Sau nhờ có chí cương-quyết và tài cầm quân của Hưng-đạo-vương Trần-Quốc-Tuấn quân ta lại thắng.

Trần-Nhật-Duật phá quân Nguyên ở bến Hàm-tử (thuộc tỉnh Hưng-yên). Trần-Quang-Khải lại thắng ở bến Chương-dương trên sông Nhị (trong huyện Thượng-phúc tỉnh Hà-đông) và lấy lại được Thăng-long. Tướng Nguyên là Toa-Đô bị ta giết ở Tây-kết (thuộc Hưng-yên). Quân Nguyên tan vỡ phải rút lui (giữa năm 1285).

Mùa xuân 1287, quân Nguyên lấy cớ là đưa Trần-Ích-Tắc về làm vua Annam, lại kéo sang để đánh báo-thù. Lúc đầu quân Nguyên cũng lại kéo tới sát Thăng-long. Nhưng sau lương-thực của giặc bị tướng ta là Trần Khánh-Dư cướp ở Vân-đồn (Vân-hải, tỉnh Quảng-yên). Đại-quân giặc lại bị ta phá tan ở sông Bạch-đăng thuộc tỉnh Quảng-yên. Tại trận Bạch-đăng, nhiều tướng Nguyên, trong đó có Ô-mã-nhi, bị ta bắt sống (tháng ba năm Mậu-tý, 1288). Quân Nguyên rút về, lại bị ta chặn đánh ở mạn Lạng-sơn (ải Nội-bàng và núi Kỳ-cấp). Tháng mười năm Mậu Tý (1288), Mông-Cổ phải nhận hòa.

Trần-Nhân-Tông nhường ngôi cho con năm 1293, và làm Thái-thượng-Hoàng theo lệ nhà Trần, được 13 năm.

6) Anh-Tông và Minh-Tông

Anh-Tông nổi giữ nghiệp Trần,
Trong tu văn-đức, ngoài cần vũ-công.

Có châm để dạy Đông-cung,¹⁷²

Thủy-vân có tập vui cùng bút-nghiên.¹⁷³

Ví không mền phật, say thiền,¹⁷⁴

Cũng nên một đứng vua hiền Đông-A.¹⁷⁵

Quyện-cần rồi lại xuất-gia,¹⁷⁶

Minh-Tông kế-thống cũng là hiền-vương.¹⁷⁷

Mười lăm năm giữ phép thường,

Rạng nền-nếp cũ, mở giường-mỗi sau.

Tiệc không biện-biệt ngư-châu,¹⁷⁸

Để cho tà-nịnh ở đầu giai-ban.¹⁷⁹

Khắc-Chung thêm dặt lời gian,

1100. Quốc-Chân mắc phải tiếng oan thiệt mình.

Lời-giải. – Hai vua Trần-Anh-Tông (1293-1314) và Trần-Minh-Tông (1314-1329) đều là những vua tốt chăm lo việc nước.

Về đời Minh-Tông, vua quá tin kẻ nịnh-thần là Trần-Khắc-Chung mà giết oan một người đã có công với nước là Trần-Quốc-Chân bị nghi là làm phản. Đối ngoại, hồi ấy sự giao-thiệp với Tàu không có gì đáng chú-ý ; nhưng về phía nam, người Chiêm và người Ai-lao thỉnh-thoảng lại vào quấy nhiễu.

Năm 1306, nhà Trần gả công-chúa Huyền-Trân cho vua Chiêm là Chế-Mân. Chế-Mân dâng hai châu Ô và Lý (sau đổi

là Thuận-châu và Hóa-châu). Chưa được một năm, Chế-Mân mất, Anh-Tông lại cho đón Huyền-Trân về nước.

Năm 1311, Anh-Tông đánh Chiêm-thành : năm 1318, Minh-Tông lại đánh một lần nữa.

Dưới triều Anh-Tông, tướng Phạm-Ngũ-Lão còn đánh dẹp Ai-lao vào quấy rối ở vùng Thanh-hóa và Nghệ-an.

7) Việc đánh dẹp về đời Hiến-Tông

Hiến-Tông làm máy lung-linh,¹⁸⁰
Nghiệm xem tinh-độ vận-hành không sai.¹⁸¹
Thạch-đê mới đắp đường dài.¹⁸²
Nước sông thuận lối về ngoài biển Đông.
Thừa bình lại hiếu vũ-công,¹⁸³
Đà-giang xa-mã, Nam-nhung tinh-kỳ,¹⁸⁴
Cổ-quảng mấy kẻ truy-tù,¹⁸⁵
Nhữ-Hài, Chiêu-Nghĩa đều về thủy-cung.¹⁸⁶
Kiềm-châu có đá kỷ công,¹⁸⁷
1110. Oán dày về triện, sầu đông ngấn rêu.¹⁸⁸

Lời-giải. – Trần-Hiến-Tông (1329-1341) lên ngôi mới có 10 tuổi. Minh-Tông làm Thái-thượng-hoàng trông nom mọi việc.

Về đời Hiến-Tông, nhà vua chăm-chú đến việc thiên-văn, đắp thêm đê để giữ cho khỏi lụt. Việc đánh dẹp hồi ấy nhiều. Năm 1329, Thái-thượng-hoàng phải thân-chinh giặc Ngư-hống ở mạn Đà-giang.

Năm 1384, lại đi đánh Ai-lao bấy giờ sang quấy nhiễu ở vùng Thanh-hoá. Quân Ai-lao bỏ chạy ở Kiểm-châu (thuộc huyện Chương-dương, Nghệ-An). Thượng-hoàng sai Nguyễn-Trung-Ngạn làm bài bia khắc trên núi để ghi công. Bia ấy nay còn.

Năm sau Ai-lao lại vào cướp ở ấp Nam-nhung (thuộc Chương-dương, Nghệ-an), Thượng-hoàng lại phải đi đánh.

Trong các cuộc đánh dẹp, ta cũng bị thiệt hại : tướng ta là Hầu-Chiêu-Nghĩa bị giết ở Đà-giang, và Đoàn-Nhữ-Hài bị giết ở Nam-nhung.

ĐOẠN MƯỜI HAI : NHÀ TRẦN THỜI-KỲ SUY (1341-1400)

1) Nhà Trần bắt đầu suy

Dụ-Tông em lại thừa diêu,¹⁸⁹
Ngôi thay anh cả, quyền theo Thượng-hoàng.
Thượng-thư mới đặt tỉnh-đường,¹⁹⁰
Đề-hình, chuyển-vận chức thường có tên.¹⁹¹
Khuyến-nông sai sứ đồn-điền,¹⁹²
Vân-đồn đặt trấn tra thuyền khách-nhân,¹⁹³
Khu-tào thống-lĩnh cấm-quân,¹⁹⁴
Phong-đoàn lại mới kén dần các đô.¹⁹⁵
Uy-thanh xa động biên-ngu,¹⁹⁶
1120. Chiêm-thành Chế-Mộ dâng đồ thổ-nghi.¹⁹⁷
Mong nhờ đưa lối về quê,
Hay đâu gặp gió trở về luống công.¹⁹⁸
Thượng-hoàng đã vắng mặt trong,
Nào ai kiêng sợ mà lòng chẳng di ?¹⁹⁹
Đền Song-quế, ao Thanh-trì,
Muông-chim hoa-cỏ thiếu gì trò chơi !
Trong cung cờ bạc chơi bởi,
Tiệc vui chuốc chén, trận cười leo dây.
Đạo thường chẳng cần phòng-vi,²⁰⁰
1130. Chị em chung chạ loạn bề đại-luân.

Lời-giải. – Hiếu-Tông chết mới có 23 tuổi không có con.
Em lên nối ngôi, tức là Dụ-Tông (1341-1369).

Từ 1341 đến 1357, Dụ-Tông tuy làm vua nhưng quyền-hành đều ở Thái-thượng-hoàng Minh-Tông. Có nhiều việc sửa sang về cai-trị và binh-đội ; đất hoang được khai-khẩn ; nhà vua lại đặt quan trấn-thủ ở Vân-đồn (nay là Vân-hải, thuộc Quảng yên) để xem xét thuyền bè các nước qua lại.

Về ngoại-giao, Chiêm-thành vẫn triều-cống nước ta.

Năm 1352, thái-tử Chiêm là Chế-Mộ bị anh rể tranh mất ngôi, chạy sang cầu-cứu nước ta. Năm sau (1353) nhà Trần cho quân đưa Chế-Mộ về nước. Nhưng quân ta đến Cổ-luỹ (thuộc Quảng-Ngãi) bị gió ngược, lại quay về. Chế-Mộ sau buồn-rầu mà chết. Có chỗ chép quân ta bị Chiêm-thành đánh thua ở Cổ-luỹ.

Từ 1358 trở đi, Thượng-hoàng Minh-Tông mất, Dụ-Tông chơi-bời dâm-đăng : sai xây đền Song quế, đào ao Thanh-trì, nuôi giống thú lạ, giồng các thứ hoa cỏ hiếm, họp người cờ bạc, bày trò leo dây múa rối trong cung ; lại tư-thông với cả em gái. Những người danh-nho, như Chu-Văn-An, can ngăn không được, đều bỏ quan về nhà.

Nhà Trần bắt đầu suy từ đây.

2) Dương-Nhật-Lễ tiếm-vị

Truyền ngôi con đưa ưu nhân,²⁰¹

Để Dương-Nhật-Lễ tiếm Trần dựng lên.

Thói nhà bài-hước đã quen,²⁰²

Tiếng hoà nhịp phách, hát chen cung đàn.

Hiển-từ đã phải hàm-oan,²⁰³

Trần-công mưu hở thân-tàn cũng thương !²⁰⁴

Nghệ-tông dòng dõi thiên-hoàng,²⁰⁵
Đà-giang lánh dấu liệu đường khuất-thân.²⁰⁶
Tiềm-mưu với kẻ tôn-thần,²⁰⁷
1140. Đem về xã-tắc nhà Trần thừa xưa.
Yêu-phân đành đã tảo-trừ,²⁰⁸
Cũng là nỗi một mối thừa lại sau.

Lời-giải. – *Dụ-Tông mất không có con (1369) Bà Hoàng-thái-hậu nhất-định lập Dương-Nhật-Lễ lên ngôi. Nhật-Lễ là con một người hát bội, được một hoàng-thân nhận làm con nên chỉ quen thói hát xướng chơi bời. Sau Nhật-Lễ giết Hoàng-thái-hậu và Trần-Nguyên-Trác là người muốn đánh Nhật-Lễ. Năm 1370, con thứ ba vua Minh-Tông, vẫn ẩn náu ở mạn Đà-giang, âm-mưu với các tôn-thất, đem quân giết được Nhật-Lễ và lấy lại được ngôi vua. Đó là Trần-Nghệ-Tông (1370-1372).*

3) Chiêm-thành xâm-nhiều

Tiếc sao một mực ưu-nhu,²⁰⁹
Đông-A từ ấy cơ-đồ mới suy.²¹⁰
Giậu phen trồng-trái biên-thuỳ,
Giặc Chiêm giông-ruổi đô-kỳ xông-xao.²¹¹
Quý-Ly cho dự khu-tào,²¹²
Báu thiêng lại để gian-hào khai-du.²¹³
Duệ-Tông hăm-hở phục-thù,
1150. Đánh Chiêm nào quản trì-khu dăm trường.²¹⁴
Khinh minh vào động Ky-mang,

Tình-kỳ tan-tác gió sương mịt-mù. ²¹⁵

Em là Phế-đế hôn-ngu, ²¹⁶

Chôn tiền giấu của như trò trẻ chơi.

Lời-giải. – Vào nửa sau thế-kỷ 14, trong khi nhà Trần suy-nhược thì ở Chiêm-thành có Chế-Bồng-Nga là một ông vua anh-hùng lập chí luyện-tập quân-sĩ để đánh nước ta.

Về đời Dụ-Tông, quân ta đã hai lần tiến sang Chiêm mà đều phải rút lui (1353 đem Chế-Mộ về, và 1367). Từ 1368, Chiêm sai sứ sang đòi Hóa-châu, rồi năm 1370, kéo quân sang đánh Thăng-long, Nghệ-Tông phải chạy. Quân Chiêm vào thành cướp phá, rồi bắt đàn bà con gái, lấy của cải mà rút về.

Duệ-Tông lên ngôi (1374-1377) sửa-soạn đánh báo thù. Năm 1377, đem đại-binh tiến vào cửa Thi-nại (Qui-nhơn) đánh đồn Thạch-kiên và động Ky-mang rồi vây Đồ-bàn (gần thành Bình-định bây giờ) là kinh-đô của Chiêm. Nhưng Duệ-Tông bị phục-binh của Chế-Bồng-Nga giết, và quân ta bị thiệt hại gần hết.

Con Duệ-Tông là Nghiễn lên làm vua (1377) nhưng nước ta đã quá suy-nhược. Từ 1377 đến 1388, quân Chiêm vào cướp phá Thăng-Long ba lần và nhiều lần vào quấy nhiễu vùng Thanh-hoá, Nghệ-an. Vua Đế-Nghiễn (Trần Phế-đế) sợ giặc phải đem của đi chôn !

Năm 1389, Chế-Bồng-Nga lại đem quân đánh Thanh-hoá và sang năm sau (1390) đem quân tiến đến sông Luộc (thuộc tỉnh Hưng-yên). Bồng-Nga bị trúng đạn chết ở đấy.

Quân Chiêm phải rút về. Từ đây ta mới hết lo về mặt Nam-thuỳ.

4) Lê-Quý-Ly phế-lập

Quý-Ly quyền lẫn trong ngoài,²¹⁷
Buông lời sàm-gián quên bài tôn-thân.²¹⁸
Truyền vời Phế-đế vào sân,
Lựa đào một tấm bể trần kết-oan.
Thuận-Tông tuổi mọn tài hèn,
1160. Ngồi không mà để chính-quyền mặc ai.
Phải chăng bởi tại mưu người,
Mà diễm trăm-triệu cơ trời lạ sao !²¹⁹
Thượng-hoàng một giấc chiêm-bao,
Bạch-kê, xích-chuỷ ứng vào câu thơ.²²⁰
Loạn-trưng đã hiện từ giờ,²²¹
Mà đồ tứ-phụ ai ngờ vẽ ra !²²²
Chim con đem gửi ác già,²²³
Chắc đâu phó-thác hẳn là đặc-nhân !²²⁴

Lời-giải. – Lê-Quý-Ly, vốn là họ Hồ, vì có ông tổ làm con nuôi họ Lê ở vùng Thanh-hoá, nên đổi ra họ Lê. Quý-Ly có hai người cô lấy Minh-Tông, một người đẻ ra Duệ-Tông, một người đẻ ra Nghệ-Tông. Nên Quý-Ly được Nghệ-Tông tin dùng suốt trong thời-kỳ Nghệ-Tông làm vua và làm Thái-thượng-hoàng, trải qua bốn đời vua (1370-1394). Quý-Ly gièm pha để gác bỏ hết người trung-thành với vua, đặt tay chân của mình vào các chỗ có quyền-hành, xui Nghệ-Tông truất Đế-Nghiễn là người muốn chống với Quý-Ly ; rồi ép

Đế-Nghiễn tự-tử. Tuy vậy trước khi chết, Nghệ-Tông vẫn còn giao cho Quý-Lý làm phụ-chính cho Trần-Thuận-Tông (1388-1398).

ĐOẠN MƯỜI BA : NHÀ HỒ VÀ GIẶC MINH (1400-1418)

1) Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần

Quý-Ly găm-ghẻ vạc Trần, ²²⁵

1170. Quyết dời kẻ-chợ về gần An-tôn. ²²⁶

Đã xui truyền vị cho con,
Ngọc-thanh lại kết oan-hồn một giây
Gặp khi Thiếu-Đế thơ ngây,
Khát-Chân, Trần-Hăng đem ngày hợp-mưu.

Hội-minh vừa mới lên lầu, ²²⁷
Ba trăm đồ-đảng cùng nhau hiệp-tình.
Dùng-dăng chưa kịp cất binh,
Hở cơ một phút tan tành như tro.

Quý-Ly mới đổi họ Hồ,

1180. Quốc-danh là hiệu Đại-Ngu chương-hoàng. ²²⁸

Truyền ngôi con cả Hán-Thương,
Tự xưng là Thái-thượng-hoàng ở trong.
Sai người dâng biểu cầu-phong.

Dối Minh xin để nổi dòng quốc-quân. ²²⁹

Lời-giải. – Sau khi Thái-thượng-hoàng Nghệ-Tông mất (1394), Quý-Ly mưu việc cướp ngôi nhà Trần. Bắt Thuận-Tông dời đô vào thành Tây-đô (động An-tôn nay thuộc huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa), ép Thuận-Tông nhường ngôi cho con mới có 3 tuổi, rồi lại sai thắt cổ Thuận-Tông ở cung Ngọc-thanh là nơi Thuận-Tông đã ra ở ẩn để tu tiên (huyện Vĩnh-lộc). Quý-Ly làm phụ-chính cho Trần-Thiếu-Đế.

Triều-thần có người như Trần-Nguyên-Hãn, Trần-Khát-Chân định trừ Quý-Ly ; nhưng việc lộ, hơn 300 người bị giết.

Năm 1400, Quý-Ly bỏ Thiếu-Đế, tự xưng làm vua, đổi lại là họ Hồ và đặt tên nước là Đại-Ngu, vì họ Hồ là dòng-dõi nhà Ngu (bên Tàu). Chưa được một năm, Quý-Ly nhường ngôi cho con là Hồ-Hán-Thương và làm Thái-thượng-hoàng, sai sứ nói dối là con cháu nhà Trần không còn ai, để xin nhà Minh phong cho Hán-thương làm An-nam quốc-vương.

Nhà Hồ làm vua được có bảy năm (1400-1407). Nhưng trong nước có sửa-sang nhiều việc : chuẩn-bị quân lính, định lại thuế khoá, thi-cử, v.v... Lại có công đánh Chiêm-thành, mở thêm bờ cõi vào tới Chiêm-động (thuộc Quảng-nam) và Cổ-lũy (thuộc Quảng-ngãi) (1402-1403).

2) Quân Minh diệt nhà Hồ

Nguyễn-Khang giả tiếng họ Trần,
Sang Minh xin lấy viện-quân đưa về.

Chi-lǎng nghe động cổ-bể, ²³⁰

Lý-Bàn, Mộc-Thạnh trở cờ tới nơi. ²³¹

Quân Minh nhân thế đuổi dài, ²³²

1190. Nhị Hồ mới chạy ra ngoài phương xa.

Núi Cao-vọng, bến Kỳ-la,

Đường cùng phải bắt cũng là trời xui !

Tôn-vinh kẻ được mấy hơi,

Sáu năm tiếm-vị, muôn đời ô-danh. ²³³

Lời-giải. – Năm 1404, có Nguyễn-Khang, sau đổi tên là Trần-Thiên-Bình tự xưng là con vua Nghệ-Tông, trốn sang

Tàu, kể rõ sự tiếm-nghịch của Quý-Ly và xin nhà Minh giúp. Nhà Minh bấy giờ thế đã mạnh và dò xét nước Nam đã kỹ, bèn mượn tiếng giúp nhà Trần diệt nhà Hồ, mà kéo quân sang. Năm 1406, Quý-Ly chặn đánh quân Minh ở Chi-Lăng, bắt được Trần-Thiên-Bình mà giết đi. Quân Minh liền chia hai đường từ Vân-nam và từ Quảng-tây đánh xuống. Quân nhà Hồ thua. Quý-Ly chạy vào đến cửa Kỳ-la (thuộc huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh) thì bị quân Minh bắt, con cháu thì bị bắt ở núi Cao-vọng, cũng thuộc huyện Kỳ-anh (1407), rồi bị giải cả về Tàu.

3) Trần-Giản-Định chống Minh

Quý-Ly tội ác đã đành,
Rồi ra lại gặp người Minh hung-tàn.
Chia phủ, huyện, đặt quân-quan,
Cỏ cây đều phải lằm-than hội này.
Dòng Trần chưa dứt một dây,
Triệu-Cơ còn rắp ra tay đồ-hồi.²³⁴
Lại phù Giản-Định lên ngôi,
Cảnh-Chân, Đặng-Tất vua tôi hiệp-tình.
Mở cờ đánh với quân Minh,
Phá đồn Cổ-lộng, đốt thành Bô-cô.
Ví hay nhân thế tráng-khu,²³⁵
May ra khôi-phục cơ-đồ cũng nên.
Trùng-hưng cơ-tự chưa bền,²³⁶
Bổng không đem kẻ tướng hiền giết đi.²³⁷
Cho nên hào-kiệt bạn-li,²³⁸
1210. Cánh vây không có, còn gì mà mong ?

Lời-giải. – Nhà Minh diệt Hồ xong, liền chia nước ta ra thành phủ, huyện, và đặt quan cai-trị ; dụ con cháu nhà Trần ra mà giết đi, lấy lợi mà mua chuộc hay bắt những người tài-giỏi mà đưa về Tàu. Bấy giờ có Trần-Triệu-Cơ tôn con cháu nhà Trần là Giản-Định-Vương lên làm vua (1407-1409) và cất quân đánh giặc Minh. Nhờ có những tướng-tài như Đặng-Tất, Nguyễn-Cảnh-Chân và được dân ủng-hộ, vua Giản-Định phá được quân Minh ở bến Bô-cô, thuộc huyện Phong-doanh, và đuổi đến thành Cổ-lộng thuộc huyện Ý-yên, tỉnh Nam-định. Nhưng vua Giản-Định không biết thừa thế đánh ra tới Đông-đô (Thăng-long). Sau lại nghe lời gièm pha, giết Đặng-Tất và Cảnh-Chân, khiến cho lòng người chán-nản.

4) Trần-Trùng-Quang chống Minh

Tướng-môn lại có con dòng,²³⁹
Đặng-Dung, Cảnh-Dị mới cùng hợp-mưu.
Một hai quyết-chí đồng-cửu,²⁴⁰
Cùng đem binh-sĩ ruổi vào Chi-la.
Lại tìm dòng-dõi Trần-gia,
Tôn-phù Quí-Khoáng, ấy là Trùng-Quang.²⁴¹
Đem binh vào phủ Thiên-tràng,
Đón vua Giản-Định về đàng Nghệ-an.
Cùng nhau gánh việc gian-nan,
1120. Hạ-hồng tế ngựa Bình-than đỗ thuyền.²⁴²
Quân Minh cố giữ thành bền,
Bồng đầu Trương-Phụ băng miền lại sáng.

Lời-giải. – Con Đặng-Tất là Đặng-Dung và con Cảnh-Chân là Cảnh-Dị liền quay binh về Chi-La (tức là huyện La-sơn, Hà-Tĩnh), tôn cháu vua Nghệ-Tông là Quý-Khoáng lên làm vua, lấy hiệu là Trùng-Quang. Quý-Khoáng tôn vua Giản-Định, bấy giờ đương chống Minh ở phủ Thiên-trường (Nam-định), lên làm Thái-thượng-hoàng ; rồi chia nhau chống với quân Minh. Giản-Định đóng ở Hạ hồng (Ninh-giang), còn Quý-Khoáng đóng ở bến Bình-than (thuộc huyện Gia-bình, Bắc-ninh). Nhà Minh sai Trương-Phụ đem quân sang tiếp-viện.

5) Quân Minh chiếm toàn cõi Đại-Việt

Từ khi Giản-Định đầu hàng,
Nghệ-an đất cũ Trùng-Quang lại về.
Quân Minh chiếm giữ Bắc-kỳ,²⁴³
Vua Trần lánh ở Nam-thùỵ một nơi.²⁴⁴
Đặng-Dung, Cảnh-Dị mấy người,
Thế cùng dù có tướng tài cũng thua.
Trước sau mười bốn đời vua,
1230. Một trăm tám chục xuân-thu chưa chầy.²⁴⁵
Loạn-cơ bởi tự ai gây ?²⁴⁶
Quý-Ly tiếm-thiết tội lây muôn đời.²⁴⁷
Chẳng qua lịch đổi, số dời,²⁴⁸
Xui ra cho đưa gian-hồi nhuộm tay.²⁴⁹

Lời-giải. – Quân Trương-Phụ đánh đuổi và bắt Giản-Định ở vùng Nho-quan. Quý-Khoáng giữ Bình-than không nổi, phải rút về Nghệ-an. Sau bị đánh và thiếu lương-thực,

lại phải bỏ Nghệ-an chạy vào Hóa-châu (1413). Quân Minh tiến đánh, bắt được, giải về Tàu. Quý-Khoáng và các tướng Đặng-Dung, Nguyễn-Cảnh-Dị và Nguyễn-Súy đều tự-tử ở giữa đường.

6) Chính-sách nhà Minh

Cốc-lăng trời khéo đổi thay,²⁵⁰
Giận riêng bờ cõi từ rầy thuộc Minh.

Người trí-thức, kẻ tài-danh,²⁵¹
Nam-sơn đào-độn, Bắc-đình câu-lưu.

Thuế tở, thuế thóc tham-cầu,²⁵²

1240. Mỏ vàng mỏ bạc, trưng-thâu cũng nhiều ;²⁵³

Săn bạch-tượng, hái hồ-tiêu,²⁵⁴

Mò châu, cấm muối, lăm điều hại dân.²⁵⁵

Lời-giải. – Nhà Trần mất rồi, nước ta bị nhà Minh cai-trị một cách tàn-ác. Người tài-giỏi bị dụ-dỗ ra làm quan rồi bị đưa về giữ ở Kim-lăng (Tàu) ; còn người nào muốn sống thì phải ẩn-trốn ở nơi rừng núi. Nhà Minh lại đặt ra nhiều thứ thuế nặng (thuế tở, thuế thóc) ; bắt dân đi khai mỏ vàng, mỏ bạc, vào rừng lấy hồ-tiêu, săn voi trắng để lấy ngà, hoặc là lặn xuống biển để mò ngọc trai. Lại cấm dân nấu muối. Dân-gian bấy giờ khổ sở và oán-giận vô-cùng. Đó là cơ-hội thuận-tiện cho cuộc khởi-nghĩa của vua Lê-Thái-Tổ.

ĐOẠN MƯỜI BỐN : NHÀ HẬU-LÊ THỜI-KỲ THỐNG-NHẤT (1418-1526)

1) Lê-Thái-Tổ phá giặc Minh

Mới hay cơ-tạo xoay vần,²⁵⁶
Có khi bĩ-cực đến tuần thái-lai.²⁵⁷
Thiếu chi hào-kiệt trong đời,
Non xanh nước bạc có người kinh-luân.²⁵⁸
Lương-giang trời mở chân-nhân,²⁵⁹
Vua Lê-Thái-Tổ ứng tuần mới ra.²⁶⁰
Lam-sơn khởi-nghĩa từ nhà,
1250. Phong-trần lắm lúc kể đà gian nguy.²⁶¹
Lạc-xuyên đầu giết Mã-kỳ,
Nghệ, Thanh một giải thu về bản-chương.²⁶²
Chia quân kinh-lược mọi đường,²⁶³
Hai kinh đã định, bốn phương cũng bình.
Vương-Thông bền giữ cô-thành,²⁶⁴
Viện-binh hai đạo Bắc-đình tiếp sang.²⁶⁵
Trời nam đã có chủ-trương,²⁶⁶
Mà cơ chế-thắng miếu-đường cũng tinh.²⁶⁷
Chi-lăng các đạo phục-binh,
1260. Liễu-Thắng, Mộc-Thạnh liễu mình nẻo xa.
Vương-Thông thế túng cầu-hòa,
Quyền phong Trần-Cảo gọi là Quốc-vương.²⁶⁸
Ngôi thiêng sao xứng tài thường.²⁶⁹

Trần-công trầm-sát để nhường long-phi. ²⁷⁰

Lời-giải. – Lê-Lợi sau lên ngôi là Lê-Thái-Tổ, người làng Lam-sơn, huyện Thụy-nguyên, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa. Không chịu ra làm quan với nhà Minh, ở trong núi để sửa soạn đánh quân Minh.

Năm 1418, Lê-Lợi xưng là Bình-định-vương và khởi-nghĩa ở núi Lam-sơn, đánh được tướng nhà Minh là Mã-Kỳ ở Lạc-thủy (thuộc huyện Cẩm-thủy, phủ Quảng-hóa, Thanh hóa). Nhưng sau thế yếu lại bị thua.

Từ 1418 đến 1423, vương bị nhiều lúc gian-nan, nguy-khốn, nhưng không nản lòng.

Năm 1424, vương đánh lấy Nghệ-an, rồi một mặt thì cho ra vây Tây đô (Thanh-hóa) và một mặt sai tướng đánh vào Thuận-hóa.

Năm 1426, vương tiến binh ra Bắc, phá tan quân Minh ở Tuy-động (thuộc huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà đông gần Ngã-ba Thá) rồi vây Đông đô (Hà-nội).

Năm 1427, nhà Minh sai bọn Liễu-Thắng, Mộc-Thạnh đem 10 vạn quân sang cứu Vương-Thông bị vây ở Đông-đô.

Bình-định-vương phục-binh ở ải Chi-lăng (Lạng-sơn giáp Lạng-giang) giết Liễu-Thắng và phá tan viện binh của giặc. Vương-Thông phải xin hòa. Lúc đầu, muốn có cuộc giảng-hòa dễ dàng, mượn cớ là lập lại nhà Trần, vương để cho nhà Minh phong cho Trần-Cao (có nơi đọc là Cảo) làm vua. Nhưng Trần-Cao biết không ai theo mình bèn trốn vào châu Ngọc-ma (phủ Trấn-ninh) và sau bị bắt về và uống thuốc

độc tự-tử. Bình-định-vương lên ngôi, đặt tên nước là Đại-Việt (1428).

2) Nhà Lê kiến-quốc

Thuận-thiên niên-hiệu cải-đề,²⁷¹
Non sông mới thuộc về Lê từ rầy.
Quan-danh, quân-hiệu mới thay,²⁷²
Bản-đồ đổi lại huyện này, phủ kia.
Dựng nhà học, mở khoa thi,
1270. Triều-nghi, quốc-luật một kỳ giảng-tu.²⁷³
Mười năm khai-sáng cơ-đồ,²⁷⁴
Sáu năm bình-trị qui-mô cũng tường.²⁷⁵
Thái-Tông rộng mở khoa-trường,²⁷⁶
Lập bia tiến-sĩ trọng đường tư-vấn.²⁷⁷
Chín năm nổi nghiệp cơ-cần,²⁷⁸
Viễn-di mền đức, cường-thần sợ uy.²⁷⁹
Tuổi xanh hoang-túng nhiều bề,²⁸⁰
Vườn xuân lắm lúc say-mê vì tình.
Đông-tuần về đến Bắc-ninh,²⁸¹
1280. Riêng tình Thị-Lộ quên mình bởi ai ?
Nhân-Tông tuổi mới lên hai,
Quyền trong mẫu-hậu chính ngoài thần-công.²⁸²
Mười năm một hội đại-đồng,²⁸³
Văn-mô rạng trước, vũ-công phục ngoài.²⁸⁴
Đánh Chiêm-thành, bắt Bí-cai,
Đồ-bàn, Cổ-lũy các nơi hướng tiền.²⁸⁵

Lời-giải. – Vua Lê-Thái-Tổ, đặt niên hiệu là Thuận-thiên, làm vua được sáu năm (1428-1433) thọ 49 tuổi. Vua Thái-Tông kế-vị (1434-1442). Đi qua huyện Chi Linh thấy người hầu của ông Nguyễn-Trãi, là Thị-Lộ có nhan sắc, liền bắt đi theo hầu. Đến huyện Gia-định (bây giờ là Gia-bình, Bắc-ninh) thì chết. Triều-đình đổ tội cho Thị-Lộ giết vua rồi giết cả ba họ ông Nguyễn-Trãi. Lê-Nhân-Tông (1443-1459) lên ngôi mới có 2 tuổi, nên quyền-bính ở trong tay bà Hoàng-thái-hậu.

Trong ba đời vua kể trên đây, nhất là trong sáu năm vua Thái-Tổ trị-vì đã có nhiều cuộc cải-cách quan-trọng : đặt ra phép quân điền (bốn năm lại chia lại ruộng đất công cho dân) ; định tên và chức vị hàng văn võ ; đặt lệ luật mới, phỏng theo hình-luật nhà Đường (bên Tàu) ; chia nước để đặt nền cai-trị. Việc học hành được khuyến khích nhiều : năm 1442, Thái-Tông sai khắc tên những người đỗ Tiến-sĩ vào bia bày ở nhà văn-miếu. Đối ngoại, thì về đời Nhân-Tông, quân ta đánh Chiêm-thành bảy giờ hay vào quấy nhiễu ở Hóa-châu. Quân ta lấy được kinh-đô Chiêm là Đồ-bàn (gần thành Bình-định) bắt được vua Chiêm là Bí-cai (1446).

3) Lê-Nghi-Dân cướp ngôi

Diên-ninh vừa độ trung-niên ²⁸⁶

Nhân-Tông tuổi cả mới lên ngự trào. ²⁸⁷

Nghi-Dân cốt-nhục nữ nào, ²⁸⁸

1290. Tiềm-mưu đêm bắc thang vào nội-cung. ²⁸⁹

Mẹ con đương thưở giặc nồng,
Hồn tiên liễu với gian-hùng một tay.
Nghì-Dân chuyên tiếm từ đây,²⁹⁰
Lương-tâm đã dứt : ác-cai lại nồng.²⁹¹
Đình thần nghị tội truất-phong,²⁹²
Rước Gia-Vương ngự đền rồng cải-nguyên.

Lời-giải. – Năm 1459, Nhân-Tông bị Nghi-Dân là một người anh khác mẹ, nửa đêm vào thành, giết chết cùng với Hoàng-thái-hậu.

Năm tháng sau, các cận thần nhà Lê họp nhau giết Nghi-Dân, nghịch-đảng, và tôn con thứ tư Thái-Tông là Gia-vương lên ngôi (1469). Đó là Lê-Thánh-Tông.

4) Thời-kỳ toàn-thịnh : Lê-Thánh-Tông

Thánh-Tông cốt-cách thần-tiên,²⁹³
Lại thêm kinh thánh truyện hiền gia-công.²⁹⁴
Quốc-âm, Đường-luật tinh-thông,²⁹⁵
1300. Thiên-văn, toán-pháp, binh-nhung cũng tường.²⁹⁶
Tài cao-mại, đức thù-thường,²⁹⁷
Kiến-văn đã rộng, thi-trương cũng già.²⁹⁸
Ba năm lại mở một khoa,
Tân-hưng đại-tị theo nhà Thành-Châu,²⁹⁹
Nhạc-âm, lễ-chế giảng-cầu,³⁰⁰
Quan-danh, phục-sắc theo trào (triều) Đại-Minh.³⁰¹
Mở Quảng-nam, đặt Trấn-ninh,
Đề-phong muôn dặm uy-linh ai bì.³⁰²

Kỷ công núi có đá bia, ³⁰³

1310. Thi-văn các tập Thần-khuê còn truyền. ³⁰⁴

Thừa-diêu lại có con hiền, ³⁰⁵

Hiển-Tông nhân-thứ rạng nền tiền-huy. ³⁰⁶

Lời-giải. – Lê Thánh-Tông (1460-1497) là một ông vua có tư-chất thông-minh mà lại chăm học-tập ; biết nhiều mà lại giỏi thực hành. Chín năm đầu lấy niên-hiệu là Quang-thuận ; từ 1470 thì đổi niên-hiệu là Hồng-đức.

Dưới triều Lê-Thánh-Tông về mọi phương-diện, nước ta tiến đến một trình-độ cao từ trước chưa bao giờ tới.

Việc học-hành được khuyến-khích : các khoa-thi được mở ra để chọn nhân-tài ; nhà Bí-thư được đặt ra để chứa sách vở ; văn-chương bằng quốc-âm được trau dồi, mà chính vua Lê-Thánh-Tông cũng còn đề lại nhiều bài thơ ; vua sai Ngô-Sĩ-Liên làm bộ Đại-Việt-sử-ký (gồm 15 quyển).

Về phương-diện cai-trị, thì Thánh-Tông đặt ra quan-chế và lễ-ngghi theo như nhà Minh (bên Tàu). Thuế-khoá được sửa đổi, việc canh-nông được săn-sóc. Luật-lệ được tu-soạn (nay còn lại bộ luật Hồng-đức vẫn quen gọi là luật nhà Lê).

Thánh-Tông lại chú-trọng đến việc võ-bị.

Năm 1470, đem quân vào phá kinh-thành Chiêm, và bắt vua Chiêm bấy giờ hay vào cướp phá ở Hóa-châu, Thánh-Tông lấy đất Đồ-bàn, Đại-chiêm và Cổ-lũy của Chiêm-thành, lập ra đạo Quảng-nam.

Năm 1479, đánh bại xứ Lão-quá (Thượng-Lào nay là Luang Prabang), tiến quân đến giáp-giới Diên-điện. Sau lại

đánh họ Cầm ở đất **Bồn**-man và đặt thêm ra phủ Trấn ninh.

Thanh-thế nước ta bấy giờ lừng-lẫy.

Sau Thánh-Tông, Lê-Hiến-Tông (1497-1504) cũng là một ông vua tốt, săn-sóc đến dân-quê, chăm-chú đến việc canh-nông và lấy đức-độ, nhân-tử mà đối-đãi với mọi người.

5) Nhà Lê bắt đầu suy

Túc-Tông số lẻ vận suy,³⁰⁷

Để cho Uy-Mục thứ chi nối đời.³⁰⁸

Đêm ngày tửu-sắc vui chơi,

Tin bè ngoại-thích hại người từ-thân.³⁰⁹

Văn-Lang xướng-suất phủ-quân,³¹⁰

Thần-phù nổi áng phong-trần một phương.³¹¹

Giản-Tu cũng phái Ngân-hoàng,³¹²

1320. Vào Thanh hợp với Văn-Lang kết thề.

Đem binh vây bức đô-kỳ,

Quý-vương khuất mặt, quyền về Trư-vương.³¹³

Lại càng dâm-ngược kiêu-hoang,

Trăm gian, nghìn nóc, cung-tường xa-hoa.

Lại càng bác-tước họ nhà,³¹⁴

Cành vàng lá ngọc đều là điêu-linh.³¹⁵

Lời-giải. – Túc-Tông kế-vị được sáu tháng thì chết (1594). Ngành khác được tôn lên làm vua, tức là Lê-Uy-Mục (1505-1509).

Uy-Mục say đắm tửu-sắc, nghe người họ ngoại mà giết bà Thái-hoàng-thái-hậu. Em bà Thái-hậu liền đem quân ba

phủ, phù-lập Giản-tu-công ở Thần-phủ (là anh em con chú con bác với Uy-Mục) lên làm vua, rồi đem quân về giết Uy Mục. Giản-tu-công lên ngôi, tức là vua Lê-Tương-Dực (1510-1516). Tương-Dực chơi bời xa-xỉ, phung-phí tiền của dân để làm cung-điện, chém giết cả họ hàng. Lòng người ta oán, giặc-dã nổi lên khắp mọi nơi.

6) Loạn Trần-Cảo và Trịnh Duy-Sản

Phượng ngoài Trần-Cảo lộng-binh,³¹⁶

Mà trong Duy-Sản mống tình bạn-quân.³¹⁷

Đem binh vào cửa Bắc-thần,³¹⁸

1330. Bích-câu một phút mông-trần bởi ai.³¹⁹

Giềng Lê khi đã đổi đời,³²⁰

Mặc tay Duy-Sản đặt người chủ-trương.³²¹

Đã tôn con Mục-ý-vương,

Lại mưu phù-lập Chiêu-hoàng cớ sao ?³²²

Thị-thành vừa lúc xôn-xao,

Lại đưa xa-giá ruổi vào cõi Tây.³²³

Lòng trời khứ-tật mới hay,³²⁴

Giết Duy-Sản lại mượn tay giặc Trần.

Tướng tài còn có Trần-Chân,

1340. Nguyệt-giang chống với giặc Trần mấy phen.³²⁵

Ngụy Trần vào cứ Đồng-nguyên,³²⁶

Truyền ngôi con cả, cải nguyên Tuyên-hòa.

Cạo đầu vào cửa Thích-già,

Y-qui nường bóng Di-đà độ-thân.³²⁷

Lời-giải. – Dưới thời Lê-Tương-Dực (1510-1516), giặc dã như ong. Có giặc Trần-Cảo là lo nhất. Trần-Cảo khởi loạn ở Hải-dương rồi đem quân về uy-hiếp kinh-thành.

Bấy giờ trong triều, Tương-Dực vẫn hoang chơi, lại đánh Trịnh-Duy-Sản là một tướng có công đi đánh giặc.

Duy-Sản liền đem quân vào cung giết Tương-Dực, tôn con Mục-ý-vương làm vua (tức là Lê-Quang-Trị), rồi mấy hôm sau lại giết đi mà lập Lê-Chiêu-Tông. Bấy giờ kinh-thành đã bị tàn-phá. Duy-Sản đem Chiêu-Tông chạy về Tây-kinh (Thanh-hóa).

Trần-Cảo vào kinh-thành, tự xưng làm vua, sau quân nhà Lê ra thì lại rút về Lang-nguyên (tức Đông-nguyên) Duy-Sản đuổi theo bị Trần-Cảo giết.

Nhưng nhờ có Trần-Chân chống nhau với Trần-Cảo ở sông Nguyệt-đức. Sau Trần-Cảo bị đánh thua, liền nhường quyền cho con mà đi tu.

7) Chính-quyền tan-rã

Trời sinh ra hội phong-trần, ³²⁸

Mạc-Đăng-Dung lại cường-thần nổi lên. ³²⁹

Trần-Chân tay giữ binh-quyền,

Trên ngờ thế cả, dưới ghen tài lành. ³³⁰

Tiểu thay có tướng can-thành, ³³¹

1350. Tin sàm mà nữ dứt tình chẳng tha. ³³²

Vì ai gây nổi oan-gia, ³³³

Để cho Nguyễn-Kính lại ra báo-thù.

Kinh-sư khói lửa mịt mù, ³³⁴
Xe loan ra cõi Bảo-Châu tỵ trần. ³³⁵
Nguyễn-Sư cũng đảng nghịch-thần, ³³⁶
Nửa năm phù-lập hai lần quốc-vương. ³³⁷
Ngàn Tây một cõi chiến-trường, ³³⁸
Phó cho Mạc-súy sửa sang một mình. ³³⁹

Lời-giải. – Lê-Chiêu-Tông (1516-1527), nghe lời gièm pha, nghi là Trần-Chân làm phản, vờ vào thành mà giết đi.

Tướng của Trần-Chân, là bọn Nguyễn-Kính, nổi lên đánh phá kinh-thành. Vua phải chạy về Bảo châu (huyện Từ-liêm). Lại có bọn Nguyễn-Sư thông với giặc làm phản.

Chiêu-Tông sai Nguyễn-Hoảng-Dụ và Mạc-Đăng Dung đánh dẹp. Hoảng-Dụ bị giặc giết ở Sơn-tây ; nên binh-quyền vào tay Đăng-Dung cả. Sau Đăng-Dung dẹp được bọn Nguyễn-Sư và Nguyễn-Kính.

8) Mạc-Đăng-Dung chuyên quyền

Đăng-Dung cậy có công-danh,
1360. Thuyền rồng, tán phượng lộng-hành sợ chi. ³⁴⁰
Chiêu-Tông gặp lúc hiểm-nghi, ³⁴¹
Nửa đêm lén bước chạy về Tây-phương. ³⁴²
Đăng-Dung lại lập Cung-hoàng,
Hành-cung tạm trú Hải-dương cõi ngoài. ³⁴³
Xe loan về đến kinh-đài, ³⁴⁴
Sẵn sàng thiên-chiếu ép bài sách phong. ³⁴⁵

Họa-tâm từ ấy càng nồng,³⁴⁶

Lương-châu Tây-nội cam lòng cho đang.³⁴⁷

Lời-giải. – Mạc-Đăng-Dung, cậy có công đánh dẹp, lộng-quyền và dùng nghi vệ của nhà vua. Chiêu-Tông nghi Đăng Dung muốn cướp ngôi, nửa đêm trốn về Sơn-tây để định đem binh đánh Mạc. Đăng-Dung liền lập em vua lên ngôi, là Cung-hoàng (1521), rồi đem Cung-hoàng về tạm trú ở vùng Gia-phúc (nay là Gia lộc) tỉnh Hải-dương. Năm 1524, Đăng-Dung đuổi theo Chiêu-Tông đến Thanh-hóa, bắt đem về kinh-đô giết đi. Năm 1527, Đăng-Dung sai viết sẵn tờ chiếu nhường ngôi cho họ Mạc và ép Cung-hoàng ký. Cung-hoàng và bà Hoàng-thái-hậu bị ép phải tự-tử ở Tây-nội.

ĐOẠN MƯỜI LĂM : NHÀ MẠC (1527-1592)

1) Ngoại-giao và nội-chính của Mạc-Đăng-Dung

Mạc rầy rỡ mặt tiếm-cường,³⁴⁸

1370. Thăng-long truyền nước, Nghi-dương dựng nhà.³⁴⁹

Dỗ người lấy vẻ vinh-hoa,

Nhưng lòng trung-nghĩa ai mà sá theo.³⁵⁰

Cầu phong sai sứ bắc-triều,

Dâng vàng, nộp đất nhiều điều dối Minh.

Lê-thần có kẻ trung-trinh,³⁵¹

Trịnh-Ngung sang đến Bắc-đình tỏ kêu.³⁵²

Minh tham lễ hậu của nhiều,

Phụ tình trung-nghĩa, quên điều thị-phi.³⁵³

Đăng-Dung thỏa chước gian-khi,³⁵⁴

1380. Tuổi cao rồi lại truyền về Đăng-Doanh.

Mã-giang đầu xướng nghĩa-thanh,³⁵⁵

Gần xa đâu chẳng nức tình cần-vương.³⁵⁶

Được thua mấy trận chiến-trường,

Nghìn thu tiết-nghĩa đá vàng lưu-danh.³⁵⁷

Lời-giải. – Mạc-Đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê đặt niên hiệu là Minh-đức (1527), sai dựng cung điện ở làng Cổ-trai huyện Nghi-dương (nay thuộc tỉnh Kiến-an).

Mạc Đăng-Dung sai sứ sang nói dối nhà Minh (Tầu) rằng nhà Lê đã hết, để cầu phong. Bề tôi cũ nhà Lê là Trịnh Ngung và Trịnh-Ngang tố-giác việc thoán-đoạt của Đăng-Dung. Nhưng bấy giờ Mạc đem tiền của đốt lột nhà Minh ;

vua Mạc lại tự trói mình, quỳ ở cửa Nam-quan xin chịu tội, đem trình sổ đình, sổ điền và cắt đất sáu động ở cạnh châu Khâm dăng nhà Minh. Nhà Minh làm ngơ đi, mà phong cho Đăng-Dung một tước quan nhà Minh.

Trong nước, Đăng-Dung lấy lợi mà dụ-dỗ mọi người. Nhưng không ai phục. Nhiều bề tôi cũ nhà Lê nổi lên chống Mạc, trong đó đáng chú-ý nhất là Lê-Ý khởi-nghĩa ở vùng sông Mã (Thanh-hóa), đánh nhà Mạc được mấy rận, nhưng rồi sau lại bị thua. Làm vua được ba năm, Đăng-Dung bắt chước lệ nhà Trần, truyền ngôi cho con là Mạc-Đăng-Doanh, còn mình thì làm Thái-thượng hoàng (1530).

2) Nguyễn-Kim khởi-nghĩa phù Lê

Cành Lê có độ tái-vinh,³⁵⁸

Xui nên tá-mệnh trời sinh thánh-hiền.³⁵⁹

Đức vua Triệu-tổ ta lên,³⁶⁰

Cất quân phù-nghĩa giúp nền trung-hưng,³⁶¹

Sầm-châu ỷ thế nguồn rừng.³⁶²

1390. Mười năm khai-thác mấy từng nước non.³⁶³

Dù khi đình-tộ suy mòn,³⁶⁴

Cương-trù chưa nát vẫn còn tôn Lê.³⁶⁵

Trang-Tông lưu-lạc tìm về,

Chia binh Thúy-đạn, mở cờ Ai-lao.

Lôi-dương một trận binh giao,³⁶⁶

Phá tan nghịch-đảng tiến vào Nghệ-an.³⁶⁷

Cỏ hoa mừng rước xe loan,

Thổ-hào ứng nghĩa, dân-gian nức lòng,³⁶⁸
Tây-đô quét sạch bụi hồng,³⁶⁹
1400. Dặm-tràng thẳng trở ngọn đồng tràng-khu.³⁷⁰
Hẹn ngày vào tới Đông-đô,³⁷¹
Một hai thu-phục cơ-đồ thừa xưa.³⁷²
Độc sao hàng-tướng tiến đưa,³⁷³
Trước dinh Ngũ-trượng bỗng mờ tướng-tinh.³⁷⁴

Lời-giải. – Con Nguyễn-Hoảng-Dụ là Nguyễn-Kim, trước làm quan nhà Lê, trốn sang Ai-lao ở đất Sầm-châu (cũng còn đọc là Cầm-châu, tìm con cháu nhà Lê để lo việc khôi-phục. Sau tìm được con út Lê-Chiêu-Tông là Lê-Duy-Ninh, tôn làm vua ; tức là Lê-Trang Tông (1532). Trang-Tông và Nguyễn-Kim, nương-náu mười năm, ở Sầm-châu để chiêu-tập quân-sĩ.

Năm 1540, Nguyễn-Kim khởi-binh ở Ai-lao tiến đánh quân Mạc ở Lôi dương (thuộc Thanh-hóa), rồi chiếm lấy Thanh-hóa và Nghệ-an. Dân-gian và hào-kiệt các nơi đều theo Lê-Trung-Tông (1542). Năm 1543, Nguyễn-Kim định ra đánh Đông-Đô (Thăng long). Nhưng quân ra tới Yên-mô (Ninh-bình) thì một hàng tướng nhà Mạc, là Dương-Chấp-Nhất tiến quả dưa có thuốc độc, ông ăn phải mà chết (1544). Binh-quyền đều giao lại cho con rể Nguyễn-Kim là Trịnh-Kiểm.

3) Trịnh-Kiểm tiến quân ra Bắc

Tiến thay công-nghiệp thù-thành,³⁷⁵

Để cho Trịnh-Kiểm thay mình thống quân. ³⁷⁶
 Sáu năm vừa hội hanh-truân, ³⁷⁷
 Đình-hồ đâu đã đến tuần mây che. ³⁷⁸
 Trung-Tông nhờ cậy dư-uy, ³⁷⁹
1410. Mạc-thần mấy kẻ cũng về hiệu-trung. ³⁸⁰
 Biện-dinh quân mạnh, tướng hùng, ³⁸¹
 Bốn phương hào-kiệt nức lòng y quang. ³⁸²
 Đông-kinh trở ngọn việt vàng, ³⁸³
 Phúc-Nguyên Mạc-chúa chạy sang Kim-thành. ³⁸⁴
 Thần-phù thuyền giã lênh-đênh, ³⁸⁵
 Lại còn Kính-Điển đeo tình quấy trêu.
 Quan-binh theo ngọn thủy-triều, ³⁸⁶
 Duyên-giang một trận, nước bèo chảy tan. ³⁸⁷
 Anh-Tông nổi-nghiệp gian-nan,
1420. Tây-đô một giải giang-san cõi nhà.
 Mạc vào xâm-nhiều Thanh-hoa,
 Thái-sư Trịnh-Kiểm lại ra tiểu-bình. ³⁸⁸

Lời-giải. – *Trịnh-Kiểm rút quân về giữ thế thủ ở Thanh-hóa. Bấy giờ nước ta chia làm hai : từ Thanh hóa vào Nam có vua Lê cai-trị, từ Sơn-nam trở ra Bắc thì thuộc Mạc. Từ 1546 đến 1570, hai bên đánh nhau non hai mươi lần mà không phân được thua. Năm 1559, Trịnh-Kiểm tiến quân ra Bắc, đánh gần đến Đông-đô (Hà-nội), vua Mạc là Phúc-Nguyên phải chạy ra Kim-thành (Hải-dương). Nhưng tướng nhà Mạc là Mạc-Kính-Điển đem quân vào cửa bể Thần-phù (thuộc Ninh-bình) đánh vào Thanh-hóa ; Trịnh-Kiểm lại phải*

bỏ xứ Bắc mà về giữ Tây-đô. Dưới đời Lê-Anh-Tông (kế vị Lê-Trung-Tông từ 1556) Mạc-Kính-Điển vào Thanh-hóa, Trịnh Kiểm phải đem quân ra giữ, nhưng rồi cũng không bên nào được hay thua hẳn.

4) Nguyễn-Hoàng vào Hóa-châu

Hóa-châu có đất biên-thành,³⁸⁹

Bốn bề sơn-hải trời dành kim-thang.³⁹⁰

Trịnh-công tau với Lê-hoàng,³⁹¹

Chọn người ra giữ một phương thành dài.

Bản-triều Thái-Tổ hùng-tài,³⁹²

Giống cờ ra trấn cõi ngoài từ đây.

Việt-mao khi đã đến tay,³⁹³

1430. Hoành-sơn một giải mới gây cơ-đồ.³⁹⁴

Lời-giải. – Khi Nguyễn-Kim mất có để lại hai người con trai là Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng. Nguyễn-Uông bị họ Trịnh kiểm có mà giết chết. Nguyễn-Hoàng sợ mới nói với chị là Ngọc-Bảo (vợ Trịnh-Kiểm) xin với Trịnh-Kiểm vào ở phía Nam. Năm 1558, Trịnh-Kiểm xin Lê-Anh-Tông cho Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận hóa. Nhờ có lòng người theo phục và địa-thế hiểm trở, Nguyễn-Hoàng khai-thác Hóa-châu và đặt nền móng cho cơ-nghiệp nhà Nguyễn từ đây.

5) Trịnh-Mạc phân-tranh

Mặt trong đành đã khỏi lo,

Trịnh-công chuyên-ý trì-khu cõi ngoài.³⁹⁵

Quận Gia, quận Định mấy người,³⁹⁶
Hưng, Tuyên binh-hợp các nơi thêm đầy.³⁹⁷
Mạc dẫn suy-yếu từ nay,
Vận Lê xem đã đến ngày trùng-hanh.³⁹⁸
Đem quân về giữ Tây-kinh,
Bể thanh lại lặng tằm kình như không.³⁹⁹
Nhân khi Mậu-hợp ấu-trùng,⁴⁰⁰
1440. Mở đường Phổ-cát, qua sông Bồ-đề.⁴⁰¹
Mạc vào, quân lại rút về,
Mạc lui, quân lại bốn bề kéo ra.
Tuyết-sương trăm trận xông-pha,⁴⁰²
Trịnh-công vì nước cũng đà cần-lao.⁴⁰³

Lời-giải. – Đã đẩy được Nguyễn-Hoàng vào Hóa-châu rồi, Trịnh-Kiểm mới chuyên chú đánh nhau với nhà Mạc. Một lần, những tướng nhà Mạc là quận Gia (tên là Vũ-Văn-Mật) ở Tuyên-quang, và quận Định (tên là Đặng-Định) ở Hưng-hóa theo hàng Lê, thanh-thế nhà Lê đã to. Lại một lần nữa, Trịnh-Kiểm đã đem quân từ Phổ-cát (Thanh-hóa) đánh ra đến bến Bồ-đề.

Nhưng cả hai lần, sắp thành-công, thì Trịnh-Kiểm lại phải rút về giữ Tây-đô (Thanh-hóa) vì có quân Mạc-Kính-Điển lén vào quấy rối Thanh-hóa. Quân Mạc rút về thì quân Trịnh lại kéo ra Bắc.

6) Trịnh-Tùng chấp chính

Tuổi già vừa giải tiết-mao,⁴⁰⁴

Con là Trịnh-Cối lại vào đồng-nhung.⁴⁰⁵
 Kiêu-hoang quen thói con dòng,
 Binh-quyền lại để Trịnh-Tùng thay anh.
 Cối, Tùng một gốc đôi cành,
1450. Vinh-khô đã khác, ân-tình cũng khuê.⁴⁰⁶
 Anh em mâu-thuẫn hai bề,⁴⁰⁷
 Thừa cơ Mạc lại kéo về nội-xâm.⁴⁰⁸
 Mạc lui, Tùng mới manh-tâm,⁴⁰⁹
 Ngoài trương thanh-thế, trong cầm quyền-cương.
 Lại mưu tàn-hại trung-lương,⁴¹⁰
 Vàng đưa ngoài cửa, búa trương dưới màn.
 Tạ-tình phụ tấm niêm-đan,⁴¹¹
 Đem Lê-Cập-Đệ giết oan nữ nào !
 Bằng không nổi trận ba-đào,⁴¹²
1460. Để cho xa-giá chạy vào Nghệ-an.⁴¹³
 Giá-diễn vừa mới hồi-loan,⁴¹⁴
 Lôi-dương đã nổi tiếng oan giữa vời.⁴¹⁵
 Thế-Tông con thứ nổi đời,
 Trịnh-Tùng phù lập cùng loài giả-danh.⁴¹⁶

Lời-giải. – Năm 1570, Trịnh-Kiểm mất, trao quyền lại cho con cả là Trịnh-Cối. Cối là người chơi-bời không ai phục. Trịnh-Tùng là em, liền cướp quyền của anh.

Thừa cơ anh em họ Trịnh đánh nhau, Mạc-Kính-Điển đem quân đánh Thanh-hóa. Cối ra hàng.

Trịnh-Tùng cầm quân, cố giữ thế-thủ. Mạc đánh không được, phải rút lui.

Bấy giờ mọi việc trong triều nhà Lê đều do Tùng quyết đoán. Tùng hống-hách, Lê-Anh-Tông lo sợ, mưu cùng bọn Lê-Cập-Đệ để trừ họ Trịnh. Nhưng Tùng giết Tập-Đệ trước. Anh-Tông bỏ chạy vào Nghệ-an ; tướng của Tùng đuổi theo bắt được vua trốn trong ruộng mía, đưa về đến Lôi-dương (thuộc Thanh-hóa) thì giết đi. Tùng liền lập Hoàng-tử Duy-Đàm lên ngôi. Đó là Lê-Thế-Tông (1573-1599).

7) Trịnh-Tùng diệt Mạc

Cõi ngoài giặc Mạc tung-hoành,
Bắc-hà cát-cứ mấy thành nhân-dân. ⁴¹⁷
Giáng uy nhờ có lôi-thần, ⁴¹⁸
Nhân khi Mậu-Hợp đến tuần thiên-tru. ⁴¹⁹
Mạc-thần mấy kẻ vũ-phu,
1470. Sao mai lác-đác, lá thu rụng-rời. ⁴²⁰
Xuất binh vừa gặp cơ trời, ⁴²¹
Đường ghềnh len-lỏi ra-ngoài Thiên-quan. ⁴²²
Tràng-khu một lối duyên-san, ⁴²³
Huyện-châu gió lướt, Tràng-an lửa nồng. ⁴²⁴
Bỏ thành Mạc chạy qua sông,
Đuổi sang Phượng-nhỡn đường cùng mới thôi. ⁴²⁵
Kể từ ngục Mạc tiếm ngôi, ⁴²⁶
Năm đời truyền-kế, sáu mươi năm chầy. ⁴²⁷
Trần-ai quét sạch từ rầy, ⁴²⁸
1480. Về kinh ban yến, tiệc bầy thưởng công.

Lời-giải. – Từ 1573 đến 1583, Trịnh-Tùng giữ thế-thủ. Quân Mạc vào đánh nhiều lần không được.

Từ 1583, thế-lực đã mạnh, Trịnh-Tùng mới khởi thế công ; nhưng đánh ra Sơn-nam rồi lại rút lui về.

Năm 1591, Tùng chia quân làm ba đạo do đường Thiên-quan (Ninh-bình) và đường núi đánh ra Đông-đô. Đi đến đâu các châu huyện đều hàng ; năm 1592 đến Đông-đô, Tùng vây thành và phóng hỏa. Mạc-Mậu-Hợp phải chạy sang Thổ-khôi (Bắc-ninh), rồi sau chạy đến Phượng-nhồn thì bị bắt và bị giết (1592).

Nhà Mạc làm vua được 5 đời và 65 năm.

ĐOẠN MƯỜI SÁU : LÊ TRUNG-HƯNG-VUA LÊ CHÚA TRỊNH (I) (1593-1729)

1) Giao-thiệp buổi đầu với Trung-hoa

Mới sai sứ-giả cầu phong,
Nghe gièm Minh hãy là còn lòng tín-nghi.⁴²⁹
Sai quan hội-khám một kỳ,⁴³⁰
Phong làm Đô-thống, cơ-mi gọi là !⁴³¹
Phùng-Khoan sứ-tiết cũng già,⁴³²
Biểu-từ biện-chiết thật đà thiết-minh.⁴³³
Mấy lời ôn-dụ đình-ninh,⁴³⁴
Phong vương còn đợi biểu-tinh có ngày.⁴³⁵

Lời-giải. – Sau khi đã lấy được Kinh-thành (1592), Trịnh-Tùng sai sứ sang Tàu cầu phong cho vua Lê. Nhà Minh sai quan đến cửa Nam-quan để xét việc ấy. Vua Lê tới hội-kiến. Lúc về, Trịnh-Tùng cử Phùng-Khắc-Khoan làm chánh-sứ đem lễ vật sang Yên-kinh cống nhà Minh để xin phong. Khắc-Khoan biện-luận rất giỏi. Nhưng vua Minh cũng thoái-thác, chỉ phong cho vua Lê làm Đô-thống-sứ, hứa rằng sau này sẽ phong vương (1596).

2) Trịnh-Tùng xưng chúa

Hổ lui, lang tới khéo thay !
1490. Mạc kia vừa dẹp, Trịnh này lại lên.
Tùng xem căn-cứ đã bền,
Công-danh càng thịnh, uy-quyền càng cao.

Rõ-ràng ngọc-sách tinh-bao,⁴³⁶
Gia-phong nguyên-sứ, dự vào sủng-chương.⁴³⁷
Bình-an lại tiến tước vương,⁴³⁸
Gầy nèn tiếm-thiết mở đường khai-du.⁴³⁹
Kính-tông còn độ ấu-cô,⁴⁴⁰
Đồng-lương ai kẻ xanh-phù vạc Lê.⁴⁴¹
Triều-thần những lũ Bui-Khuê,
1500. Lại tìm Mạc-nghiệt theo về Kính-Cung.⁴⁴²
Nghị-dương tro tắt lại nòng,⁴⁴³
Thị-thành nổi áng bụi hồng bởi ai ?⁴⁴⁴
Nhân khi giá-ngự ra ngoài,⁴⁴⁵
Thừa hư Mạc lại vào nơi đô-thành.⁴⁴⁶
Quan-quân ra đánh lại bình,
Thặng-dư mới phát tự Thanh ngự về.⁴⁴⁷
Chông gai tuy sạch mọi bề,
Mà trong quyền cả chuyên về một tay.
Bốn Phương tai-biến đã đầy,
1510. Đầm khô, núi lở, cát bay mù trời.⁴⁴⁸
Chẳng qua trăm sự tại người,
Gẫm cơ hưu-cửu biết đời thịnh-suy.⁴⁴⁹
Súng đâu phục trước đường đi,
Để cho Trịnh-chúa lại nghi Lê-hoàng.
Sinh con gặp đứa vô-lương,⁴⁵⁰
Châu-liên sao nữ quên đường quân-thân ?⁴⁵¹

Lời-giải. – Năm 1599, đời vua Lê-Thế-Tông, Trịnh-Tùng tự xưng làm « Đô-nguyên-súy Tổng-quốc-chính, Thượng-phụ Bình-an-Vương », định lệ cấp bổng cho vua Lê thuế 1.000 xã và 5.000 lính để làm quân túc-vệ, còn quyền-binh đều ở tay họ Trịnh. Năm 1599, vua Thế-Tông mất Kính-Tông lên kế-vị. Năm sau, bọn Bùi-Văn-Khuê phù-lập con cháu nhà Mạc nổi loạn. Trịnh-Tùng phải đưa Kính-Tông chạy về Thanh-hóa. Sau lấy lại được Thăng-long, giết được loạn-đảng và đuổi được Mạc-Kính-Cung, Trịnh-Tùng mới rước vua về kinh. Con thứ Trịnh-Tùng là Trịnh-Xuân, vì ganh quyền với con trưởng là Trịnh-Tráng, nên âm-mưu định hại Trịnh-Tùng. Việc không thành, liên-lụy đến Kính-Tông. Tùng bắt Kính-Tông phải thắt cổ chết (1619). Sau Trịnh Xuân cũng bị giết.

3) Trịnh-Tráng tăng quyền phủ chúa

Thừa gia theo lối cường-thần,⁴⁵²
Vua Lê, chúa Trịnh nhân-tuần đã quen.⁴⁵³
Thần-tông vừa mới cải-nguyên,
1520. Sách-phong Trịnh-Tráng đã ban từ giờ.
Thành-đô quyền trọng hơn xưa,
Nhà Lê cũng một giải thừa mà thôi !
Nước nhà đang buổi yên vui,
Xin vua xuống chiếu truyền ngôi nhẽ gì ?
Chẳng qua là dạ gian-khi,⁴⁵⁴
Làm cho rõ mặt phúc-uy tự nhà.⁴⁵⁵
Nhân-Tông tuổi mới mười ba,
Hững-hờ quyền chúa, ngôi cha mặc lòng.

Quốc-vương Minh mới cải-phong,⁴⁵⁶
1530. Bấy năm lịch-số vừa chung một đời.⁴⁵⁷
 Xoay quanh mới tỏ đạo trời,
 Báu thiêng đem lại cho người truyền gia.⁴⁵⁸
 Thần-Tông thay giữ nghiệp nhà,
 Thượng-hoàng lại đổi mặt ra tân-hoàng.⁴⁵⁹
 Thờ-ơ cờ đạo nhà vàng,⁴⁶⁰
 Chính-quyền phó mặc Trịnh-vương, biết gì ?
 Nhà Minh thừa ầy đã suy,
 Mượn binh lại rắp nhờ uy cường-thần.
 Sắc-phong chiếu-dụ ân-cần,
1540. Phó-vương Trịnh lại thêm phần tôn-vinh.⁴⁶¹
 Cả giàu-sang, lớn quyền-hành,
 Giang-sơn chung một, triều-đình chia đôi.

Lời-giải. – Lê Thần-Tông lên ngôi năm 1619 ; năm 1623 Trịnh-Tráng thay Trịnh Tùng giữ quyền chúa, xưng là Thanh-đô vương. Trịnh-Tráng đánh con cháu nhà Mạc ở Cao-bằng (1625) và bắt đầu đánh chúa Nguyễn từ 1627. Nhà Minh (bên Tàu), hồi ấy đã suy, muốn mượn binh nước ta để chống nhà Thanh, nên phong vua Lê làm An-nam quốc-vương, rồi phong cho Trịnh-Tráng làm Phó-vương. Uy-quyền của chúa Trịnh ngày một tăng. Năm 1643 Trịnh-Tráng bảo Thần-Tông nhường ngôi cho con là Lê-Chân-Tông ; sáu năm sau (1649) Chân tông mất, Trịnh-Tráng lại đặt Thần-Tông lên ngôi lần thứ hai (1649-1662).

4) Trịnh-Tạc đánh Nguyễn và Mạc

Tiểu phong Trịnh-Tạc nổi ngôi,⁴⁶²
Tức vương mình lại tài-bồi cho con.⁴⁶³
Càn-cương ngày một suy-mòn,⁴⁶⁴
Cuộc đời chìm nổi, ai còn hiệu-trung.⁴⁶⁵
Bản-triều mở dấu Kỳ-phong,⁴⁶⁶
Thánh-thần truyền dõi một lòng tôn Lê.
Quyền-gian giận Trịnh nhiều bề,⁴⁶⁷
1550. Sắc sai Chiêu, Thuận khắc-kỳ tiến-chinh.⁴⁶⁸
Sáu năm rồi mới bãi-binh,
Lũy dài còn dấu uy-linh để truyền.
Vận Lê còn buổi truân-chuyên,⁴⁶⁹
Huyền-Tông thơ-ấu để quyền Tây-vương.
Đảng-uy đã biến lễ-thường,⁴⁷⁰
Vào châu không lạ, miếu-đường có ai ?⁴⁷¹
Thiên-nhan lại muốn sánh vai,⁴⁷²
Giường ngồi đem đặt bên nơi ngự-tiền.⁴⁷³
Dọc ngang dưới phủ trên đền,
1560. Mống tình cải-bộ gây nền tranh vương.⁴⁷⁴
Vũ-công lại muốn phẫn-dương,⁴⁷⁵
Đem quân đánh Mạc tiến sang Cao-bình.
Mạc vào cầu-viện Yên-kinh,⁴⁷⁶
Phong làm Đô-thống tung-hoành cõi xa.
Bốn châu riêng một sơn-hà,⁴⁷⁷
Danh tuy phụ Hán, thực là thê Ngô.⁴⁷⁸
Gia-tông vừa nổi cơ-đồ,

Xe loan đã giục trì-khu ra ngoài. ⁴⁷⁹

Phòng-biên đã có tướng tài, ⁴⁸⁰

Quân ta một trận, lũy dài phá tan.

Mã-đầu đã trở quy-an, ⁴⁸¹

Hà-trung Trịnh lại đặt quan lưu-đồn. ⁴⁸²

Lời-giải. – Năm 1655, chúa Nguyễn sai Thuận-nghĩa-hầu là Nguyễn-Hữu-Tiến và Chiêu-vũ-hầu là Nguyễn-Hữu-Dật đem quân qua sông Linh-giang (nay là sông Gianh thuộc tỉnh Quảng-bình) ra đánh Trịnh. Lần này hai bên đánh nhau tới sáu năm (1655-1661). Có khi quân Nguyễn đã lấy được 7 huyện ở phía nam Lam-giang (tức là sông Cả chảy qua Bến-thủy), sau lại phải rút lui về phía nam sông Gianh.

Việc chinh-chiến ấy trải qua đời chúa Trịnh-Tráng (1623-1657) đến chúa Trịnh-Tạc (1657-1682). Năm 1672, Trịnh-Tạc lại cất đại-quân vào đánh Nguyễn nhưng quân Nguyễn giữ vững lũy Trấn-ninh (thuộc Quảng-bình ở phía nam sông Gianh). Quân Trịnh phải rút lui chỉ để quân đóng lại ở xã Hà-trung (tục gọi là Cầu-doanh) ở phía nam Hà-tĩnh. Từ đấy cho tới đời Tây-sơn dậy nghiệp (1774). Trịnh và Nguyễn chỉ cầm giữ nhau ở sông Gianh mà không đánh nhau nữa.

Về phía Bắc, Trịnh-Tạc đánh Mạc ở Cao-bằng (1667). Mạc-Kính-Vũ chạy sang Tàu đút lót cho nhà Thanh để bắt Trịnh trả cho bốn châu ở Cao-bằng. Ở trong nước, Trịnh-Tạc đặt lệ chúa sang châu không phải lạy vua Lê và ngồi ngang hàng với vua.

Hồi ấy sau vua Lê-Thần-Tông, có vua Huyền-Tông (1663-1671) vua Gia-Tông (1672-1675) và vua Hi-Tông (1676-1705).

5) Trịnh-Căn và nhà Thanh

Về nhà lại lập Trịnh-Côn (Căn),
Nam-vương theo lối quyền-môn một dòng. ⁴⁸³
Đêm ngày bí-các thông-dong, ⁴⁸⁴
Văn-thần thay đổi vào trong chức hầu.
Quốc-Trinh tham-tụng ở đầu, ⁴⁸⁵
Bởi sao nên nổi gây thù ưu-binh ? ⁴⁸⁶
Hy-Tông hoàng-đệ thay anh,
1580. Ngồi không luống giữ, quyền hành mặc ai !
Bấy lâu chiếm-cứ cõi ngoài,
Hãy còn Mạc-nghiệt mấy đời đến nay. ⁴⁸⁷
Di-thư sang với Quảng-tây, ⁴⁸⁸
Một lần hội-tiểu từ này chạy xa. ⁴⁸⁹
Quân Thanh xâm chiếm đất ta,
Vị-xuyên, Bảo-lạc, Nà-oa, Lộc-bình. ⁴⁹⁰
Thổ-quan lại có tư-tình,
Tham vàng đem giới-kệ mình chuyển-di. ⁴⁹¹

Lời-giải. – Trịnh-Căn (1582-1709) xưng là Nam-bình vương, bắt các quan văn nhà Lê sang châu bên phủ chúa để bàn việc chính trị. Quan tham-tụng Nguyễn-Quốc-Trinh bàn giảm lương lính, bị quân ưu-binh nổi lên giết chết. Mạc-Kính-Vũ thông mưu với Ngô-Tam-Quế là người Tàu chống với nhà Thanh. Trịnh-Căn sai người tố-giác việc ấy với vua

Thanh, rồi đem quân đánh Cao-bằng (1667). Họ Mạc chạy sang Tàu bị nhà Thanh bắt giao cho họ Trịnh giết đi. Nhà Mạc, từ khi bỏ Thăng-long, giữ Cao-bằng được ba đời. Về mặt bắc, nhà Thanh lấn mất của ta 15 động thuộc tỉnh Cao-bằng và Lạng-sơn.

6) Triều-thần nhà Lê

Bên ngoài xâm-tước nhiều bề,⁴⁹²
1590. Ở trong chính-sự chính-tề được bao ?⁴⁹³
Lễ gì hơn lễ bang-giao,⁴⁹⁴
Mà cho quan thị đứng vào đầu ban.⁴⁹⁵
Thế mà những kẻ cư-quan,⁴⁹⁶
Cũng đành ngoảnh mặt cho toàn tôn-vinh.⁴⁹⁷
Tại triều mấy kẻ trâm-anh,⁴⁹⁸
Nguyễn-Đang, Đồng-Trạch công-thanh một đường.⁴⁹⁹
Thế-Vinh tài học ưu-trường,⁵⁰⁰
Nguyễn-Hành, Hà-Mục văn-chương cũng già.
Bởi ai thiên-hạ âu-ca,⁵⁰¹
1600. Chẳng quan tham-tụng Văn-hà là chi ?⁵⁰²
Bởi ai thiên-hạ sấu-bi,
Chẳng quan tham-tụng Lê-Hy hãnh-thần ?⁵⁰³
Tính đi nghĩ lại xa gần,
Nhiều phần vì Trịnh, ít phần vì Lê.
Mỗi giàu sang đã say mê,
Lấy ai chỉ-trạ làm bia trong đời !⁵⁰⁴

Lời-giải. – Ở trong triều, quan thị tham-dự vào việc chính-trị. Các quan đều a-dua theo chúa Trịnh, để kiếm giàu-sang, không ai nâng đỡ nhà Lê. Trong hàng quan, có người công-bình thanh-liêm (như Nguyễn-Đang, Đồng-Trạch), có người tài-học xuất-chúng (như Lương-Thế-Vinh, Nguyễn-Hành, Hà-Mục). Có Nguyễn-Nho-Quan người làng Vũ-hà, làm tham-tụng tốt với dân ; lại có bọn như Lê-Hy làm cho thiên-hạ oán-giận.

7) Những việc cải-cách về thời Trịnh-Cương

Dụ-Tông nổi giữ ngôi trời,
Trịnh-Cương chuyên chế theo loài cố-gia. ⁵⁰⁵
Lục-phiên lại đặt tư-nha, ⁵⁰⁶
1610. Bao nhiêu tài-phú đều là về tay. ⁵⁰⁷
Các quan trấn-thủ mới thay,
Hưng, Tuyên thống-hạt, từ rầy chia hai. ⁵⁰⁸
Vũ-thần mỗi trấn một người, ⁵⁰⁹
Để cho vững thế mặt ngoài phiên-ly. ⁵¹⁰
Lấy năm điều khảo trấn-ti, ⁵¹¹
Cứ trong điển-tối mà suy hay hèn. ⁵¹²
Thăm hình đặt viện phủ-tiền, ⁵¹³
Sai quan tra kiện thay quyền pháp-ti. ⁵¹⁴
Vũ-khoa mới đặt phép thi,
1620. Hối đường thao-lược, thử nghề đao-cung. ⁵¹⁵
Ba trường phúc-thí đã xong, ⁵¹⁶
Đề danh tạo-sĩ bảng rồng cũng vinh. ⁵¹⁷

Kén thêm tứ-trấn binh đình,⁵¹⁸
 Vệ quân mới đặt sáu dinh từ rầy.
 Công-tư điền-thổ xưa nay,⁵¹⁹
 Sai quân khám-đạc san tay dân cùng.⁵²⁰
 Tuần-hành có sứ khuyến-nông,⁵²¹
 Giữ gìn dê-lộ, xét trong dân-tình.⁵²²
 Dem thư biện với nhà Thanh,⁵²³
1630. Mỏ đồng, mỏ kẽm lại giành về ta.
 Lập bia trên Đổ-chú-hà,⁵²⁴
 Giới-cương tự đó mới là phân-minh.⁵²⁵
 Qui-mô cũng muốn sức bình,⁵²⁶
 Mà lòng lằng-tiếm tự mình ra chi ?⁵²⁷
 Lập phủ-đường ở Cổ-bì,⁵²⁸
 Toan đem kinh-quốc dời về cố-hương.⁵²⁹
 Đông-cung đã lập Duy-Tường,⁵³⁰
 Bỗng không lại đổi Duy-Phường có sao ?

Lời-giải. – *Trịnh-Cương làm chúa (1709-1729) tin dùng Nguyễn-Công-Hăng, sửa đổi nhiều việc trong nước. Đặt bên phủ chúa sáu phiên (tương-đương với sáu bộ bên triều Lê) để coi việc chính-trị : đặt ở mỗi trấn một quan văn và quan võ ; đặt ra năm khoản để làm chuẩn-thăng mà xét việc của các quan, đặt viện xét hình án ; mở khoa thi võ, thi văn, cải tổ quân-đội ; đạc-điền để chia công-điền công-thổ cho dân ; sai quan đi xem xét dê điều, đường sá và dân-tình.*

Đối với Tàu, thì điều-đình lấy mỏ đồng (ở châu Tự-long) và mỏ kẽm ; đặt mốc ở sông Đổ chú (nay mất vào đất Vân-

nam, để phân địa-giới). Phủ chúa lập ở Cổ-bi, thuộc huyện Gia-lâm, Bắc-ninh. Vua Lê hồi ấy là Dụ-Tông (1706-1729).

ĐOẠN MƯỜI BẢY : NHÀ LÊ SUY-VUA LÊ CHÚA TRỊNH (II) (1729-1782)

1) Chính-sách đôi-bại của Trịnh-Giang

Trịnh-Giang quen lối gian-hào,
1640. Truất ngôi Vĩnh-Khánh hãm vào tội-nhân.
Thuần-Tông đặt bỏ mấy lần,
Phúc-uy mặc sức cường-thần mới ghê. ⁵³¹
Ý-Tông còn tuổi hài-đề, ⁵³²
Danh tuy chính-thống, quyền về phó-vương. ⁵³³
Trịnh càng dâm-ngược kiêu-hoang,
Đêm ngày luống những tham đường vui chơi.
Dấu xe giông-ruổi quanh trời,
Sửa sang cảnh Phật, vẽ vời động tiên.
Quỳnh-lâm, Hương-hải, Hồ-thiên, ⁵³⁴
1650. Của thiên-hạ chất cửa thiên biết bao ? ⁵³⁵
Kho-tàng ngày một tiêu-hao, ⁵³⁶
Bán khoa, mua tước tiền vào sáu cung. ⁵³⁷
Phó-vương còn chứa cam lòng,
Thượng-vương lại giả sắc rồng nhà Thanh. ⁵³⁸
Tội trời kể đã quán-doanh, ⁵³⁹
Sao cho nghiệp-báo đến mình mới thôi. ⁵⁴⁰
Bỗng đâu một tiếng thiên-lôi, ⁵⁴¹
Thất-kinh ngơ ngác như người chứng điên.
Ở hang lại gọi cung tiên,
1660. Để đoàn nội-thụ chuyên-quyền lộng-uy. ⁵⁴²

Lời-giải. – *Trịnh-Giang (1729-1740) bỏ Lê-Duy-Phường (niên-hiệu Vĩnh-khánh), lập Thuần-Tông (1732), là thái-tử trước đã bị Trịnh-Cương truất. Năm 1735, Trịnh-Giang lại bỏ con vua Thuần-Tông mà lập Ý-Tông. Trịnh-Giang hoang-dâm, xa-xỉ, phao-phí của kho để xây-dựng chùa chiền, đặt ra lệ bán chức tri-phủ, tri-huyện và lệ ai nộp ba quan thì được lấy đỗ sinh-đồ (tú tài). Trịnh-Giang lại sai người làm giả sắc nhà Thanh phong cho làm Thượng-vương. Sau Trịnh-Giang bị sét đánh, chữa khỏi xong thì sợ sấm-sét, phải đào hầm ở dưới đất để ở. Bọn nội-giám là quận Bào, quận Thực tranh nhau quyền trong triều đình.*

2) Sự loạn-lạc ở Bắc-hà

Lòng người đâu chẳng bạn-ly,⁵⁴³
Ếch kêu, ác hạp thiếu gì gần xa !⁵⁴⁴
Sơn-nam có giặc Ngâm-già,
Nguyễn-Cừ, Nguyễn-Tuyển ấy là giặc Đông.
Sơn-tây : nghịch Tế, nghịch Bồng ;⁵⁴⁵
Động ngoài ba mặt, nhộn trong bốn bề.⁵⁴⁶
Năm hang Trịnh có biết gì !
Quận Bào, quận Thực đua-bì tranh công.⁵⁴⁷

Lời-giải. – *Giặc-dã nổi lên như ong. Ở tỉnh Đông (Hải-dương) có Nguyễn-Tuyển, Nguyễn-Cừ ; ở Sơn-nam, làng Ngâm-già, có bọn Vũ-Đình-Dung ; ở Sơn-tây có tên Tế, tên Bồng, đều mượn tiếng phù Lê rồi đi cướp phá các phủ-huyện.*

3) Trịnh-Doanh và Lê-Hiến-Tông

Phó-vương quen lối nhà dòng,
1670. Chẳng phò Trịnh-thị sao xong việc đời ?
 Nguyễn-công Quý-Cảnh mấy người,
 Vào trong định sách, ra ngoài diệu binh. ⁵⁴⁸
 Cùng nhau phù-lập Trịnh-Doanh,
 Thái-vương Trịnh lại tôn anh làm vì.
 Sai quan kinh-lược bốn bề, ⁵⁴⁹
 Khải-ca mấy khúc đều về tấu-công. ⁵⁵⁰
 Cơ-mưu Trịnh cũng gian-hùng, ⁵⁵¹
 Nghĩ mình chuyên-tiếm ắt lòng ai ưa. ⁵⁵²
 Có Lê mới có đến giờ,
1680. Phải cầu hiền-đức để nhờ phúc-chung. ⁵⁵³
 Kìa người mắt phượng, râu rồng,
 Duy-Diêu vốn cũng là dòng thần-minh. ⁵⁵⁴
 Hạ-đài khuất bóng tiền-tinh, ⁵⁵⁵
 Khuôn thiêng còn để một cảnh phúc-chi. ⁵⁵⁶
 Hay đâu cầu-ứng cũng kỳ, ⁵⁵⁷
 Bỗng xui Trịnh-chúa tạm di ra ngoài.
 Vũ-công một giấc hiên-mai,
 Mơ-màng đường thấy phong-tài đế-vương. ⁵⁵⁸
 Tinh-kỳ nhã-nhạc lạ nhường, ⁵⁵⁹
1690. Thái-bình nghi-vệ rõ ràng chẳng ngoa. ⁵⁶⁰
 Sáng mai vừa mới tỉnh ra,
 Duy-Diêu xảy đến chơi nhà lạ sao ?
 Thấy người mà nghiệm chiêm-bao,
 Mới hay trăm-triệu ứng vào tự-nhiên. ⁵⁶¹

Nghe lời Trịnh mới phù lên,
Hiển-Tông từ ấy chịu truyền nối ngôi.

Lời-giải. – Nhân lúc quận Bào và quận Thực đi dẹp giặc vắng, bọn Nguyễn-Quý-Cảnh mưu với vua Lê lập Trịnh-Doanh làm chúa (Minh-đô-vương 1740-1767) rồi phong cho Trịnh-Giang làm Thái-thượng-vương. Bọn hoạn-quan phản-đối đều bị Quý-Cảnh đem binh đón đường giết. Trịnh-Doanh sai người đi đánh dẹp ; phá được bọn Tể Bồng, giặc Ngân-già, bọn Nguyễn-Tuyển, Nguyễn-Cử. Nhưng muốn cho lòng dân được yên, Trịnh-Doanh kén người có tài-đức để đặt lên làm vua : năm 1740 bèn bắt vua Ý-Tông nhường ngôi cho Duy-Diêu, tức là Hiển-Tông (1740-1786), là người trước đã bị Trịnh-Giang truất ngôi thái-tử và bắt giam.

4) Trịnh-Doanh và Trịnh-Sâm dẹp loạn

Vận Lê đến lúc suy-đồi,
Chấp tay rủ áo lạnh ngồi mặc ai. ⁵⁶²
Gặp khi nhiều việc chông gai,
1700. Loạn trong ba phủ, giặc ngoài bốn phương. ⁵⁶³
Văn-thần có kẻ phẫn-dương, ⁵⁶⁴
Phạm-công Đình-Trọng gồm đường lược-thao. ⁵⁶⁵
Phao-sơn trở ngọn cờ đào, ⁵⁶⁶
Nguyễn-Cử đã phá, Nguyễn-Cầu cũng tan.
Nguyễn-Phương cứ Độc-tôn-sơn, ⁵⁶⁷
Tuyên, Hưng là đất, lâm-man là nhà. ⁵⁶⁸
Trịnh-vương quyết-chí xông-pha,
Huyệt-sào quét sạch, binh-xa mới về. ⁵⁶⁹

Quyền-gian kế-tập quen lẽ, ⁵⁷⁰
1710. Trịnh-Sâm lại cũng sính nghề vũ-công.
 Mạnh-thiên hang thăm núi cùng, ⁵⁷¹
 Hãy còn Hoàng-Chất lâm-tùng ẩn-thân. ⁵⁷²
 Sai Đoàn-Nguyễn-Thục đem quân,
 Cùng rừng săn thú một lần mới thanh. ⁵⁷³
 Lại toan dẹp cồi Trấn-ninh,
 Chín e địa-thế, dân-tình chưa quen. ⁵⁷⁴
 Địa-đồ ai khéo vẽ nên,
 Thu ngoài man-cảnh về bên khuyết-đình. ⁵⁷⁵
 Gần xa đã tỏ tình-hình,
1720. Mới sai chư-tướng đề binh đánh liền. ⁵⁷⁶
 Chiềng-quang thành-lũy vững-bền. ⁵⁷⁷
 Bồ-chông núi cả cũng nên hiểm trời. ⁵⁷⁸
 Biển dâu trửu-dịch lạ đời ! ⁵⁷⁹
 Nửa đêm mở lũy cho người tiến sang.
 Bối mưu Ngũ-Phúc chiêu-hàng ⁵⁸⁰
 Nguyễn-Thiều trong lại đem đảng nội công. ⁵⁸¹
 Vậy nên Duy-Mật thế cùng,
 Hỏa-Viêm một phút cô-dung cũng liêu. ⁵⁸²

Lời-giải. – Về đời Lê-Hiến-Tông (1740-1786) vận nhà Lê càng suy. Ở kinh-thành thì quân ba phủ kiêu-hãnh nổi lên cướp nhà tham tụng Nguyễn-Cảnh. Ở các nơi thì giặc-dã nhiều. May nhờ có tướng giỏi là Phạm-Đình-Trọng và Hoàng-Ngũ-Phúc, Trịnh-Doanh mới quét sạch được dư đảng của Nguyễn-Cừ, là Nguyễn-Hữu-Cầu, tức quận He và dư-

đảng của bọn Tể-Bồng, là Nguyễn-Danh Phương tức quận Hẻo.

Quận Hẻo chiếm cứ vùng Tuyên quang, Hưng-hóa trong 10 năm trời (1740-1750), còn quận He thì vùng vẫy hết ở mạn bể (Đồ-sơn, Vân-đồn) rồi ở Thị cầu, sau cùng vào Nghệ-an (1743-1751). Trịnh-Sâm (1767-1782) tiếp-tục công-cuộc bình-định của Trịnh-Doanh.

Năm 1769, diệt được bọn Hoàng-Công-Chất làm loạn đã non ba mươi năm và bấy giờ đương chiếm-cứ vùng Hưng-hóa. Năm 1769, diệt được Lê-Duy-Mật là dòng-dối nhà Lê nổi lên từ 1738 và chiếm-cứ vùng Trấn-ninh. Duy-Mật giữ ở động Chiềng-quang. Nhưng tướng của Duy-Mật là Nguyễn-Thiều nghe lời Hoàng-Ngũ-Phúc dụ hàng, mở lũy Bồ-chông cho quân Trịnh vào. Duy Mật cùng vợ con tự đốt cháy mà chết.

5) Trịnh-Sâm đánh chúa Nguyễn

Cậy công Trịnh mới thêm kiêu,

1730. Càng đầy đức-sắc, càng nhiều ác-cai. ⁵⁸³

Vu-oan nữ đặt nên lời,

Để cho thái-tử thiệt tài thông-minh.

Phúc-uy chuyên-tiếm một mình. ⁵⁸⁴

Mạo giầy điên-đảo, nghĩa danh còn gì ? ⁵⁸⁵

Thế mà vạc cả duy-trì, ⁵⁸⁶

Bởi tiên-liệt-thánh Nam-kỳ nổi ngôi. ⁵⁸⁷

Nền danh phận, đạo vua tôi,

Gian-hùng mất vía đứng ngôi sao an ?

Bảy giờ có giặc Tây-san,
 Ở trong lại có Phúc-Loan lộng-hành. ⁵⁸⁸
 Thừa cơ Trịnh mới sai binh, ⁵⁸⁹
 Đưa thư vào trước kể tình ngoại-thân. ⁵⁹⁰
 Rằng : « Toan trừ đứa lộng-thần, ⁵⁹¹
 « Cùng nhau quét sạch bụi trần cõi Tây ». ⁵⁹²
 Lá cờ theo ngọn gió bay,
 Thừa hư trực-để vào ngay Nhà-Hồ. ⁵⁹³
 Phúc-Loan đem lại hiến-phù, ⁵⁹⁴
 Trịnh-binh nhân thế tràn-khu dưới thành. ⁵⁹⁵
 Đôi bên lập lũy phân-dinh,
1750. Trầm-than mấy trận quan-binh hiểm-nghèo. ⁵⁹⁶
 Độ quân nọ bắc phủ-kiều, ⁵⁹⁷
 Thúy-hoa phất-phối qua đèo Hải-vân, ⁵⁹⁸
 Quảng-nam đồn trú lục-quân, ⁵⁹⁹
 Trong Tây ngoài Trịnh, xa gần với ai ? ⁶⁰⁰
 Thuyền rồng vào bến Đồng-nai,
 Long-hưng còn đợi cơ trời có khi. ⁶⁰¹

Lời-giải. – *Trịnh-Sâm nắm giữ chính-quyền vu cho thái-tử là Lê-Duy-Vĩ tư-thông với cung-nhân rồi bắt giết đi.*

Bảy giờ, ở xứ Nam, chúa Nguyễn là Định-vương còn nhỏ tuổi. Trương-Phúc-Loan lộng-quyền, làm nhiều điều tàn-ác, dân gian oán giận. Ở ấp Tây sơn thuộc Qui-nhơn (nay ở vùng An-Khê tỉnh Bình-định), ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn Huệ dấy binh đánh lại chúa Nguyễn.

Trịnh-Sâm biết rõ tình hình xứ Nam liền lấy cớ là giúp chúa Nguyễn trừ Trương-Phúc-Loan và Tây Sơn, mà kéo quân vào Phú-xuân (kinh-đô của chúa Nguyễn).

Quân Trịnh đến làng Hồ-xá (Quảng-trị) thì triều-thần nhà Nguyễn bắt Trương-Phúc-Loan đem nộp. Quân Trịnh hẹn chúa Nguyễn hội binh ở Phú-xuân để cùng đi đánh Tây-Sơn.

Chúa Nguyễn biết mưu của Trịnh muốn chiếm Phú-xuân, bèn sai quân ra chặn ở bến Trầm-phan (Quảng-điền, tỉnh Thừa-thiên) ; nhưng quân Trịnh đánh tan rồi kéo thẳng vào Phú-xuân. Chúa Nguyễn và triều thần phải chạy ; quân Trịnh qua Hải vân vào đóng ở Quảng nam. Bấy giờ quân Tây-Sơn ở Qui-nhơn lại đánh ra. Chúa Nguyễn bèn cùng cháu là Nguyễn-Phúc-Ánh, xuống thuyền chạy vào Gia-định.

6) Trịnh-Sâm hòng mưu thoán-đoạt

Gió thu lần úa cảnh Lê, ⁶⁰²

Ác bay chưa biết đổ về nhà ai. ⁶⁰³

Nguy Tây găm ghé mặt ngoài, ⁶⁰⁴

1760. Trịnh-Sâm trong lại sai người cầu-phong.

Vũ-Trần-Thiệu kể là trung, ⁶⁰⁵

Mặt tuy ứng-mệnh, nhưng lòng vẫn kiên. ⁶⁰⁶

Động-đình xa vượt bè tiên, ⁶⁰⁷

Trên trời dưới nước tắm nguyên sạch trong. ⁶⁰⁸

Biểu-tiên phó ngọn đuốc hồng, ⁶⁰⁹

Ngậm cười thề với chén nồng cho xuôi. ⁶¹⁰

Làm cho vỡ mặt gian-hồi,⁶¹¹
Mà người chìm nổi trong đời then riêng.

Lời-giải. – Từ khi lấy được đất Thuận-hóa, Trịnh-Sâm
đắc-chí có ý muốn cướp ngôi nhà Lê, bèn sai quan Thị-lang
Vũ-Trần-Thiệu sang nói dối nhà Thanh rằng con cháu họ Lê
không còn ai đáng làm vua ; lại sai nội giám đem tiền của đi
theo để đút lót xin phong cho làm vua. Đến hồ Đông-đình
(ở Tàu), Vũ-Trần-Thiệu đem tờ biểu của chúa Trịnh đốt đi,
rồi uống thuốc độc mà chết.

7) Đặng-Thị-Huệ lộng-quyền

Xoay vần hay có khuôn thiêng,⁶¹²
1770. Càng già cổ ác, càng nghiêng sóng tình.
Tuyên-phi là gái khuynh-thành,⁶¹³
Đem bề ân-ái chuyên vành phúc-uy.⁶¹⁴
Đêm ngày riêng một buồng the,
Cướp quyền đích-trưởng dựng bè đồng-mông.⁶¹⁵
Yên-cơ khí-diễm càng nồng,⁶¹⁶
Khiến nên Trịnh-Khải sinh lòng âm-mưu.
E khi sự thế đảo-đầu,⁶¹⁷
Ước cùng các trấn đều vào giúp công.⁶¹⁸
Điển-thư có đưa hầu trong,⁶¹⁹
1780. Tin lòng nên mới ngỏ cùng Ngô-Nhâm.
Người sao chẳng chút lương-tâm !
Khoa danh đã nhục, quan-trâm cũng hoài !⁶²⁰
Lòng riêng tham đắm mùi đời.

Phụ tình thày tớ, cãi lời phụ-thân,⁶²¹
Quyết đem sự ấy củ-trần,⁶²²
Làm cho Trịnh-Khải một lần châu-liên.⁶²³

Lời-giải. – *Trịnh Sâm say đắm Tuyên-phi Đặng-Thị-Huê, theo lời Tuyên-phi bỏ con trưởng là Trịnh-Khải mà lập Trịnh Cán là con Tuyên-phi, làm Thế-tử.*

Trịnh-Khải lo sợ liền ngầm mộ quân-sĩ và đưa mật thư hẹn với quan trấn-thủ Sơn-tây và Kinh-bắc về giúp việc. Đứa hầu cận Trịnh-Khải, là Hà-Như-Sơn biết mưu, nói chuyện cho thày học là Ngô-Thì-Nhậm biết. Thì-Nhậm đem việc tố-giác ; Trịnh-Sâm bắt giam Trịnh-Khải. Ngô-Thì-Sĩ là bố Thì-Nhậm, ngăn không được con, uống thuốc độc tự-tử.

ĐOẠN MƯỜI TÁM : CUỐI ĐỜI NHÀ LÊ – VUA LÊ CHÚA TRỊNH (III) (1783-1786)

1) Loạn kiêu-binh ở kinh-thành

Sâm già, Cán lại thiếu-niên,⁶²⁴
Phó cho Hoàng-Bảo giúp nên sao đành ?
Tuyên-phi học thói buông mình,⁶²⁵
1790. Trong dưa dưới mặt nhân-tình đều nghi.⁶²⁶
Ở trong Khải mới thừa ky,⁶²⁷
Ngoài quân ba phủ nhân khi lộng-hành.⁶²⁸
Cùng nhau sáp-huyết hội-minh,⁶²⁹
Trống hồi chữa dứt, các dinh đã vào.
Cửa thành binh-lửa xông-xao,
Một cơn cỏ nội cá ao còn gì !⁶³⁰
Cán vong, Khải lại tiếm-vì,⁶³¹
Phủ-binh từ ấy nhiều bề tuyên-kiêu.⁶³²
Hung-hăng ngoài phố trong triều,
1800. Phá nhà cướp cửa, dập-dìu vào ra.
Đầy đường những tiếng oán-ta,⁶³³
Văn-thần, võ-tướng đều là bó tay.⁶³⁴

Lời-giải. – Năm 1782, Trịnh-Sâm mất, giao cho quận Huy là Hoàng-Đình-Bảo lập Trịnh-Cán. Cán còn trẻ mà lại ốm yếu. Đặng-Thị-Huệ cầm quyền-chính. Ở ngoài thì Hoàng-Đình-Bảo làm phụ chính. Dân-tình không phục.

Trịnh-Khải thừa cơ hẹn với quân ba-phủ nổi loạn. Tên biện-lại là Nguyễn-Bằng cùng quân ba-phủ uống máu ăn

thề, rồi nghe hiệu trống mà kéo đến vây thành, giết quận Huy và truất Thị-Huệ và Cán. Cán ốm mà chết.

Quân ba-phủ tôn Trịnh-Khải lên làm chúa ; Khải ban thưởng cho chúng. Nhưng từ đấy quân ba-phủ lộng-quyền, họp nhau đi những nhiều dân ở kinh-thành và cướp bóc các làng. Dân ta-oán, các quan chỉ biết bó tay ngồi im.

2) Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ nhất

Tiếng đồn nghe đến giặc Tây,⁶³⁵
Tiềm-mưu còn rắp đợi ngày xuất-chinh.⁶³⁶
Có tên Nguyễn-Chỉnh tài-danh,⁶³⁷
Nhân khi tao-loạn đem mình hàng Tây.⁶³⁸
Cơ-quan mưu-lược vẽ bày,⁶³⁹
Cam lòng nước cũ, mượn tay người ngoài.
Tây-sơn biết tỏ một hai,
1810. Chia quân thủy-bộ quyết bài kéo ra.⁶⁴⁰
Ngọn cờ trở lối sơn-pha,⁶⁴¹
Hải-vân đồn-trấn, đâu là chẳng tan ?
Cánh buồm đề lớp cuồng-lan,⁶⁴²
Cát-dinh, Động-hải quân-quan chạy dài.⁶⁴³
Ngụy Tây còn sợ mặt ngoài,⁶⁴⁴
Rắp ngăn Tràng-lũy tính bài phân-vương.⁶⁴⁵
Khéo đâu Chỉnh lại đưa đường,
Rằng : « Trong sự thế chi nhường cho ai ?
« Tướng-công uy nhức bên trời,
1820. « Nay cơ phá trúc hản mười chẳng xa.⁶⁴⁶

« Bấy lâu họ Trịnh gian-tà,
« Binh kiêu, dân oán ắt là bại-vong. ⁶⁴⁷
« Uy trời ai dám tranh-phong, ⁶⁴⁸
« Hãy xin thừa thắng ruổi giong cõi ngoài ».
Phải chăng, Huệ mới nghe lời,
Lại cho Nguyễn-Chỉnh lĩnh bài tiên-phong.
Lá buồm theo ngọn gió đông,
Vượt qua cửa bể vào sông Vị-hoàng.
Quân-dung, đâu mới lạ nhường ! ⁶⁴⁹
1830. Mảo mao, áo đỏ chật đường kéo ra.

Lời-giải. – Nguyễn-Nhạc ở phía Nam biết rõ tình hình ở Bắc-hà, đã có ý đem quân ra đánh. Lại nhân dịp được Nguyễn-Hữu-Chỉnh, người Nghệ-an, trước đỗ hương-cống (cũng như cử-nhân) và theo giúp quận Huy Hoàng-Đình-Bảo, vào hàng và bày mưu-kế.

Nguyễn-Nhạc bèn sai em là Nguyễn-Huệ, rể là Võ-Văn-Nhậm và Nguyễn-Hữu-Chỉnh đem quân ra lấy Thuận-Hóa (1786).

Nguyễn-Huệ lấy xong Thuận-hóa, còn e dè, muốn đóng đồn ở lũy Trường-dục (thuộc Quảng-bình) để giữ. Hữu-Chỉnh khuyên thừa thế đánh ra Bắc. Nguyễn-Huệ liền sai Chỉnh làm tiên-phong đem thủy-quân qua cửa Đại an và đánh vào đồn lương của quân Trịnh trên sông Vị-hoàng (Nam-định). Ở kinh-thành, chúa Trịnh còn lúng-túng chưa thu xếp xong thì quân Tây-sơn đã đóng ở Vị-hoàng. Quân Tây-sơn đội mũ lông, mặc áo đỏ, kéo đầy đường đến cửa Luộc (tỉnh Hưng-Yên).

3) Chúa Trịnh-Khai bị bắt

Bụi hồng mờ mịt kinh-hoa,⁶⁵⁰
Lục-môn, Thuý-ái gần xa tan tành.⁶⁵¹
Quyết liều Trịnh mới thân-chinh,⁶⁵²
Tây-luông giáp trận, quân mình đảo qua.⁶⁵³
Nài voi toan trở lại nhà,⁶⁵⁴
Cờ Tây-sơn đã mở ra đầy thành.
Qua Hạ-lôi rấp lánh mình,⁶⁵⁵
Giữa đường gặp đũa phụ-tình bắt ra.⁶⁵⁶

Lời-giải. – *Quân của Nguyễn-Huệ phá tan quân Trịnh ở Lục-môn (cửa Luộc, tỉnh Hưng-Yên), ở bãi Thuý-ái (huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông) và ở Vạn-xuân (cũng thuộc Hà-đông) rồi kéo vào kinh-thành.*

Trịnh-Khai cưỡi voi ra đốc quân ở bến Tây-luông (thẳng phố Tràng tiền, Hà-nội), nhưng quân Trịnh quay giáo không chịu đánh. Lúc quay về thành, thì quân Tây-sơn đã lấy mất thành.

Trịnh-Khai chạy về phía Bắc, qua sông Nhị-hà, đến làng Hạ-lôi (thuộc phủ Yên-lãng, Phúc-yên) thì bị tên Nguyễn-Văn-Tráng đánh lừa, bắt đem nộp Tây-sơn. Giải về đến làng Nhật-chiêu (nay là Nhật-tân ở phía bắc Hồ-Tây) thì Trịnh-Khai tự tử (1786).

4) Nguyễn-Huệ trả quyền Lê-Hiến-Tông

Ngụy Tây vốn kẻ hung-tà,⁶⁵⁷
1840. Còn e người chốn Bắc-hà khó xong.

Phù Lê có biểu mật-phong,⁶⁵⁸
 Mặt ngoài trung-nghĩa, trong lòng gian-phi
 Hiễn-tông tuổi tác đã suy,⁶⁵⁹
 Nghe tin binh-biến biết gì là đâu.⁶⁶⁰
 Vừa khi Nguyễn-Huệ vào hầu,
 Vãn-an lại kể gót đầu đình-ninh.⁶⁶¹
 Rằng : « Nghe họ Trịnh cường-hoành,⁶⁶²
 « Vây đem quân nghĩa quét thanh bụi-trần.
 « Chủ-trương mừng thấy đông-quân.⁶⁶³
1850. « Thái-bình cây cỏ được nhuận hơi mưa ». ⁶⁶⁴
 Phúc lành chúc chữ cứu-như,⁶⁶⁵
 Của tin mấy quyển đồ-thư dâng vào,⁶⁶⁶
 Bệ rồng ban chiếu tinh-bao,⁶⁶⁷
 Gia phong Nguyễn-Huệ đương trào quốc-công.⁶⁶⁸
 Ngọc-Hân vừa trạc đào hồng,⁶⁶⁹
 Ép duyên kim-cải kết lòng sài-lang.⁶⁷⁰
 Đương cơn đồng bác ngổn ngang,⁶⁷¹
 Thực-hư chữa tỏ, biến-thường ai tin.⁶⁷²
 Hơi tàn gần trở gót tiên,
1860. Lại với Nguyễn-Huệ gửi quyền quốc-gia.
 Một hai xin trở về nhà,
 Bóng đèn, tiếng búa giám là di-duyên.⁶⁷³

Lời-giải. – *Bấy giờ vua Lê-Hiến-Tông đương ốm không dậy được. Nguyễn-Huệ vào chầu, bày lễ đem binh diệt binh Trịnh phò Lê, chứ không có ý dòm ngó ngôi vua.*

*Vua Lê mừng rỡ, sai thiết triều. Nguyễn Huệ dâng sổ
đình, sổ điền. Hiển-Tông ban khen, phong Nguyễn-Huệ làm
Nguyên-soái Uy-quốc-công và gả công-chúa Ngọc-Hân cho.*

*Chẳng bao lâu, Hiển-tông hấp hối, cho gọi Nguyễn-huệ
vào cung để giao-phó công việc, Nguyễn Huệ giữ ý cáo-từ
không đến. Hiển-Tông mất, cháu vua là Duy-Kỳ lên ngôi,
đặt niên-hiệu là Chiêu-Thống (1787).*

5) Quân Tây-sơn rút về Nam

Bảo-thành kinh-lý đã yên,⁶⁷⁴
Ngôi-cai phó lại cháu hiền thừa gia.⁶⁷⁵
Duy-kỳ nổi giữ nghiệp nhà,
Cải nguyên Chiêu-Thống mới là sơ-niên.⁶⁷⁶
Huệ còn lưu ở Long biên,⁶⁷⁷
Anh là Nguyễn-Nhạc theo miền lại ra.
Rước mời ngày tiếp đôi ba,
1870. Bệ-từ Nhạc mới lân la tự-tình :⁶⁷⁸
Đất, dân đâu cũng triều-đình,⁶⁷⁹
Giao-lân rồi sẽ cắt mình Nam-qui.⁶⁸⁰
Nửa đêm ám-hiệu cuốn kỳ,⁶⁸¹
Bao nhiêu tài-hoá chuyên về sạch không.⁶⁸²
Bỏ Nguyễn-Chỉnh ở Thăng-long,
Cũng toan cắt cánh mở lồng với ai.⁶⁸³
Về quê Chỉnh mới giả bài,⁶⁸⁴
Rằng vâng mật-chỉ hồi-sai đất nhà.⁶⁸⁵
Mộ quân hương-dống đem ra,⁶⁸⁶

1880. Ngoài là chống giặc, trong là giữ kinh.

Lời-giải. – Năm đầu niên hiệu Chiêu-Thống (1787), Nguyễn Huệ đương đóng quân ở Thăng-Long thì anh là Nguyễn-Nhạc, sợ em đi xa lâu sinh biến, liền cùng 500 dũng-sĩ đi suốt ngày đêm ra Bắc.

Vua Lê-Chiêu-Thống sai người ra đón mời. Mấy hôm sau vua lại sang phủ-đường làm lễ tương-kiến. Vua xin cắt đất để khao quân Tây-sơn. Nguyễn-Nhạc từ-chối chỉ xin vua giữ tình giao-hiếu giữa Bắc và Nam.

Anh em Tây sơn ghét Nguyễn-Hữu-Chỉnh là người giáo-quyết, nên mật truyền đêm 17 tháng 8, kéo quân về Nam, ý muốn để người Bắc giết Nguyễn-Hữu-Chỉnh. Sáng hôm sau, Chỉnh thấy quân Tây-sơn đã về cả, hoảng sợ, bỏ cả đồ-đạc, xuống thuyền, chạy về Nghệ-an thì kịp quân Tây-sơn.

Nguyễn-Nhạc đành cho Chỉnh ở lại với tướng Tây-sơn giữ đất Nghệ-an. Chỉnh nói dối là có mật-chỉ của vua Lê, để đi mộ quân-lính trong vùng.

6) Triều-đình vua Lê-Chiêu-Thống

Cựu-thần mấy kẻ công-khanh, ⁶⁸⁷

Thoái-hưu để việc miếu-đình cho ai ? ⁶⁸⁸

Tân-khoa còn có một hai, ⁶⁸⁹

Bùi-Dương, Trần-Án cũng người trung-trinh.

Cùng nhau phụng sắc triệu-binh, ⁶⁹⁰

Thổ-hào củ-tập vào kinh hộ-tuỳ. ⁶⁹¹

Phân-vân tranh-lập nhiều bề, ⁶⁹²

Kẻ phò Trịnh-Lê, người suy Trịnh-Bồng.⁶⁹³
Yến-đô lại cứ tập-phong,⁶⁹⁴
1890. Những mưu phò Trịnh, quên lòng tôn Lê.
Mậu-Xưng, Tích-Nhưỡng kể chi,
Phùng-Cơ còn biết thị-phi nhẽ thường.⁶⁹⁵
Trách thay Trọng-Tế họ Dương,
Cũng trong khoa-bảng, cùng phường đại-cân.⁶⁹⁶
Sao không biết nghĩa quân-thần,⁶⁹⁷
Bầy mưu phế-lập sắp quân vây thành.⁶⁹⁸
Non sông còn mặt triều-đình,
Bạc đen xem thấy nhân-tình mà ghê.⁶⁹⁹

Lời-giải. – Khi quân Tây-sơn đã rút về Nam rồi, quyền-bính ở trong tay vua Lê-Chiêu-Thống. Nhưng Chiêu-Thống là người nhu-nhược. Các quan cũ nhà Lê lại xin về hưu cả, chỉ có mấy người mới đỗ Tiến-sĩ, như Trần-Danh-Án và Bùi-Dương-Lịch giúp vua triệu-tập những thổ-hào về giữ kinh-thành.

Trong triều bấy giờ, chỉ bàn cãi suông và chia bè đảng để lập lại dòng dõi họ Trịnh. Sau Đình-Tích-Nhưỡng ép vua phải phong Trịnh-Bồng là Yến-đô vương.

Vua Lê không còn uy-tín gì. Bề tôi cũ là Dương-Trọng-Tế xé sắc của vua, bàn với Trịnh-Bồng bỏ Chiêu-Thống để lập người khác rồi sai Nguyễn-Mậu-Nễ đem quân vây thành. Hoàng-Phùng-Cơ sai người trèo thành ra mắng, lữ Mậu-Nễ mới lui quân (chữ Nễ và chữ Xưng gần giống nhau nên lầm).

7) Nguyễn-Hữu-Chỉnh chuyên-quyền

Lê-hoàng cảm giận nhiều bề,⁷⁰⁰
1900. Mật-thư sai sứ đưa về Nghệ-an.⁷⁰¹
Chỉnh xưa tuy giả mưu-gian,⁷⁰²
Được thư rầy mới nở gan anh-hùng.
Hịch bay đâu cũng nức lòng,⁷⁰³
Tứ Thành tứ Đột quân ròng hơn muôn.⁷⁰⁴
Dặm trường thẳng ruổi chinh-an,⁷⁰⁵
Nghệ, Thanh quét sạch mấy đoàn kiến ong.⁷⁰⁶
Yến-đô sức yếu thể cùng,
Theo Dương-Trọng-Tế qua vùng Bắc-ninh.
Đại-quân tiến đến kinh-thành
Long-tân ngự-duyet, đại-đình thưởng-công.⁷⁰⁷
1910. Loan-thư ban trước thêm rông,⁷⁰⁸
Cha phong Bằng-quận, con phong tước hầu.⁷⁰⁹
Trăm quan ngôi thứ ở đầu,
Cánh vây sum-hạp, phủ-lầu nghênh ngang.⁷¹⁰

Lời-giải. – Vua Chiêu-Thống tức giận mật sai người về Nghệ-an gọi Nguyễn-Hữu-Chỉnh. Chỉnh liền làm hịch truyền đi các nơi, mộ ngay được hơn vạn quân chia thành cơ-đội rồi tự mình đem ra Bắc.

Chỉnh đánh tan quân của trấn-thủ Nghệ-an và Thanh-hoá. Trịnh-Bồng cùng Dương-Trọng-Tế trốn chạy sang vùng Kinh-bắc.

Chỉnh đem quân vào Đông-đô, mời vua ra duyet.

Vua phong cho Chỉnh chức Đại-tư-đồ Băng-quận-công, và con Chỉnh tước hầu.

Chỉnh đem vây cánh của mình đặt vào các nơi, nghênh ngang phủ-lầu. Vua Chiêu-Thống lo sợ, dân-gian ai cũng ghét Chỉnh.

ĐOẠN MƯỜI CHÍN : NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN (1787-1802)

1) Quân Tây-sơn ra Bắc lần thứ hai

Bốn phương lại động khói lang,⁷¹¹
Nguy Tây riêng mặt bá-vương một trời.⁷¹²
Nhạc, Qui-nhơn ; Lữ, Đồng-nai
Quảng-nam, Nguyễn-Huệ ; trong ngoài chia nhau.
Nhân cơ lại dấy qua mâu,⁷¹³
1920. Văn-Nhậm vâng lệnh quân-phù kéo ra.⁷¹⁴
Qua Nghệ-an, đến Thanh-hoa,
Thổ-sơn giáp trận, Trinh-hà áp binh.⁷¹⁵
Giặc ra đến đất Ninh-bình,
Chỉnh đem hai vạn tinh binh quyết-liều.
Một đêm thuyền trái buồm xiêu,
Vì con sơ-suất, đèn điều thua công.

Lời-giải. – Ở xứ Nam, Nguyễn-Nhạc đóng ở Qui-nhơn, tự xưng là Trung-ương Hoàng-đế, phong cho Nguyễn-Lữ làm Đông-định-vương ở đất Gia-định ; và Nguyễn huệ làm Bắc-Bình-vương quản-lĩnh từ đèo Hải-vân (Quảng-nam) đến Nghệ-an. Biết rõ tình hình ở Bắc-hà, Nguyễn-Huệ sai Võ-Văn-Nhậm ra đánh Nguyễn Hữu-Chỉnh (1787).

Võ-Văn-Nhậm lấy Thanh hóa rồi ra tới sông Thanh-quyết huyện Gia Viễn (Ninh-Bình) thì gặp con Chỉnh là Nguyễn-Du đem quân đóng ở bắc ngạn sông để chống giữ. Nhậm sai quân thừa lúc ban đêm đi ngầm dưới sông kéo thuyền của Du sang Nam-ngạn rồi ra hiệu súng, trong

thuyền vội bắn theo về phía Bắc làm cho quân của Du tan vỡ. Tây-sơn thẳng tới Thăng Long.

2) Lê-Chiêu-Thống chạy

Văn-Nhậm kéo đến Thăng-long,
Lê-Hoàng thẳng thốt qua sông Nhị-hà.
Bắc-ninh cũng dất dân nhà,
1930. Bạc thay Cảnh-Thước sao mà bất-nhân !
Nữ nào quên nghĩa cố-quân,⁷¹⁶
Đóng thành không rước, sai quân cướp đường.
Ngự-bào cũng nhuộm màu sương,⁷¹⁷
Nguyệt-giang, Mực-thị nhiều đường gian-nguy.⁷¹⁸
Tây-binh thừa-thế cùng-truy,⁷¹⁹
Cha con Nguyễn-Chỉnh một kỳ trận-vong.⁷²⁰
Bắt phu canh giữ bên sông,
Kìa Dương-Đình-Tuấn cũng mong phù-trì.⁷²¹
Chước đâu phản-gián mới kỳ,⁷²²
1940. Để cho xa-giá chạy về Chí-linh.⁷²³
Vội vàng chưa định hành-dinh,⁷²⁴
Mà Đinh-Tích-Nhưỡng nữ tình đuổi theo !
Giải vây lại có thổ-hào,⁷²⁵
Lũ Hoàng-Xuân-Tú cũng đều cần-vương.⁷²⁶
Thừa-dư vừa đến Thủy-đường,⁷²⁷
Kẻ về tấu-tiếp, người sang đầu-thành.⁷²⁸
Bồng đâu thuyền bạt vào Thanh,
Nước non man-mác, quân-tình ngẩn-ngơ.

Lời-giải. – Vua Chiêu-Thống và Nguyễn-Hữu-Chỉnh chạy sang Bắc-ninh. Trấn-thủ Bắc-ninh là Nguyễn-Cảnh-Thước đóng cửa thành không cho vào, lại sai đầy tớ đón đường ở sông Nguyệt-đức (sông Cầu) ăn cướp, vua phải cởi áo ngự-bào bỏ lại mới thoát được thân.

Đến làng Mục-Sơn (thuộc Yên-thế, Bắc-giang) thì tướng Tây-sơn đuổi kịp. Cha con Hữu-Chỉnh bị bắt rồi sau bị giết.

Thổ-hào là Dương-Đình-Tuấn đem thổ-binh ra hộ giá và bắt dân canh giữ bên sông Nguyệt-đức.

Võ-Văn-Nhậm dùng mưu làm cho vua Lê nghi-ngờ Đình-Tuấn, bỏ mà chạy ra huyện Chí-linh (Hải-dương).

Bề tôi cũ nhà Lê là Đinh-Tích-Nhưỡng đem quân đuổi. Có bọn thổ-hào là Trần-Đĩnh và Hoàng-Xuân-Tú cứu-thoát. Ra đến huyện Thủy-đường thì nhận được tin Hoàng-Nhật-Tuyên đánh được quân Tây-Sơn. Tướng là Đinh-Nhã-Hành cũng đem quân về hội. Vận nhà Lê tưởng có cơ trùng-hưng.

Vua Lê sửa soạn binh-thuyền để vào Thanh-hóa. Không may gặp bão to, thuyền vua bật vào Thanh-Hóa, còn thuyền Nhật-Tuyên thì bật vào huyện Quỳnh-lưu (Nghệ-an). Nhật-Tuyên phải hàng Tây-sơn rồi sau bị giết.

3) Nguyễn-Huệ đặt chức Giám-quốc ở Bắc-hà

Văn-Nhậm tự ấy lại giờ,

1950. Võ-về sĩ-tốt, đợi-chờ chúa công. ⁷²⁹

Huệ sao tàn-nhẫn cam lòng, ⁷³⁰

Một gươm nữ quyết chẳng dong tướng-thần.

Mới đòi hào-mục xa gần, ⁷³¹

Xem nhân-tình có mười phần thuận không ?
Nguyễn-Huy-Trạc cũng hào-hùng,⁷³²
Một thang tiết-nghĩa quyết lòng quyền sinh.⁷³³
Biết thiên hạ chẳng thuận-tình,
Lập người giám-quốc đem binh lại về.⁷³⁴

Lời-giải. – Nguyễn-Huệ thấy Võ-Văn-Nhậm lập được công to ở Bắc ngò Nhậm có ý làm phản, vội dùng quân kỵ ra Thăng-long mà giết đi.

Thấy dân tình còn mến tiếc nhà Lê, Nguyễn-Huệ liền đặt Lê-Duy-Cẩn làm Giám-quốc chủ trương việc tế-lễ ; đặt Ngô-Văn-Sở giữ binh-quyền ở Bắc-hà và giao cho Ngô-Thì-Nhậm coi việc chính-trị.

Nguyễn-Huệ lại trở về Nam.

4) Quân nhà Thanh sang nước ta

Lê-hoàng truân-kiến nhiều bề,⁷³⁵
1960. Mẹ con cách trở biết về nơi đâu ?
Thái-tử lạc tới Long-châu,⁷³⁶
Thổ-quan dò hỏi tình đầu thủy-chung.⁷³⁷
Cử lời đạt đến Quảng-đông,⁷³⁸
Gặp Tôn-Sĩ-Nghị cũng lòng mục-lân.⁷³⁹
Một phong biểu tấu chín lần,⁷⁴⁰
Càn-Long có ý ân-cần vì Lê.
Đền rồng ban ấn tử-nê,⁷⁴¹
Đem quân bốn tỉnh trao về một tay.
Nam-quan thẳng lối đường mây,⁷⁴²

1970. Tắt qua trấn Lạng, sang ngay sông Cầu.

Tập-công phá trại Nội-hầu, ⁷⁴³

Theo đường Kinh-bắc, tới đầu Nhị-giang.

Rượu trâu đầu đã sẵn sàng,

Vua Lê mừng thấy đón đàng khao binh.

Tôn-công quân-lệnh tức-thanh, ⁷⁴⁴

Tơ hào chẳng phạm, tấm thành cũng phu. ⁷⁴⁵

Qua sông mới bắc cầu phù, ⁷⁴⁶

Tày-luông quân đóng, Đông-đô ngự vào. ⁷⁴⁷

Quốc-vương sẵn ấn tay trao,

1980. Truy-tùý thưởng kẻ công-lao nhọc-nhăn. ⁷⁴⁸

Lời-giải. – *Vua Chiêu-Thống chạy trốn sau ẩn-náu ở vùng Lạng-giang.*

Bà Thái hậu (mẹ vua) đem hoàng-tử chạy sang Long-châu thuộc tỉnh Quảng-tây nước Tàu.

Quan Tàu đem việc trình tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Tôn-Sĩ-Nghị, Sĩ-Nghị tâu với vua Càn-Long nhà Thanh.

Vua nhà Thanh muốn nhân cơ hội chiếm nước ta, nên mượn tiếng giúp vua Lê-Chiêu-Thống cử Tôn-Sĩ-Nghị đem quân bốn tỉnh miền Nam nước Tàu (Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam, Quý-châu) chia làm ba đạo kéo sang (đường Tây-bắc, đường Cao-bằng và đường Lạng-sơn)

Đại quân của Tôn-Sĩ-Nghị theo đường Lạng-sơn đánh thẳng xuống Kinh-bắc, phá trại của tướng Tây-sơn là Nội-hầu Phan-Văn-Lân, kéo đến Bồ-đề (Gia-lâm). Ngô-Văn-Sở

biết không địch nổi, rút quân về giữ ở Tam-điệp, phân-giới tỉnh Ninh-bình và tỉnh Thanh-hóa.

Khi Tôn-Sĩ-Nghị đến Kinh-bắc, vua Chiêu-Thống đem rượu thịt ra đón chào và khao quân.

Sĩ-Nghị vào Đông-đô tuyên đọc sắc của vua nhà Thanh phong cho Chiêu-thống làm An-nam quốc-vương, rồi ban thưởng cho các tướng-sĩ.

5) Triều-đình thời Lê-mạt

Bao nhiêu hào-kiệt xa gần,
Đua nhau đều đến cửa quân đầu-thăm. ⁷⁴⁹

Xưa sao vắng vẻ hơi tăm ?
Rầy sao hiệp-lực đồng-tâm lắm người ?

Viêm-lương mới tỏ thói đời, ⁷⁵⁰
Dạ trong đã chán, mặt ngoài cũng khinh.

Song mà ý-thế nhà Thanh, ⁷⁵¹
Thờ-ơ với kẻ nước mình mặc ai !
Cơ-mưu những chắc lưng người,

1990. Để cho đất nước trong ngoài mất trông !

Lời-giải. – *Tướng nhà Lê lại lên, nhiều người quay về theo vua Chiêu-Thống. Nhưng vua không dùng ai chỉ dựa vào thế nhà Thanh.*

Văn-thư nhà vua đều đề niên-hiệu Càn-long (nhà Thanh), và mỗi buổi chiều xong, vua lại đi bộ sang dinh Sĩ-Nghị để châu chực. Sĩ-Nghị xử lại rất khinh-bạc. Trong triều thì vua quan chỉ nghĩ đến báo ân báo oán, giết hại người

trước đã đi theo Tây-sơn. Dân-gian chán nản mất cả trông cậy vào nhà Lê.

6) Quang-Trung đại-phá quân Thanh

Quân Thanh đã được Thăng-long,
Một hai rằng thế là xong việc mình.
Dùng-dăng chẳng chịu tiến binh,
Nhác đường phòng-thủ, mống tình đãi-hoang. ⁷⁵²

Ngụy Tây nghe biết sơ-phòng, ⁷⁵³
Giả điều tạ-tội quyết đường cất quân. ⁷⁵⁴

Dặm tràng nào có ai ngăn, ⁷⁵⁵
Thừa hư tiến bước đến gần Thăng-long. ⁷⁵⁶

Trực-khu đến lũy Nam-đồng, ⁷⁵⁷
2000. Quan Thanh dẫu mấy anh-hùng mà đang ? ⁷⁵⁸

Vua Lê khi ấy vội vàng,
Cùng Tôn-Sĩ-Nghị sang đàng Bắc-kinh. ⁷⁵⁹

Qua sông lại sợ truy-binh, ⁷⁶⁰
Phù-kiều chém đứt, quân mình thác oan. ⁷⁶¹

Lời-giải. – *Quân Thanh đóng ở Thăng-long kêu-ngạo và những-nhiều nhân-dân.*

Nguyễn-Huệ ở Phú-Xuân (Huế) biết vậy : liền tự xưng là Quang-trung hoàng đế (ngày 25 tháng một năm Mậu-thân, 1788) rồi tự mình thống lĩnh quân thủy-bộ ra đánh giặc Thanh.

Vua Quang-Trung ra đến Nghệ-an, cho quân nghỉ 10 ngày, kén thêm binh, tất cả thành 10 vạn quân và 100 con

voi. Ngày 20 tháng chạp, ra hội với Ngô-Văn-Sở và Ngô-Thì-Nhậm ở núi Tam-điệp cho quân sĩ ăn tết trước và hẹn mừng bầy tháng giêng sẽ vào thành Thăng-long mở tiệc ăn mừng. Vua chia quân thủy-bộ theo năm đường tiến ra Bắc, ngày 30 Tết cất binh.

Vua thân đốc quân trung-ương phá vỡ nghĩa-binh của nhà Lê ở sông Giản-thủy (thuộc Ninh-bình và Hà-nam) bắt sống quân Tàu ở Phú-xuyên, vây rồi phá tan đồn giặc ở Hà-hồi và Ngọc-hồi thuộc phủ Thường-tín (Hà-đông) ngày mồng 5 tháng giêng.

Quân các đạo khác cũng toàn-thắng. Nhiều tướng nhà Thanh tử-trận, trong đó có Sầm-Nghi-Đổng đóng ở Đống-đa (gần Nam-đồng, nay là ngoại ô Hà-nội) bị vây phải thắt cổ tự-tử.

Tôn-Sĩ-Nghị nghe tin, vội cùng vua Lê-Chiêu-Thống chạy trốn sang Bắc-ninh. Khi qua sông Nhị-hà, quân Tàu tranh nhau sang, cầu đổ, sa xuống sông chết đuối đầy sông.

Trưa mồng 5 tháng giêng, vua Quang-trung vào Thăng-long, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Vua sai quân đuổi quân nhà Thanh đến cửa Nam-quan. Dân Tàu ở bên kia cửa quan, khiếp sợ bỏ chạy, hàng trăm dặm không có tiếng người.

Sau vua Quang-trung sai Ngô-Thì-Nhậm viết thư sang tạ tội và xin giảng-hòa. Vua Thanh biết không làm gì được phong vua Quang-Trung làm An-nam-quốc-vương.

7) Cuộc lưu-vong của Lê-Chiêu-Thống

Ngẩn ngơ đến ải Lạng-sơn,
Theo sau còn có quân-quan mấy người. ⁷⁶²
Cầm tay Sĩ-Nghị than dài,
Vì mình kiến-bộ nên người luống công. ⁷⁶³
Nhẽ đâu lại dám bận lòng,
2010. Xin về đất cũ để mong tái-đồ. ⁷⁶⁴
Tôn-công cũng có tiên-trù, ⁷⁶⁵
Đã dâng một biểu xin cầu viện-binh. ⁷⁶⁶
Quế-lâm còn tạm trú mình, ⁷⁶⁷
Bỗng đâu nghe chiếu nhà Thanh triệu về.
Phụng-sai có sứ hộ tùy, ⁷⁶⁸
Sự đâu lại gặp những bề trở-nan. ⁷⁶⁹
Sứ-thần là Phúc-Khang-An,
Đã e xa cách, lại toan đổi lừa.
Dần-dà ngày tháng thoi đưa,
2020. Lê-hoàng luống những đợi chờ Yên-kinh. ⁷⁷⁰
Tắc-gang khôn tỏ sự-tình,
Để xem con tạo giúp mình hay không ? ⁷⁷¹
Từ khi tam-phẩm gia-phong, ⁷⁷²
Mới hay Thanh-đế cam lòng thế thôi. ⁷⁷³
Lỡ làng đến bước xa xôi,
Nhưng trong đạo chúa nghĩa tôi chẳng dời.
Lê-Hân, Lê-Quýnh mấy người,
Như-Tòng, Ích-Hiểu cũng lời thệ mình. ⁷⁷⁴
Tòng-vong đều kẻ trung-trinh, ⁷⁷⁵

2030. Mã-đồng khen cũng có tình tôn-quân,⁷⁷⁶
Vua Lê phút lách cỏi trần,
Non song cách-diễn mấy lần xa xa.⁷⁷⁷
Bình Tây nhờ Thánh-triều ta,⁷⁷⁸
Kẻ gần an chốn, người xa tìm về,⁷⁷⁹
Sang Thanh mấy kẻ theo Lê,
Còn ai cũng động lòng quê ngậm ngùi.
Vận Lê đến thế là thôi,
Ba trăm sáu chục năm rồi còn chi ?

Lời-giải. – *Vua Chiêu-Thống theo Tôn-Sĩ-Nghị sang Nam-ninh, rồi đến Quế-lâm thuộc tỉnh Quảng-tây nước Tàu.*

Sĩ-Nghị xin vua nhà Thanh cho viện-binh để đánh báo thù.

Vua nhà Thanh cử Phúc-Khang-An thay Tôn-Sĩ-Nghị đem binh-mã chín tỉnh đưa vua Chiêu-Thống về nước.

Nhưng đến Quảng-tây, Phúc-Khang-An thấy quân-thế của ta mạnh, nên có ý muốn hòa, liền tìm cớ hoãn binh và nói dối để xui vua Chiêu Thống cắt tóc ngắn và ăn mặc theo lối Tàu (1789). Chiêu-Thống nghe theo.

Phúc Khang-An lại sai đưa sứ của vua Quang-Trung sang cầu phong về Yên-kinh, nên vua nhà Thanh ra lệnh bãi binh. Mùa xuân năm 1790, vua Chiêu-Thống và các quan tòng-vong vào Yên-kinh (kinh-đô nhà Thanh). Bấy giờ vua nhà Thanh đã phong vương cho Quang-Trung rồi ; vua tôi nhà Lê vẫn còn châu chực đợi.

Đến khi vua nhà Thanh ban áo mũ quan tam phẩm cho vua Lê-Chiêu Thống và cấp cho mỗi người theo vua một thúng gạo và ba lạng bạc, vua tôi nhà Lê mới biết đã bị người Tàu lừa.

Trong bước gian-truân ấy, bọn các ông Phạm-Như-Tòng, Hoàng-Ích-Hiểu, Lê-Hân, Lê-Quýnh, v.v... vẫn một lòng trung-thành với vua Chiêu-Thống. Có người vì cương-trực bị người Tàu bạc đãi : như Lê-Quýnh, vì không chịu cắt tóc theo lối Tàu nên bị giam cầm ; người dắt ngựa cho vua Lê, Nguyễn Văn-Quyên, vì mắng lính Tàu hỗn với vua Lê nên bị đánh gần chết. Những người ấy lại uống máu thề cố xin cho được viện-binh. Có khi vua tôi nhà Lê phục xuống đất kêu khóc với quan Tàu.

Sau nhà Thanh muốn tránh cho khỏi kêu ca, đem đày mỗi người đi một nơi, chỉ còn để cho vài người ở lại hầu vua Lê-Chiêu-Thống (1791).

Năm 1792, hoàng-tử ốm chết ; năm 1793, vua Chiêu-Thống buồn bã cũng ốm nặng rồi chết ; năm 1799, bà Hoàng-thái-hậu mất.

Đến năm 1802, khi vua Gia-long đã đánh xong Tây-sơn, các quan cũ nhà Lê mới xin nhà Thanh đưa hài-cốt vua, thái-hậu và hoàng-tử về nước.

Bấy giờ bà Hoàng phi Nguyễn-Thị-Kim, vợ vua Chiêu-Thống, vẫn ẩn náu trong nước, lên ải-quan đón rước về, làm ma chay xong rồi nhịn ăn mà chết.

Nhà Lê làm vua nước ta được 360 năm (1428-1788).

8) Tổng-kết

Mới hay có thịnh, có suy,
2040. Hang sâu, núi cả có khi đổi dời.
Trước sau tính lại trăm đời,
Có trời, có đất, có người chủ-trương. ⁷⁸⁰
Khai-tiên là họ Hồng-bàng, ⁷⁸¹
Thục thay, Triệu đổi thường thường suy-di. ⁷⁸²
Rồi ra hợp hợp chia chia,
Trải Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê mấy đời.
Thiếu chi chuyện văn đầy vơi ?
Hiếm điều đặc-thất, hiếm người thị-phi ? ⁷⁸³
Lại còn nhiều việc tín-nghi, ⁷⁸⁴
2050. Sự muôn năm cũ chép ghi rành rành.
Bút son vàng mệnh đăn-đình, ⁷⁸⁵
Gác lê lần giở sử xanh muôn đời. ⁷⁸⁶
Chuyện xưa theo sách diễn lời, ⁷⁸⁷
Phải chăng xin đã gương Trời rạng soi. ⁷⁸⁸

Lời-giải. – Nước ta, trải qua trăm đời, từ Hồng-Bàng, Thục, Triệu đến Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, là một giang san có người đứng chủ-trương riêng biệt với nước khác.

Trong thời-gian ấy bao nhiêu cuộc thay đổi, có việc phải việc trái, có người hay người dở, cũng còn có nhiều việc nay còn nghi ngờ. Nay cứ theo sử cũ mà diễn ra lời ca.

= HẾT =

LOẠI SÁCH XÂY DỰNG

Gồm những tác phẩm thuộc đủ mọi ngành học-văn có tính cách chuyên-môn, có thể làm căn-bản cho sự xây-dựng tương-lai văn-hóa của nước ta.

ĐÃ RA : **LÝ-THƯỜNG-KIỆT**

(Lịch-sử ngoại-giao triều Lý)

của **HOÀNG XUÂN-HÃN**

Khổ to 14 X 22, dày 200 trang, có 3 bản đồ, 1 ảnh. In đẹp, giấy tốt. Giá bán ở Hà-nội **28đ**, các nơi **32đ**. *Một trang lịch-sử oanh-liệt viết tặng tất cả những người hy-sinh cho Tổ-quốc !*

Một viên đá chắc thêm vào nền tảng văn-hóa nước nhà !

Một công-trình khoa-học mà đọc ham như tiểu-thuyết !

LOẠI SÁCH HỌC

Gồm những sách học soạn theo tinh-thần mới của dân-tộc và thích-hợp với sự cải-cách nền quốc-gia giáo-dục :

ĐÃ RA : **VIỆT-LUẬN**
của **NGHIÊM-TOÀN**

Gồm mọi thể văn, từ tả vật, tả người, tả cảnh, kể chuyện, thư từ... đến luận-thuyết.

Mỗi thể có nhiều bài mẫu trích hay dịch của các văn-gia Việt-Nam và ngoại-quốc, có thể dùng làm tập đọc và chính tả.

Mỗi thể có tóm tắt quy-tắc hành-văn và có nhiều đầu-đề sẵn dàn-bài tiện cho học trò tập-luyện và thầy giáo giảng dạy.

Tập thứ nhất : GIÁ : *Hà-nội* **8đ** – *Các nơi* **10đ**

Tập thứ hai : GIÁ : *Bắc bộ* **9đ** – *Các nơi* **11đ**

Tập thứ ba (trọn bộ) sẽ ra tiếp ngay.

NHÀ XUẤT-BẢN SÔNG-NHỊ

19^B Hàng Bông Thợ Nhuộm-Hà-nội

SÁCH HIỂU BIẾT
VŨ-VĂN-HIỀN

Luật-khoa Tiến-sĩ

Luật-sư

Giám-đốc bộ Biên-tập

Đã ra :

Tiền vàng và tiền giấy của VŨ-VĂN-HIỀN
Việt-nam văn học-sử I, II của NGHIÊM-TOÀN
Hùn vốn lập hội của NGUYỄN-HUY-MÃN

Đang in : LIÊN-HIỆP-QUỐC

của BÙI-TƯỜNG-CHIẾU

Sẽ ra tiếp :

ĐIỆN của BÙI-PHƯƠNG-CHÌ
NGUYỄN-HUỆ của NGHIÊM-TOÀN
NHỮNG BỆNH TRUYỀN-NHIỄM của PHẠM-KHẮC-QUẢNG
THIÊN-VĂN của NGUYỄN-DƯƠNG-ĐÔN
HỒNG-SƠN VĂN-PHÁI của HOÀNG-XUÂN-HÃN

NHÀ SÁCH VĨNH BẢO

CHỦ-NHIỆM : **ĐÀO-VĂN-TẬP**

46 bis, Lagrandière – Saigon

TỔNG-PHÁT-HÀNH :

Bắc-Việt : Trần-Hợp-Đức – 42, Hàng Đậu – Hà-nội
Trung-Việt : Nhà An-Xuân – 58, Lê Thái-Tổ – Huế
Cao-Mên : Đào-Trọng-Sôi – 1, Okuha Meu – Nam-vang

PHỤ BẢN

Bản-Đồ I : Gốc nước Việt

Bản-Đồ II : Việt xưa và nay





NHÀ XUẤT BẢN SÔNG NHỊ
19^B, Phố Hàng Bông Thợ Nhuộm-Hà-nội

ĐÃ RA :

- **Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca** của LÊ NGÔ-CÁT và PHẠM ĐÌNH-TOÁI. *Tựa và dẫn của HOÀNG XUÂN-HÃN.*

Quyển I : *Từ Hồng-Bàng đến Tiền-Lê.* Giá Hà-nội : 12đ
– Các nơi : 14đ.

Quyển II : *Từ Lý đến Nguyễn Tây-sơn (trọn bộ).* Giá Bắc-bộ : 16đ – Các nơi : 18đ.

- **Lý-Thường-Kiệt** (*Lịch-sử ngoại-giao triều Lý*) của HOÀNG XUÂN-HÃN. **Quyển I** : *Bại Chiêm phá Tống.* Giá Hà-nội : 28đ – Các nơi : 32đ.

- **Việt-Luận** (*lớp nhì, lớp nhất tiểu-học, năm thứ nhất, thứ nhì Trung-học phổ-thông*) của NGHIÊM-TOÀN.

Tập I : Giá Hà-nội : 8đ – Các nơi : 10đ.

SẼ RA :

- **Việt-Luận** tập II và III (*trọn bộ*) của NGHIÊM-TOÀN.

- **Lý-Thường-Kiệt** quyển II (*trọn bộ*) của HOÀNG XUÂN-HÃN.

- **Danh-từ chuyên-môn** (*chính-trị, ngoại-giao, kinh-tế, tư-pháp*) của VŨ-VĂN-HIỀN NGUYỄN-HUY-MẪN và BÙI-TƯỜNG-CHIỂU.

Thư-từ và ngân-phiếu xin đề :

bà NGUYỄN-THỊ-QUYÊN

19^B, Phố Hàng Bông Thợ Nhuộm-Hà-nội

GIÁ BÁN : *Bắc-bộ*, **16đ.**

Các nơi, **18đ.**

IN TẠI NHÀ IN NGỌC-HƯNG – HÀ-NỘI



Notes

[← 1]

Bắc-giang : tên cũ chỉ Kinh-bắc trong có tỉnh Bắc-ninh bây giờ.

Thánh-minh : thánh-chúa, vua sáng suốt.

[←2]

Nhân-tình đối-suy : lòng người quý mến nhà tôn lên.

[← 3]

Ứng-kỳ : hợp lúc.

[←4]

Cải-hiệu : đổi tên năm.

[←5]

Túc-xa quản-giáp : Lý-Thái-Tổ đặt ra quân gọi là Túc-xa, mỗi quân chia ra nhiều giáp, mỗi giáp giao cho một người quản-lính.

[←6]

Hỗn-đông : hợp làm một.

Phong-cương : bờ cõi.

[←7]

Lộ : Lý-Thái-Tổ chia nước làm 24 lộ (cũng như tỉnh ngày nay).

[← 8]

Binh-uy : uy-thể của quân.

[←9]

Diễn-châu : thuộc Nghệ-an bây giờ.

Tinh-kỳ thân-chính : cờ vua chính thân đi đánh giặc.

[← 10]

Biện-loan : tên riêng một cửa bể thuộc tỉnh Thanh-hóa.

Hồi-minh : sấm tối.

[← 11]

Hương-nguyên : hương đốt để cầu-nguyện.

Sóng kinh : sóng to.

[←12]

Cung-câu : cống-hiến tỏ sự thần-phục.

[←13]

Quan-bào : quan là mũ, bào là áo, dành riêng cho vua và các quan to.

[← 14]

Đạo học tinh-minh : sáng suốt về việc học.

[← 15]

Tín-hoặc : lầm tin.

[←16]

Ni-cô : sư nữ.

Tăng-đồ : sư, người tu đạo Phật.

[←17]

Cửa Như-lai : chùa. Tục truyền Lý-Thái-Tổ lúc bé được nhà sư nuôi dạy.

[← 18]

Tiêu-sơn : chùa Tiêu-sơn nay thuộc tỉnh Bắc-ninh.

Anh-hài : trẻ con nhỏ.

[←19]

Ái-hà : sông yêu, chỉ sự ham mê đàn bà.

[←20]

Lệ-giai : bậc thang đưa đến tai-vạ.

[←21]

Tương-tranh : tranh cự ép lẫn nhau.

[←22]

Thủ-thành : giữ lấy công-cuộc đã gây dựng xong ; tức là Thái-Tông nổi nghiệp nhà Lý, làm vua.

[←23]

Cấm-thành : nơi vua ở.

[←24]

Khoan-hình : tha làm tội.

[←25]

Thân-phiên : đất cắt để phong cho thân-thuộc cai-trị.

[←26]

Tịch-diên : ruộng dành cho vua hàng năm ra cấy để làm phép, để tỏ rằng vua chú-trọng đến việc canh-nông.

[←27]

Mở đồ nhất-thống : mở bản-đồ hợp-nhất cả nước.

Tứ-chinh : đi đánh dẹp bốn phương.

[←28]

« **Phiên-phục Nùng-bình** » : « các nước láng giềng đều thần-phục, giặc Nùng dẹp yên ». Bốn chữ trên đây do các quan dâng vua Lý-Thái-Tông để tán-dương võ-công của vua, sau khi đã thắng Chiêm-thành ở phương Nam và dẹp yên giặc Nùng ở Cao-bằng.

[←29]

Huy-xưng : lời khen.

Biểu-tiên : giấy để viết biểu (lệnh của vua).

[←30]

Câu thơ : cầu để sống lâu. Tác-giả chê vua Lý Thái-Tông mê-tín tụng kinh để mong sống lâu.

[← 31]

Cần dân : sẵn sóc đến dân.

[←32]

Học-cung : văn-miếu, đền thờ Khổng-tử.

[←33]

Ưu-dung : trọng đãi.

[←34]

Dưỡng-liêm : khuyến-khích, trau dồi sự liêm-khiết.

[←35]

Dâm-dâm : nay là Tây-hồ.

[←36]

Sùng-khánh : tên riêng một ngôi chùa ở gần hồ Hoàn-kiểm Hà-nội.

Báo-thiên : tên riêng một cái tháp ở chùa Sùng-khánh.

[←37]

Say thiên : say mê đạo Phật.

[←38]

Triều-yết : ngự triều để xét việc nước.

Giảng-minh : học hành.

[← 39]

Thụ-di : nhận lời di-chức của vua trước.

[←40]

Buông mành : đời xưa đàn bà ngồi sau bức mành để chăm nom việc nước.

[←41]

Câu hiên : tìm người giỏi, mở khoa thi chọn người giỏi ra giúp nước.

[←42]

Điền-dã : ruộng đất nhà quê công việc đồng áng.

Mấy tao : mấy lần.

[←43]

Bần-nữ : con gái nhà nghèo.

Quan-phu : đàn ông góa vợ.

[←44]

Thân-chính : tự vua mang quân đi đánh giặc ; chỉ vua Lý-Nhân-Tông.

Trì-khu : rong ruổi.

[←45]

Sa-động : tên riêng một động (chỗ ở trong núi) nay thuộc Hòa-bình.

Man-tù Ngụy-Phang : tù-trưởng người thổ-mán tên là Ngụy-Phang.

[←46]

Qui-phụ : theo về (nước ta). Ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bỗ-chính đã do người Chiêm nhượng cho Lý-Thánh-Tông từ 1069. Bấy giờ Lý-Thường-Kiệt vào ba châu ấy tuần-du để củng-cố miền nam trước khi quân Tống kéo tới nước ta.

Thanh-di : quét-sạch êm đềm.

[←47]

Xâm-nhiều : vào quấy rối.

[←48]

Bắc-chính : đánh giặc ở phía Bắc (đánh Tàu).

[←49]

Như-nguyệt : tên riêng khúc sông Cầu chảy qua xã Như-nguyệt (nay thuộc huyện Yên-Phong, tỉnh Bắc-ninh).

Trú-dinh : đóng đồn quân.

[← 50]

Hệ trì : giúp đỡ.

[←51]

Miêu-tiên : trước cửa đền.

[←52]

Trì thiên-binh : rong ruổi quân nhà trời. Tục truyền rằng khi đóng quân ở trên bờ sông Như-nguyệt để chống với quân nhà Tống (Tầu), Lý Thường-Kiệt đang đêm nghe thấy trong đền thờ Trương-Hát (xem câu 515-516) có tiếng ngâm thơ : « *Nam-quốc sơn-hà nam đế cư, Tiệt-nhiên định-phận tại thiên-thư, Như hà nghịch-lỗi lai xâm-phạm, Nhữ đẳng hành-kham thủ bại-hư* ». (Nghĩa là : đất nước Nam thì vua nước Nam ở, số phận đã định rõ ràng trong sách trời, có sao giặc kia lại đến xâm-phạm, chúng bay rồi phải chịu thua). Quân sĩ biết có bài thơ ấy đều nức lòng đánh giặc ; sau quân Tống thua.

[←53]

Hư-kinh : hoảng sợ.

[← 54]

Cổ-cương : biên-thùy cũ.

[←55]

Một chương : một bài thơ. Người Tống lúc rút lui có làm thơ tiếc của cải ở nước ta.

[←56]

Quái-hổ : con hổ tàn ác.

Khoan lưởi hình : tha cho khỏi vòng pháp luật. Ý nói Lê-Văn-Thịnh làm phản mà sau Lý-Nhân-Tông tha tội cho.

[←57]

Chứng-minh : soi thấu.

[←58]

Diên-hựu : tên riêng chỉ chùa Một-cột nay còn ở Hà-nội.

Phúc-cai : mằm phúc.

[←59]

Chi thứ : ngành họ thứ. Lý-Nhân Tông không có con, phải lấy con người em là Sùng-hiền-hầu làm thái-tử.

[←60]

Trừ quân : thái-tử, con vua có quyền kế-vị khi vua mất.

Thác : giao cho.

Hóa duyên : hóa làm kiếp khác. Theo tục truyền thì sư Từ-Đạo-Hạnh hóa xác đầu thai làm con Sùng-hiền-hầu rồi sau lên làm vua là Lý-Thần-Tông.

[←61]

Thi-giải : thoát xác.

[←62]

Chi-lan : tên hai thứ cỏ quý, chỉ người thanh-nhã.

[←63]

Kinh-diên : chiếu vua ngồi để nghe giảng học.

[←64]

Qui nông : quay về làm ruộng.

[←65]

Quan-diên : ruộng công của nhà nước, nguyên là ruộng của dân do nhà nước đã tịch-ký trước.

[←66]

Xung-nhân : người còn trẻ dại.

[←67]

Ngoại-thân : họ ngoại.

Lộng-hành : lạm quyền làm điều trái phép.

[←68]

Ngục-tốt : quân coi nhà giam.

[←69]

Nghị đồ : bị xử tội đồ (đi đày).

[←70]

Quyền-gian : kẻ cầm quyền gian-ác, chỉ Đỗ-Anh-Vũ.

[←71]

Cán-toàn : trông nom gánh vác mọi việc.

[←72]

Triều Tống, sịnh Nguyên : sai người vào châu nhà Tống, đem lễ vật mừng nhà Nguyên. Bấy giờ bên Tàu, nhà Nguyên đánh nhà Tống để lên làm vua.

[←73]

Cung-thuận : kính cần mà theo, thần-phục.

[←74]

Cải-phong : đổi tên nước mà phong.

[←75]

Quốc-danh : tên nước.

[←76]

Võ-tràng : trường dạy võ, trường quân-sự.

[←77]

Tinh-kỳ : cờ.

[←78]

Tuần-du : vua đi xem xét các nơi.

[←79]

Sơn-xuyên : núi sông.

Địa-hình : hình thể đất.

[←80]

Trừ-quân : thái-tử đã được chọn sẵn để sau nối ngôi, chỉ Long-Sưởng sau bị truất quyền.

Nết tà : nết xấu.

[←81]

Ấu niên : tuổi trẻ.

[←82]

Thác-cô : giao con mồ-côi cho, để trông nom.

[←83]

Hồi-chúc : đút lót để cầu xin : chỉ bà Chiêu-linh-thái-hậu đem vàng bạc đút lót để xin Tô-Hiến-Thành. lại lập Long-Sửng làm vua.

[←84]

Cư-nhiếp : đứng giữ quyền-chính khi vua còn nhỏ tuổi.

[←85]

Di-lưu : lúc chết còn trối lại.

Tiến hiên : cử, giới-thiệu người có tài đức để vua dùng.

[←86]

Tán-tương : giúp đỡ (vua) để trị nước.

[←87]

Trung-lương : trung-tín và giỏi tốt.

[←88]

Hoang-túng : chơi bời càn rỡ, không kiểm chế.

[←89]

Chính-hình lỗi tiết : pháp-luật sai cả mực-thẳng.

Du-quan quá thường : đi chơi quá lệ-thường.

[←90]

Thổ-mộc cung-tường : xây dựng cung-điện.

[←91]

Nhạc Chiêm : âm-nhạc của người Chiêm-thành (ở phía Nam nước ta hồi ấy, đang suy).

[←92]

Am-la : cây muỗm (xoài). Tục truyền hồi ấy, có con trâu trèo lên cây muỗm (ở Thanh-hóa), ta coi đấy là điềm gỡ.

[←93]

Kính thiên : tên một cái lầu vua Lý sai xây. Lúc sắp xong có con chim thước đến làm tổ, theo điển cũ đây là điềm gỡ.

[←94]

Xâm-biên : đánh chiếm biên-giới.

[←95]

Quyền-cương : đầu mỗi quyền hành, cũng như nền móng của quyền-bính.

[←96]

Gia-hình : trị tội.

[←97]

Kim giai : thêm vàng, chỉ nơi vua ở.

[←98]

Hoàng-thân đế-thích : họ nội họ ngoại của vua.

[←99]

Trữ-quân : con vua được chọn sẵn để sau nối ngôi.

[←100]

Công ngư : làm nghề đánh cá, nghề chài lưới.

[← 101]

Phong-tư : sắc đẹp.

[←102]

Di-duyên : cầu thân với nhà quyền quý.

[←103]

Thích-lý : họ ngoại.

Tiễn-giai : bậc thang để bước đến chỗ tranh quyền vua.

[←104]

Hải-ấp : tên làng ở vùng bể thuộc huyện Hưng-nhân.

[←105]

Mẫu-hậu : mẹ vua.

Phu-nhân : vợ, chỉ con gái họ Trần.

[←106]

Bắc-tuần : Vua đi về phương bắc.

[←107]

Gió bụi : phong trần, giặc giã trong nước.

[←108]

Cuồng-tật : bệnh điên.

[←109]

Xuất-gia, tu-trai : đi tu, ăn chay.

[← 110]

Ngôi thiêng : ngôi vua.

Đào-thơ : con gái nhỏ.

[←111]

Đăng-sơn : lên núi, mặt giời gác núi về buổi chiều, chỉ cuộc đã tàn. Nguyên có câu sấm « Ảnh một nhật đăng sơn » nghĩa đen là mặt trời gác núi thì tối. Nghĩa kín là đến đời vua tên Sấm (chữ *nhật* trên, chữ *Sơn* dưới) thì đời Lý hết.

Bóng nhật : bóng mặt trời.

[←112]

Lý-cơ : cơ nghiệp nhà Lý.

[←113]

Cơ-tạo : tạo hóa xoay vần như cái máy số trời đã định trước.

[← 114]

Yếu-điều, tư-phong : nói người con gái đẹp và người con giai thanh nhã.

[←115]

Rơm lửa, mây mưa : rơm gần lửa thì sao cũng cháy, Mưa mây là trai gái yêu nhau.

[←116]

Vấy nước chậu... ngồi chung : những trò chơi đùa của trẻ con. Trần-Thủ-Độ cố ý nói rằng đây là triệu-chứng Chiêu-hoàng yêu say Trần-Cảnh và nhường nước cho.

[←117]

Chiếu rồng năm mây : tờ chiếu của nhà vua có vẽ mây năm màu.

[←118]

Đông-A : Chữ Đông bên cạnh chữ A, là chữ Trần.

Vùng hồng : mặt trời ; câu này nghĩa là nhà Trần lên làm vua.

[←119]

Trần-Thừa : anh Trần-Tự-Khánh, bố đẻ ra Trần-Cảnh.

[←120]

Thính-đoán : xét và quyết định.

Kinh-luân : gỡ mối rối, tài chính-trị.

[←121]

Thông-chế lễ-văn : lệ-luật đặt cho mọi người theo.

[←122]

Tướng-thần : quan đứng đầu trong triều, tức là tể-tướng.

Binh-chương : chức coi cả văn lẫn võ.

[←123]

Khoa-trường : thi-đỗ.

[←124]

Bạ-đầu : thi từ-hàn để lựa lấy người giữ sổ sách.

[←125]

Tứ-thánh, tứ-thần : tên riêng hồi ấy dùng để chỉ các đội quân túc-vệ.

[←126]

Hà-phòng : phòng giữ nước sông.

[←127]

Tư trời : thông-minh trời cho sẵn.

[←128]

Sùng-văn : chuộng văn-học.

Khổng Nhan : Khổng-Tử và Nhan-tử là tổ đạo Nho.

[←129]

Quốc-học : trường vua mở để giảng dạy Nho-học.

Giám-thần : quan coi việc học.

[←130]

Hội-thanh-vân : dịp thi đỗ để tiến-thân.

[←131]

Kinh, trại : người kinh là người trung-châu Bắc-Kỳ gần Kinh-đô ; còn từ Thanh hóa vào Nam, là người trại.

[←132]

Thi Thái-học : thi tiến-sĩ.

[←133]

Tam giáo : ba đạo là đạo Khổng, đạo Thích (Phật), và đạo Lão.

[←134]

Thiên-qua : ngọn giáo của thiên-tử (của vua).

[←135]

Cổ-chúa : vua cũ, chỉ Lý-Huệ-Tông bị Trần Thủ-Độ bức-tử ở chùa Chân-giáo.

[←136]

Gả đi bán lại : Lý-Chiêu-Hoàng sau bị đem gả cho Lê-Phụ-Trần.

[←137]

Hậu-cung : Thủ-Độ đem vợ Trần-Liễu (là anh ruột vua Thái-Tông) vào cung ép gả cho Thái-Tông, vì bà này đã có thai, còn Lý-Chiêu-hoàng lấy chồng 12 năm không có con thì bị giáng xuống làm công-chúa.

[←138]

Hôn-phong : thói hỗn-loạn trong đạo vợ chồng.

[←139]

Khuê-phòng : phòng đàn bà ở.

[←140]

Thuần-bôn : tên một bài thơ cổ chê sự loạn-luân.

[←141]

Vu quy : con gái về nhà chồng.

[←142]

Sính-nghi : đồ lễ để xin cưới.

Thiên-đình : sân nhà vua.

[←143]

Thục-bà : tên riêng bà chị của Thiên-Thành công-chúa. Thiên-Thành công-chúa là em vua, đã nhận lời gả cho Trung-Thành-Vương. Sau Thục-bà đem lễ vật xin vua gả cho Trần-Quốc-Tuấn (là cháu gọi Thiên-Thành bằng cô). Thái Tông nhận gả.

[← 144]

Dị-đoan : tin nhảm.

[←145]

Phong-thủy khí tà : địa-lý, thuật dối-trá xem đất để mỗ-mả.

[←146]

Đội mo : đội mo lên đầu để chuốc rượu.

[←147]

Hiếu-hữu : có hiếu với cha mẹ, thuận hòa với anh em.

[←148]

Mát nòng : sẵn sóc đến sự rét nóng của cha mẹ.

[←149]

Nệm cả gối dài : anh em nằm chung, thân-yêu nhau.

[←150]

Yên-lạc : vui vẻ ăn uống.

Ấm phong : cho các hoàng tôn (con của anh hay em vua) được tập tước.

[←151]

Truyền-thụ phép lòng : dạy bảo con nhớ vào lòng.

[←152]

Di-mưu : để sách-lược lại cho con cháu.

[←153]

Tu sử-ký : soạn sách sử, Lê-Văn-Hữu, đồ bạ̉ng-nhậ́n, làm quyển sử đầu tiên của nước ta xong năm 1272.

Kinh diên : chiếu vua ngồi nghe giảng đạo Nho.

[←154]

Phòng biên : phòng giữ biên-thùý.

[←155]

Đoàn luyện : họp từng đoàn để tập luyện võ-bị.

Cửu-sa : tên riêng một bãi cát.

[←156]

Trao truyền : nhường ngôi cho con ngay lúc còn sống, để làm Thái-thượng-hoàng, theo lệ nhà Trần.

[←157]

Hùng-lược : mạnh mẽ và nhiều mưu-lược.

[←158]

Tổng-binh : làm tướng trông nom và điều khiển tất cả quân-đội.

[←159]

Phong-đào : gió và sóng, trận đánh dữ dội.

[←160]

Uy-phong : oai tiếng.

[←161]

Báo-đên : trả thù.

[←162]

Hộ-tống : đi theo để che chở. Khi quân Nguyên sang lần thứ nhất có tôn-thất là Trần-Ích-Tắc ra hàng, rồi theo về Tàu. Lần thứ hai, khi quân Nguyên kéo sang đánh ta, họ giả dạng là đưa Trần-Ích-Tắc về làm vua.

[←163]

Hoài-văn : Hoài-Văn vương là tước của Trần-Quốc-Toản, bấy giờ mới có 16 tuổi, đã tự ý mộ quân đánh giặc và có làm một lá cờ đề sáu chữ : « *Phá cường địch báo hoàng-ân* » (nghĩa là phá giặc mạnh, báo ơn vua).

[←164]

Nam-quỷ bắc-vương : Trần-Bình-Trọng, tướng nhà Trần, bị quân Nguyên bắt sống. Tướng Nguyên dụ hàng và hứa sẽ phong cho tước vương. Bình-Trọng trả lời : « Thà làm quỉ nước Nam, chứ không thềm làm vương đất Bắc (nước Tàu) ». Sau bị giặc giết.

[←165]

Khuyển-ưng : con chó và con chim ưng, chỉ người nhà bề dưới, tận tâm được việc.

Nghĩa đá vàng : lòng trung-thành bền chặt.

[←166]

Ngọc-diệp kim-chi : lá ngọc cành vàng, chỉ họ hàng nhà vua.

[←167]

Biến-cố : thay đổi lớn, như chiến tranh.

[←168]

Trùng-hưng : xây dựng lại.

[←169]

Thiên-tướng : tướng nhà giời.

[←170]

Thanh-bình : thái bình, đã hết giặc dã.

[←171]

Ngọa-vân : tên một cái chùa ở núi Yên-tử (Hải-dương). Vua Trần-Nhân-Tông đến cuối đời ra tu ở đây.

[←172]

Châm : bài răn dạy.

Đông-cung : con vua có quyền kế-vị, thái tử.

[←173]

Thủy-vân : tên một tập thơ của Trần-Nhân-Tông.

[←174]

Thiền : đạo Phật.

[←175]

Đông-A : nhà Trần, chữ Đông bên chữ A là chữ Trần.

[←176]

Quyện-cần : chăm chỉ hết sức nên mỗi mệt.

Xuất-gia : đi tu.

[←177]

Kê-thống : nổi dòng nhà vua.

Hiền-vương : vua tốt.

[←178]

Biện-biệt : phân-biệt.

Ngư-châu : mắt cá và hạt châu, thứ giả thứ thật, thứ tiện thứ quý.

[←179]

Tà-nịnh : gian-tà và xu nịnh.

Giai-ban : thứ bậc các quan.

[←180]

Máy lung-linh : tên thứ máy đo tốc-độ của sao.

[←181]

Tinh-độ vận-hành : sự xoay chuyển của sao.

[←182]

Thạch-đê : đê bằng đá.

[←183]

Thừa bình : hưởng sự thái-bình.

Hiếu vũ-công : ham việc chiến-tranh.

[←184]

Xa-mã : xe ngựa, quân đội đi trận.

Tinh-kỳ : cờ quân đi trận.

[←185]

Cổ-quăng : chân tay, bề tôi thân.

Truy-tùý : chạy theo, ý nói các tướng giống-ruồi theo vua đi đánh giặc.

[←186]

Về thủy-cung : chết đuối.

[←187]

Kỷ công : ghi chép công trạng.

[←188]

Ngấn râu : ngấn râu. Câu này ý nói dân oán giận về việc chinh-chiến nhiều.

[←189]

Thừa diêu : nối ngôi vua.

[←190]

Thượng thư : chức quan đứng đầu hành-chính.

Tỉnh-đường : chức quan đứng đầu một bộ.

[←191]

Đề-hình : chức quan coi việc hình-án.

Chuyển-vận : chức quan coi việc chuyên-chở lương-thảo.

[←192]

Khuyến nông, đồn-diên : *khuyến-nông* là chức quan coi việc canh-nông, *đồn-diên* là nơi lính phá vỡ đất hoang. Nhà Trần đặt chức Khuyến-nông để phụ-trách việc dùng binh-lính phá vỡ đất hoang.

[←193]

Tra : kiểm soát.

Khách-nhân : người ngoại-quốc.

[←194]

Khu-tào : ti (sở) coi việc quân.

Thống-lĩnh, cấm-quân : cai-quản quân canh giữ nơi vua ở.

[←195]

Phong-đoàn : tên riêng đạo quân có trách-nhiệm nã bắt trộm cướp ; đạo quân ấy chia ra từng « đô ».

[←196]

Biên-ngu : (gốc) biên-thuỳ.

[←197]

Thổ-nghi : sản-vật riêng của đất nước (Chiêm).

[←198]

Luồng-công : phí mất công.

[←199]

Chẳng di : chẳng thay đổi.

[←200]

Cẩn phòng-vi : cẩn là thận-trọng, kiêng dè, phòng vi là phòng đàn bà ở. Khi còn là thái-tử, Dụ-Tông bị đắm ở Hồ-tây, có thầy thuốc tên là Trâu-Canh cứu sống, nhưng sau bị bệnh. Canh bảo ăn gan trẻ con và loạn-luân mới khỏi.

[←201]

Ưu-nhân : con hát, người làm trò.

[←202]

Bài-hước : phường chèo.

[←203]

Hiển-tử, hàm oan : *Hiển-tử*, tên riêng bà Hoàng-thái-hậu (mẹ vua Trần) bị Dương-Nhật-Lễ giết, *hàm-oan* là ngậm oan (bị giết oan).

[←204]

Trần-công, thân tàn : *Trần-công* là Trần-Nguyên-Trác khởi binh đánh Nhật-Lê nhưng bị thua và bị giết ; *thân-tàn* là chết.

[←205]

Thiên-hoàng : dòng vua.

[←206]

Khuất-thân : *khuất* là co lại (nhịn nhục), *thân* là duỗi ra (cương-quyết) ý nói mềm-mỏng, khéo-léo, tùy cơ mà liệu nên cương (cứng) hay nên nhu (mềm).

[←207]

Tiền-mưu : mưu ngầm.

Tôn-thần : bề tôi có họ với vua.

[←208]

Yêu-phân : khí yêu-quái. Chỉ việc Nhật-Lễ tiếm-vị.

Tảo-trừ : quét sạch.

[←209]

Ưu-nhu : nhu-nhược.

[←210]

Đông-A : Chữ Đông bên cạnh chữ A, là chữ Trần.

[←211]

Đô-kỳ : kinh-đô (Thăng-long).

[←212]

Khu-tào : toà coi việc quân.

[←213]

Báu thiên : ngôi vua.

Gian-hào : gian-tà.

Khải-du : dòm ngó.

[←214]

Trì-khu : giong ruồi.

[←215]

Tinh-kỳ : cờ (cửa quân ra trận).

[←216]

Em : tác giả lầm. Phế-đế là con Duệ-tông.

Hôn-ngu : ngu muội.

[←217]

Quyền lẫn trong ngoài : chiếm dần hết cả quyền ở trong triều và ở các địa-phương.

[←218]

Sàm-gián : dèm pha để ly-gián vua với mọi người.

Tôn-thân : tình thân-thích với nhà vua.

[←219]

Trăm-triệu : điềm ứng trước.

[←220]

Bạch-kê, xích-chuỷ : vua Nghệ-Tông nằm mơ thấy câu thơ trong có nói « trong khoảng bụi có con hầu mồm đỏ (xích-chuỷ-hầu) lăm le lên lầu Bạch-kê. Xích-chuỷ-hầu ám chỉ Quý-Ly, Bạch-kê (kê tức là năm Dậu tuổi Vua Nghệ-Tông) ». Câu thơ ấy báo trước Quý-Ly sẽ tiếm vị của vua Nghệ-Tông.

[←221]

Loạn-trưng : triệu-chứng loạn.

[←222]

Đồ tứ-phụ : bức vẽ bốn người bày tỏ có công giúp vua nhỏ (Chu-Công giúp Thành-Vương, Hoắc-Quang giúp Thiếu-Đế, Khổng-Minh giúp vua cuối nhà Hán, Tô-Hiến-Thành giúp Lý-Cao-Tông). Vua Nghệ-Tông cho Quý-Ly bức vẽ ấy để ngỏ ý tin Quý-Ly hết sức phù Trần-Thuận-Tông. Như vậy tỏ rằng Nghệ-Tông u-mê, không khác gì đem gà con gửi quạ già.

[←223]

Ác : con quạ.

[←224]

Phó-thác : gửi gắm.

Đắc-nhân : người xứng-đáng, đáng chọn.

[←225]

Vạc Trần : cơ-nghiệp (làm vua) của nhà Trần.

[←226]

Kẻ-chợ : kinh-đô.

[←227]

Hội-minh : họp bàn với nhau.

[←228]

Chương-hoàng : rục rỡ, khoe-khoang.

[←229]

Quốc-quân : vua của nước (Nam).

[←230]

Cổ-bề : trống trận.

[←231]

Trỏ cờ : chỉ cờ để mang quân tới.

[←232]

Nhân thể : thừa cơ thẳng-thế.

[←233]

Tiếm-vị : cướp ngôi vua (nhà Trần).

Ô-danh : tiếng xấu.

[←234]

Đồ-hỏi : mưu sự khôi-phục (nhà Trần).

[←235]

Nhân thể tráng khu : nhân lúc thắng mà đánh đuổi luôn nữa.

[←236]

Trùng-hưng cơ-tự : xây dựng lại nền móng (ngiệp nhà Trần).

[←237]

Tướng hiền : tướng trung và giỏi ; chỉ Đặng-Tất và Nguyễn-Cảnh-Chân.

[←238]

Bạn-li : phân lìa ; ý nói ai cũng chán-nản không muốn giúp nữa.

[←239]

Tướng-môn : dòng-dối nhà tướng ; Đặng-Dung là con Đặng-Tất ; Cảnh-Dị là con Cảnh-Chân.

[←240]

Đồng-cừu : cùng theo đuổi một mối thù (giặc Minh).

[←241]

Tôn phù : tôn lên làm vua mà giúp đỡ.

[←242]

Tế : chạy đều bốn chân, cũng còn gọi là chạy nước kiệu (nói về ngựa).

[←243]

Bắc-kỳ : miền bắc.

[←244]

Nam-thùy : biên thùy phía Nam (nước ta) hồi ấy là Hóa-châu.

[←245]

Xuân-thu : năm.

[←246]

Loạn-cơ : gốc của sự loạn-lạc.

[←247]

Tiễn thiết : cướp ngôi vua.

[←248]

Lịch đổi, số đời : thời-thể và số-phận thay đổi.

[←249]

Gian-hồi : gian-tà.

[←250]

Cốc-lăng : hang và gò, lúc xuống lúc lên, ý nói sự biến đổi.

[←251]

Nam-sơn đào-lộn : trốn tránh ở rừng núi nước Nam.

Bắc-đình câu-lưu : cầm giữ ở triều-đình nhà Minh (bên Tàu).

[←252]

Tham-câu : đòi một cách tham lam quá đáng.

[←253]

Trưng-thâu (thu) : cưỡng ép phải nộp.

[←254]

Bạch-tượng : voi trắng.

[←255]

Châu : châu ngọc.

[←256]

Cơ-tạo : máy tạo-hóa.

[←257]

Bĩ-cực thái-lai : khốn-khổ hết, rồi may-mắn lại đến.

[←258]

Kinh-luân : gỡ mối rối, tài chính-trị.

[←259]

Lương giang : tên cũ của huyện Thụy-nguyên thuộc tỉnh Thanh-hóa.

Chân-nhân : người xứng đáng (làm vua).

[←260]

Ứng tuần : hợp lúc.

[←261]

Phong-trần : gió bụi, chỉ lúc khổ-sở gian-nan.

[←262]

Bản chương : bản-đồ.

[←263]

Kinh-lược : đánh dẹp.

[←264]

Cô-thành : thành đứng trơ-trọi (bị vây).

[←265]

Viện-binh : binh đến cứu.

[←266]

Chủ trương : trông nom xếp-đặt.

[←267]

Cơ chế-thắng : cơ hội chiếm lấy phần thắng-lợi.

Miêu-đường : chỗ thờ và chỗ làm việc ; ý nói người xưa và người nay (đương giúp việc).

[←268]

Quyền-phong : phong tạm.

[←269]

Ngôi thiêng : địa vị cao-quý (ngôi vua).

[←270]

Trầm-sát : uống thuốc độc tự-tử.

Long-phi : rồng bay, vua lên ngôi.

[←271]

Niên-hiệu cải-đê : đổi tên năm.

[←272]

Quan-danh, quân-hiệu : tên các chức về văn và võ.

[←273]

Triều-nghi : nghi tiết (cách tiếp đãi) trong triều-đình.

Quốc-luật : lệ-luật của nước.

Một kỳ giảng-tu : định rõ ràng và sửa sang lại một lượt.

[←274]

Khai sáng cơ-đồ : mở-mang cơ-nghiệp.

[←275]

Bình-trị : cai-trị trong lúc thái-bình.

Qui-mô : khuôn-mẫu.

[←276]

Khoa-trường : nơi thi cử.

[←277]

Tư-vấn : học-hành.

[←278]

Cơ-cần : khó nhọc, chăm chỉ.

[←279]

Viễn-di : rợ mọi ở xa.

Cường-thần : bề tôi nắm nhiều quyền. Chỉ Lê-Sát làm phụ-chính và lộng quyền khi Thái-Tông còn bé sau bị Thái-Tông giết.

[←280]

Hoang túng : chơi bởi không gìn giữ.

[←281]

Đông-tuần : đi xem xét về phương đông.

[←282]

Mẫu-hậu : mẹ vua.

Thần công : bề tôi giữ chức to.

[←283]

Đại-dông : thái-bình, thuận-hòa khắp mọi nơi.

[←284]

Văn-mô rạng trước : mưu-kế của hàng văn làm rạng tỏ công-đức của đời trước.

Vũ-công phục ngoài : sự thắng lợi của hàng võ làm cho nước ngoài phục.

[←285]

Hướng tiên : quay về đằng trước, thẳng tiến.

[←286]

Diên-ninh : niên hiệu của Lê-Nhân-Tông từ 1454-1459.

Trung-niên : đến tuổi cầm lấy chính-quyền (chỉ vua Nhân-Tông).

[←287]

Ngự trạo : nói vua ra triều (trào) để bàn việc nước.

[←288]

Cốt nhục : xương thịt, anh em.

[←289]

Tiêm-mưu : mưu ngầm.

Nội-cung : nơi vua ở.

[←290]

Chuyên-tiêm : cướp giữ lấy quyền một mình.

[←291]

Ác-cai : mầm ác.

Nông : nhiều ; ý nói khi đã lên làm vua, Nghi-Dân lại càng chém giết làm nhiều điều ác.

[←292]

Nghị tội truất-phong : xử tội và tước hết chức tước.

[←293]

Cốt-cách-thần-tiên : bản-chất quý-hóa sinh ra đã có nhiều đức-tính và thông-minh.

[←294]

Kinh-thánh truyện hiền : kinh truyện, sách của đạo Nho.

Gia-công : gắng sức.

[←295]

Quốc-âm, Đường-luật : thơ quốc-âm, và thơ chữ Hán, làm theo luật nhà Đường (thơ tám câu mỗi câu bảy chữ).

[←296]

Binh-nhung : thuật chiến-tranh.

[←297]

Tài cao-mại : tài cao-siêu.

Đức thù-thường : đức khác thường.

[←298]

Thi-trương : thi-hành ; câu này nghĩa là vua Thánh-Tông biết đã nhiều mà lại giỏi trong việc thực-hành những điều mình biết.

[←299]

Tân-hưng đại-tị : *tân-hưng* là cử người mới có tài để dâng lên vua, *đại-tị* là khoa thi cao để tuyển chọn. Dưới nhà Chu (bên Tàu về thời thượng-cổ), ba năm lại có một lần chọn người giỏi dâng lên vua.

[←300]

Nhạc-âm, lễ-chế : âm-nhạc và lễ-nghi là thứ đạo Khổng chú-trọng đặc-biệt.

[←301]

Quan-danh phục-sắc : danh-vị các quan và mẫu áo riêng cho mỗi cấp.

[←302]

Đề-phong : bờ cõi đất đai.

[←303]

Kỷ-công : ghi công.

[←304]

Thần-khuê : tên riêng cuốn sách do Lê-Thánh-Tông soạn.

[←305]

Thừa-diêu : nối ngôi vua.

[←306]

Nhân-thứ : nhân-tử và khoan dung.

Tiên-huy : sự vẻ-vang của đời trước.

[←307]

Số lẻ : dịch chữ cơ-số dùng để chỉ ngôi vua.

[←308]

Thứ-chi : ngành thứ, chi họ dưới.

[←309]

Ngoại-thích : họ ngoại.

Từ-thân : bà, mẹ ; chỉ bà Trường-lạc thái-hậu bị Uy-Mục giết.

[←310]

Xưởng-suất phủ-quân : hô-hào và đốc-suất (cầm đầu) quân ba phủ ở Thanh-hóa (là phủ Hà-trung, phủ Thiệu-hóa và phủ Tĩnh-gia).

[←311]

Thần-phù : tên riêng đất, nay thuộc huyện Yên-mô, tỉnh Ninh-bình.

[←312]

Ngân-hoàng : dòng dõi nhà vua.

[←313]

Quý-vương, trư-vương : vua *quý*, vua *lợn* hai tên thời ấy sứ Tàu dùng để chỉ Uy-Mục và Tương-Dục một người thì tàn-ác, một người thì dâm-dục.

[←314]

Bác-tước : bóc-lột, đẽo vót.

[←315]

Cành vàng, lá ngọc : họ hàng nhà vua.

Điêu-linh : tan tác khổ-sở.

[←316]

Lộng-binh : cất quân nổi loạn.

[←317]

Mỗng tình bạn-quân : nẩy ra lòng phản vua.

[←318]

Bắc-thần : tên riêng chỉ cửa bắc cung vua ở.

[←319]

Bích-câu : tên riêng một làng ở Hà-nội.

Mông-trần : chịu cát bụi (nói vua đã phải chạy ra ngoài cung điện tức là mất ngôi).

[←320]

Giềng : giường mỗi, nền móng.

[←321]

Chủ-trương : đứng đầu (chỉ vua).

[←322]

Phù-lập : giúp mà tôn lên làm vua.

Chiêu-hoàng : vua Chiêu-Tông.

[←323]

Xa-giá : xe vua đi.

Cõi Tây : Tây-đô (Thanh-hóa).

[←324]

Khứ-tật : trừ cái hại.

[←325]

Nguyệt-giang : sông Nguyệt-đức, nay là sông Cầu.

[←326]

Ngụy-Trần : giặc Trần-Cảo.

Cứ Đồng-nguyên : chiếm đóng ở Đồng-nguyên (có lẽ là Lạng-sơn).

[←327]

Y-qui : đi tu.

[←328]

Hội phong-trần : thời-buổi loạn-lạc.

[←329]

Cường-thần : bề tôi nắm hết quyền của vua.

[←330]

Ngờ thế cả, ghen tài lành : trên thì vua nghi ngờ vì nắm nhiều quyền, dưới thì nhiều người ghen-ghét vì có tài.

[←331]

Tướng can-thành : tướng giỏi như cái mộc và cái thành, để che đỡ cho vua (chỉ Trần-Chân).

[←332]

Sàm : dèm pha.

[←333]

Oan-gia : oan-ức.

[←334]

Kinh-sư : kinh đô.

[←335]

Xe-loan : xe vua đi.

Bảo-châu : tên đất thuộc huyện Từ-liên, Hà-đông.

Tỵ-trần : lánh nạn.

[←336]

Nghịch-thần : bề tôi làm phản.

[←337]

Phù-lập quốc-vương : giúp đỡ và tôn lên làm vua. Bọn Nguyễn-Sư lập Lê-Bảng làm vua, mà lại phế đi rồi lập Lê-Do.

[←338]

Ngàn-tây : tỉnh Sơn-tây.

[←339]

Mạc-súy : tướng thống lĩnh quân đội họ Mạc (Mạc-Đăng-Dung). Nguyễn-Hoảng-Dụ, tướng nhà Lê, bị giặc giết rồi thì binh-quyền đều tập-trung vào tay một mình Mạc-Đăng-Dung.

[←340]

Thuyền rồng, tán phượng : thuyền làm theo kiểu con rồng, tán có thêu con phượng là những thứ dành riêng cho vua dùng.

Lộng-hành : lộng quyền, làm việc ra ngoài phạm-vi quyền-hạn của mình.

[←341]

Hiêm-nghi : ngờ vực.

[←342]

Tây-phương : nẻo Sơn-tây.

[←343]

Hành-cung : cung vua dựng ở dọc đường.

[←344]

Kinh dài : kinh-đô.

[←345]

Thiên-chiếu : chiếu nhường ngôi.

Sách-phong : phong chức tước bằng giấy tờ.

[←346]

Họa-tâm : lòng làm điều ác.

Nông : mạnh, bông bột.

[←347]

Lương-châu : châu Lương-chánh thuộc Thanh-hóa.

Tây-nội : Tây-cung ở trong thành vua ở.

[←348]

Tiếm-cường : cường-thần (bề tôi lộng-quyền) cướp ngôi vua.

[←349]

Nghi-dương : tên cũ một huyện thuộc tỉnh Kiến-an. Sau khi cướp ngôi, Đổng-Dung sai xây cung điện ở quê làng, là làng Cổ-trai, huyện Nghi-dương.

[←350]

Sá theo : thềm theo.

[←351]

Lê-thần : bể tôi nhà Lê ; chỉ Trịnh-Ngung và Trịnh-Ngang.

[←352]

Bắc-đình : triều-đình nhà Minh bên tàu.

[←353]

Thị-phi : điều phải điều trái.

[←354]

Chước gian-khi : mưu-mô nghịch đối.

[←355]

Mã-giang : sông Mã (Thanh-hóa).

Nghĩa-thanh : tiếng làm việc chính nghĩa (giúp Lê diệt Mạc).

[←356]

Cần-vương : giúp vua.

[←357]

Lưu danh : để tiếng hay lại đời sau.

[←358]

Độ tái-vinh : hồi tươi tốt lại.

[←359]

Tá mệnh : giúp vua.

[←360]

Triệu-Tổ : Nguyễn-Kim (đời sau nhà Nguyễn truy-tôn là Triệu-Tổ hoàng-đế). Bài ca làm dưới triều Nguyễn ; nên tác-giả kiêng tên húy và mỗi khi nói đến nhà Nguyễn thì tôn-kính, còn nói đến những người đối lập với nhà Nguyễn thì mạt-sát nhiều khi bất-công.

[←361]

Phù-nghĩa : giúp việc nghĩa.

Trung-hưng : khôi-phục, gây dựng lại (nhà Lê).

[←362]

Sâm-châu : tên đất ở Ai-lao, phía tây tỉnh Thanh-hóa, nay là Sầm-nứa.

[←363]

Khai-thác : mở mang.

[←364]

Đĩnh-tộ : ngôi vua.

[←365]

Cương-trù :giềng mối, nền móng.

[←366]

Binh-giao : quân hai bên đánh nhau.

[←367]

Nghịch-đảng : đảng làm phản (chỉ nhà Mạc).

[←368]

Thổ-hào ứng-nghĩa : những người có uy-tín ở từng nơi, nghe tiếng chính-nghĩa, đều hưởng-ứng ra theo.

[←369]

Tây-đô : Thanh-hóa.

Bụi-hồng : hồng trần, cát bụi, chỉ sự giặc-dã, lăm-than.

[←370]

Dặm-tràng : đường xa.

Ngọn đồng tràng khu : *ngọn đồng* là dáo nhọn, *tràng khu* là đuôi dài ; ý nói nhân lúc thẳng-thể đánh mạnh mà tiến lên.

[←371]

Đông-đô : Thăng-long (Hà-nội).

[←372]

Thu-phục cơ-đô : lấy lại cơ-nghiệp (của nhà Lê).

[←373]

Hàng-tướng : tướng đã đầu hàng : chỉ Dương-Chấp-Nhất, tướng nhà Mạc, đã hàng nhà Lê khi quân Nguyễn-Kim ra đến Yên-mô.

[←374]

Ngũ-trượng : tên riêng đất ở Tàu nơi Gia-Cát-Lượng Khổng-Minh chết. Ý nói Nguyễn-Kim chết.

[←375]

Thùy-thành : sắp nên.

[←376]

Thông quân : điều khiển quân-đội, giữ binh-quyền.

[←377]

Hanh-truân : qua hội rủi đến hội may.

[←378]

Đĩnh-hồ : nơi vua Hoàng-đế (vua Tần về thời thượng-cổ) mất ; ý nói Trang-Tông chết.

[←379]

Dư-uy : cái uy còn lại (của đời trước).

[←380]

Mạc-thần : quan nhà Mạc.

Hiệu-trung : hết lòng giúp vua.

[←381]

Biện định : nơi tướng ở : ý nói hàng võ.

[←382]

Y quang : theo ánh sáng tức là theo chính-nghĩa (phù Lê diệt Mạc).

[←383]

Đông-kinh : hay Đông-đô, tên hời ấỷ để chỉ thành Thăng-long (Hà-nội).

Việt : cái búa, dấu hiệu của tướng.

[←384]

Phúc Nguyên, Mạc chúa : vua nhà Mạc là Phúc-Nguyên trị vì từ 1546 đến 1551.

[←385]

Giã : thuyền mảnh đi biển.

[←386]

Quan-binh : quân đội, nhà vua.

[←387]

Duyên-giang : theo bờ sông.

[← 388]

Tiểu bình : dẹp giặc.

[←389]

Biên-thành : thành ở biên-giới.

[←390]

Sơn-hải : núi và bể.

Kim thang : thành bằng kim-khí, hào như nước sôi ; chỉ nơi kiên cố.

[←391]

Lê-hoàng : vua Lê (Lê-Anh-Tông).

[←392]

Thái-Tổ : Nguyễn-Hoàng, con Nguyễn-Kim, sau triều Nguyễn suy-tôn là Thái-Tổ.

[←393]

Việt-mao : búa và cờ mao, biểu hiện của quyền-bính.

[←394]

Hoành-sơn : tức dãy núi Đèo Ngang phân giới hạn Hà-tĩnh và Quảng-bình ngày nay. Tục truyền rằng Nguyễn-Hoàng trước khi đi Hóa-châu sai người đến hỏi ý-kiến ông Nguyễn-Bình-Khiêm (tức Trạng-Trình) ; Trạng Trình bảo : « *Hoành-sơn nhất đái, vạn đại dung thân* » (một dải Hoành-sơn, có thể yên thân được muôn đời).

[←395]

Chuyên-ý : để riêng tâm-trí vào một việc.

Trì-khu : giống ruồi.

[←396]

Quận Gia, quận Định : tên riêng hai tướng nhà Mạc.

[←397]

Binh hợp : hợp quân đội (theo hàng nhà Lê).

[←398]

Trùng-hanh : lại thịnh.

[←399]

Bể thanh, tắm kinh : Thanh-hóa yên giấc dã.

[←400]

Ấu trùng : nhỏ tuổi.

[←401]

Phổ-cát, Bồ-đề : *Phổ-cát* tỉnh thuộc Thanh-hóa ; *Bồ-đề* nay là gốc Gia-lâm.

[←402]

Tuyết-sương : chỉ sự vất vả, cũng như dầm mưa dãi nắng.

[←403]

Cần-lao : găng công khó nhọc.

[←404]

Tiết-mao : thứ cờ, biểu hiện cho quyền-bính.

[←405]

Đồng-nhung : giữ binh quyền để đánh dẹp.

[←406]

Vinh-khô : tươi và héo, thịnh và suy.

Khuê : trái ngược.

[←407]

Mâu-thuẫn : cái mâu (giáo) và cái mộc : nghĩa bóng là trái ngược.

[←408]

Nội-xâm : vào đánh chiếm (Thanh-hóa).

[←409]

Manh-tâm : nghĩ cách làm điều trái.

[←410]

Trung-lương : bề tôi trung-thành và tốt (của nhà Lê).

[←411]

Niềm-đan : lòng son ngay thẳng, lòng trung-thành. Lê-Cập-Đệ đã giúp Trịnh-Tùng để cướp quyền của Trịnh-Cối, sau vì trung thành với vua Lê, mà bị Tùng giết.

[←412]

Bằng không ba-đào : đất bằng nổi sóng gió, nói thành lỉnh có biến loạn.

[←413]

Xa giá : xe vua đi.

[←414]

Giá-điền : ruộng trồng mía.

Hồi loan : vua quay trở về.

[←415]

Lôi-dương : tên đất thuộc Thanh-hóa.

[←416]

Phù-lập : giúp đỡ đặt lên làm vua.

Giả danh : mượn tiếng giả dối.

[←417]

Cát-cứ : cắt chia mà chiếm-cứ.

[←418]

Giáng uy : ra oai.

Lôi-thần : thần sét ; Mạc-Mậu-Hợp bị sét đánh, thành bán-thân bất-toại.

[←419]

Thiên-tru : trời phạt.

[←420]

Sao mai, lá thu : sao về buổi sáng, lá về mùa thu ; chỉ cảnh đã gần tàn.

[←421]

Xuất-binh : đem quân đi đánh giặc.

Cơ-trời : cơ hội do trời xếp đặt.

[←422]

Thiên-quan : nay Nho-quan thuộc Ninh-bình.

[←423]

Tràng-khu : đuối dài.

Duyên-san : dọc theo núi.

[←424]

Tràng-an : kinh đô (chỉ Đông-đô).

[←425]

Phượng-nhơn : tên riêng huyện, nay thuộc tỉnh Bắc-giang.

[←426]

Ngụy Mạc : giặc Mạc. Theo quan niệm của tác-giả là người theo Nho-học, thì bề tôi cướp ngôi của vua đều coi là giặc không phân biệt là bề tôi ấy có công hay có tội với dân và với nước.

[←427]

Truyền-kế : đời nọ hết đời kia tiếp.

[←428]

Trần-ai : cát bụi, chỉ sự loạn lạc.

[←429]

Gièm : lời gièm pha.

Tín-nghi : nửa tin, nửa ngờ, phân-vân chưa rõ.

[←430]

Hội-khám : họp để xét.

[←431]

Cơ-mi : ràng buộc.

[←432]

Phùng-Khoan : Phùng-khắc-Khoan tục gọi là Trạng-Bùng, là con cùng mẹ khác bố với Nguyễn-Bình-Khiêm (Trạng-Trình).

Sứ-tiết : cờ của người đi sứ, tiêu-biểu cho người đứng đầu sứ-đoàn.

[←433]

Biện-chiết : cãi lẽ rành rọt.

Thiết-minh : khắc vào sắt, lý sự cứng cỏi như « đóng đinh vào cột », như khắc vào sắt.

[←434]

Ôn-dự : dồ-dành, ôn-tồn.

[←435]

Biểu-tinh : ban sắc để nêu danh.

[←436]

Ngọc-sách tinh-bao : chiếu-ngọc, khen ngợi, vua ban chiếu phong tước và khen Trịnh-Tùng đã có công.

[←437]

Nguyên-súy : chức cầm đầu quân đội : Trịnh-Tùng bắt vua Lê phong cho mình là « Đô-nguyên súy Tổng-quốc-Chính », sau lại phong thêm là « Thượng-phụ Bình-an-vương ».

Sủng-chương : được vua tôn trọng.

[←438]

Tiến : bước lên thêm.

[←439]

Tiếm-thiết : cướp quyền-vị (nhà vua)

Khải du : ngấp nghé, dòm nom (ngôi vua).

[←440]

Ấu-cô : nhỏ tuổi mỗ-côi.

[←441]

Đồng-lương : cột và xà nhà, chỉ người làm cột trụ cho nước.

Xanh-phù vạc Lê : chống đỡ giữ-gìn vạc (cơ-nghiệp làm vua) của nhà Lê.

[←442]

Mạc nguyệt : con cháu nhà Mạc.

[←443]

Nghi-duyong : nay thuộc (Kiến-an), là quê-quán họ Mạc.

Nong : bùng lên.

[←444]

Thị-thành : thành-phố kinh-đô.

Bụi hồng : cát bụi màu hồng ; chỉ sự giặc dã.

[←445]

Giá-ngự ra ngoài : vua đi ra khỏi ngoài kinh-thành.

[←446]

Thừa hư : nhân lúc chống (vắng người đề-phòng).

[←447]

Thặng-dư : hay *thừa-dư*, xe vua đi.

[←448]

Đầm khô, núi lở : hồi ấy tự nhiên núi Tản-viên lở, đầm Thịnh-liệt cạn, có mưa than, sao Tuệ mọc luôn ; ta coi đấy là những điềm không hay.

[←449]

Gãm cơ hươ-cũu : suy-nghĩ kỹ về sự huyền-bí của điềm lành điềm dữ.

[←450]

Vô-lương : không có lương-tâm, bất nhân.

[←451]

Châu-liên : liên-lụy.

Quân-thân : đạo bề tôi đối với vua (cũng như con đối với cha).

[←452]

Thừa-gia : kể nghiệp nhà.

[←453]

Nhân-tuần : lễ thói cũ.

[←454]

Gian khi : gian tà giả-đổi.

[←455]

Phúc-uy : làm phúc hay gia uy.

[←456]

Quốc-vương : đến đời Chân-Tông (1643) nhà Minh mới phong cho vua Lê làm *An-nam quốc-vương*.

[←457]

Lịch-số : số năm ở ngôi vua.

Chung : xong.

[←458]

Báu-thiên : ngôi vua.

Truyền-gia : nổi nghiệp trong nhà.

[←459]

Tân-hoàng : vua mới.

[←460]

Cờ đạo nhà vàng : cờ và cung-điện nhà vua.

[←461]

Tôn-vinh : nhà Minh bấy giờ đã suy, muốn mượn binh nước ta để chống với nhà Thanh, liền phong cho Trịnh-Tráng làm phó-vương, chúa Trịnh càng thêm uy-tín.

[←462]

Tiễn-phong : ép vua phong cho.

[←463]

Tài-bồi : vun đắp.

[←464]

Càn-cương : đầu mỗi quyền-hành nhà vua.

[←465]

Hiệu-trung : ra sức giúp nhà vua.

[←466]

Kỳ-phong : tên riêng đất ở Tầu, nơi vua Chu-Văn-Vương dấy nghiệp về đời thượng-cổ ; ý nói nhà Nguyễn dấy nghiệp (ở Thuận-hóa).

[←467]

Quyền-gian : bề tôi gian nắm giữ quyền-hành.

[←468]

Khắc-kỳ tiến-chinh : định ngày đem quân đi đánh.

[←469]

Truân-chuyên : hoạn-nạn gian-nan.

[←470]

Đăng-uy : thứ bậc ; câu này nghĩa là vua tôi, trên dưới đảo-ngược.

[←471]

Miêu-đường : nơi vua ở và lập triều-đình.

[←472]

Thiên-nhan : mặt vua.

[←473]

Ngự-tiên : nơi vua ngồi.

[←474]

Mỗng tình cải-bộ : rắp tâm đổi bước (đi trước đi sau), rắp tâm lật đổ ngôi vua.

Tranh vương : tranh làm vua.

[←475]

Phân-dương : hằng hái cố gắng.

[←476]

Câu-viện Yên-kinh : *Yên-kinh* là tên kinh-đô nhà Thanh ; nhà Mạc bị đánh sang cầu cứu nhà Thanh (Tầu).

[←477]

Bốn châu : nhà Thanh can-thiệp, nên vua Lê và chúa Trịnh phải trả cho nhà Mạc bốn châu ở Cao-bằng : châu Thạch-lâm, châu Quảng-uyên, châu Thượng-lang và châu Hạ-lang.

[←478]

Phụ Hán, thê Ngô : theo nhà Hán mà ở nương nhờ đất Ngô nhà Mạc dựa vào thế nhà Thanh (Tầu) mà ở nước ta.

[←479]

Trì khu : giọng ruồi.

[←480]

Phòng-biên : canh phòng biên-giới.

[←481]

Mã-đầu : đầu ngựa.

Quy-an : yên ngựa quay trở về, ý nói đánh-trận trở về.

[←482]

Lưu đồn : để binh-đội ở lại đóng giữ.

[←483]

Quyền-môn : dòng dõi nhà nhiều quyền-thế.

[←484]

Bí-các : gác kín, nơi chứa sách.

[←485]

Tham-tụng : chức quan cao nhất coi việc chính-trị (cũng như Tể-tướng đời trước).

[←486]

Ưu-binh : tên riêng dùng để chỉ lính canh, Nghệ là lính thân-tín canh gác cung vua và phủ chúa. Ưu-binh hay nhiều dân.

[←487]

Mạc-nghiệt : con cháu họ Mạc.

[←488]

Di thư : đưa thư.

[←489]

Hội-tiểu : họp nhau để đánh dẹp.

[←490]

Vị-xuyên... Lộc-bình : tên đất ở Cao-bằng và Lạng-sơn thuộc nước ta nhưng bị nhà Thanh (Tầu) lấn dần.

[←491]

Giới-kệ : mốc đá chia địa giới.

Chuyển-di : thay đổi. Quan nhà Lê ăn của đút nhà Thanh, đem dời mốc đi để nhà Thanh lẫn mất bốn châu ở đất ta.

[←492]

Xâm-tước : lẩn và cắt, nhà Thanh (Tầu) lẩn đất nước ta.

[←493]

Chỉnh-tề : sửa sang, xếp đặt.

[←494]

Bang giao : giao-thiệp với nước ngoài.

[←495]

Quan thị : hoạn-quan trước chỉ chuyên việc hầu hạ trong cung điện, vua chúa ; nhà Trịnh tin-dùng hoạn-quan, nên giao cả quyền chính-trị cho họ.

[←496]

Cử-quan : tại chức, đương làm quan.

[←497]

Tôn vinh : danh giá, địa-vị.

[←498]

Trâm-anh : cái trâm gài đầu và cái giải mũ, chỉ giòng giỗi cao quý.

[←499]

Công-thanh : công-bình và thanh-liêm.

[←500]

Ưu trường : giỏi hơn người.

[←501]

Âu-ca : hát khen, tán-tụng.

[←502]

Tham-tụng : chức quan đứng đầu coi việc chính trị (cũng như tể tướng đời trước).

[←503]

Hãnh-thần : bề tôi xu-nịnh.

[←504]

Chi-trụ : nền cột.

[←505]

Chuyên-chế : một mình định đoạt mọi việc, một mình nắm hết quyền.

Cổ-gia : nhà cũ, thói cũ trong nhà.

[←506]

Lục-piên : năm 1718, Trịnh-Cương đặt ra lục phiên (sáu tòa) ở bên phủ chúa để coi mọi việc chính trị cũng như lục bộ (sáu bộ) bên triều vua Lê, sáu bộ chỉ có danh mà quyền-hành thì mất đã từ lâu.

Tư-nha : sở quan riêng của nhà mình (của phủ chúa Trịnh).

[←507]

Tài-phú : của cải.

[←508]

Thống-hạt : khu hạt để cai-trị.

[←509]

Vũ-thần : quan võ.

[←510]

Phiên-ly : phân giậu, chỉ các trấn ở ngoài che chở cho kinh thành.

[←511]

Năm điều : mấy năm chúa Trịnh lại khảo hạch các quan đầu trấn để phân-biệt người giỏi nên thăng và người kém nên giáng, việc khảo-hạch chuyên chú về năm điều :

- *Kiểm-chế* (trị an)
- *Đê-điều*
- *Khám vấn* (tra xét hình án)
- *Cơ sát* (điều-tra về cai-trị)
- *Thôi khoa* (thu thu).

Trấn-ti : tòa quan cai-trị các *trấn* (cũng như *tỉnh* bây giờ).

[←512]

Điễn-tối : *điễn* là cuối cùng, *tối* là hơn hết, xếp đặt theo thứ tự.

[←513]

Thẩm hình... phủ-tiền : *thẩm hình* là tra xét việc hình án ; viện *phủ-tiền* là tòa đặt ở phủ chúa (Ngự-sử đài). Chúa Trịnh ấn định phép xử kiện : các việc ở *phủ huyện* xử không xong thì đưa lên *trấn* xét lại, nếu lại không xong thì đến ban *Giám sát*, nếu vẫn không xong thì *Ngự-sử đài* xét lại.

[←514]

Pháp-ti : tòa coi việc hình án.

[←515]

Thao-lược : tài dùng binh.

[←516]

Phúc-thí : thi đại. Lệ thi võ nhà Trịnh đại-khái đầu thì thi võ-ngệ sau hỏi đến binh-thư để xét học-lực, sau cùng hỏi phương-lược để xét tài-năng.

[←517]

Đề danh tạo-sĩ : xưng tên là nghề võ.

[←518]

Tứ-trấn binh-định : binh lấy ở bốn trấn, cứ 5 suất dinh lấy một người đi lính. Bốn trấn là : Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-dương và Sơn-tây. Quân bốn trấn gọi là **nhất binh** chuyên giữ các trấn và hầu các quan. Còn quân túc vệ gọi là **ưu-binh**, đóng ở kinh thành, thì kén ở ba phủ đất Thanh-hóa và bốn phủ đất Nghệ-an.

[←519]

Công-tư điền-thổ : ruộng đất tư, ruộng đất công vẫn chia cho dân.

[←520]

Khám-đạc : tra xét và đo.

San : chia.

Dân-cùng : dân nghèo.

[←521]

Tuần-hành : đi để xem xét.

[←522]

Đê-lộ : đê và đường.

[←523]

Biện : giải bày lý lẽ.

[←524]

Đổ-chú-hà : sông chảy qua xã Tụ-long châu, Vị-xuyên thuộc tỉnh Hà-giang phân địa-giới nước ta và nước Tàu.

[←525]

Giới-cương : miền biên giới.

Phân-minh : rõ ràng.

[←526]

Qui mô... sức bình : *qui-mô* là khuôn mẫu, *sức-bình* là tô-điểm vào cảnh thái-bình.

[←527]

Lăng-tiêm : cướp quyền vua.

[←528]

Cổ-bi : tên riêng làng thuộc phủ Gia-lâm tỉnh Bắc-ninh ngày nay.

[←529]

Kinh-quốc : kinh đô.

Cổ-hương : quê nhà bà Thái phi sinh ra Trịnh-Cương quê ở Như-quỳnh gần Cổ-bi.

[←530]

Đông-cung : thái-tử, con vua có quyền nối ngôi.

[←531]

Phúc-uy : giáng phúc hay gia uy.

[←532]

Hài-đê : trẻ con.

[←533]

Chính-thống : nắm giữ quyền chính.

[←534]

Quỳnh-lâm, Hương-hải, Hồ-thiên : tên riêng ba ngôi chùa ; *Quỳnh-lâm* thuộc Đông-triều (Hải-dương), *Hương-hải* thuộc Chí-linh (Hải-dương) và *Hồ-thiên* thuộc Bắc-ninh.

[←535]

Cửa thiên : cửa Phật.

[←536]

Tiêu-hao : hao mòn.

[←537]

Bán khoa, mua tước : từ đời Lê-Dụ-Tông niên hiệu Bảo thái (1720-1729) có lệ bắt người thi phải nộp tiền để làm trường và khoản đãi quan-trường, từ 1750 trở đi ai nộp ba quan thì được vào thi không phải khảo-hạch. Từ chúa Trịnh Giang có lệ nộp tiền để mua quan.

Sáu-cung : sáu tòa coi việc thu thuế ở phủ chúa Trịnh.

[←538]

Giả sắc rồng : làm giả sắc nhà Thanh phong chúa Trịnh làm *An-nam quốc Thượng-vương*.

[←539]

Quán-doanh : đầy rẫy.

[←540]

Nghiệp-báo : vì trước làm điều ác mà sau bị trời trị tội.

[←541]

Thiên-lôi : sét.

[←542]

Nội-thự : quan thị, nội giám.

Lộng uy : lộng quyền.

[←543]

Bạn-ly : phản-bạn và ly-tán.

[←544]

Ếch kêu ác họa : giặc cướp tứ tung, ồn ào.

[←545]

Nghịch : giặc, người làm phản.

[←546]

Nhận : rối loạn.

[←547]

Quận Bào, quận Thực : tên riêng hai viên nội-giám lộng-quyền hồi ấy.

[←548]

Định sách : định mưu-kế, kế-hoạch.

Diệu-binh : dân quân.

[←549]

Kinh-lược bốn bề : đánh dẹp bốn phương, mọi nơi.

[←550]

Khải-ca : hát thẳng trện.

Tấu-công : tâu đã lập được công trạng.

[←551]

Cơ-mưu : mưu ngầm.

[←552]

Chuyên-tiêm : cướp lấy địa vị một mình.

[←553]

Hiên-đức : người có tài có đức.

[←554]

Dòng thần-minh : dòng dõi vua.

[←555]

Hạ-dài : ngục giam.

Tiên-tinh : ngôi sao ứng vào ngôi thái-tử chỉ Duy-Diêu khi còn bị giam.

[←556]

Khuôn-thiên : trời.

Phúc-chi : một cảnh phúc.

[←557]

Câu-ứng : xin và được.

[←558]

Phong-tài : bóng dáng.

Đế-vương : vua.

[←559]

Tinh-kỳ nhã nhạc : cờ quạt, kèn trống.

[←560]

Thái bình nghi vệ : hình thức làm triệu chứng cho sự hòa bình yên ổn.

[←561]

Trăm triệu : điểm ứng hiện ra từ trước.

[←562]

Chấp tay rủ áo : ý nói vua ngồi không không làm gì.

[←563]

Ba phủ, bốn phương : trong triều thì quân *ba phủ* (quân túc-vệ) kiêu-căng hỗn-hào, ở ngoài thì giặc dã khắp mọi nơi.

[←564]

Phấn-dương : hăng hái cố gắng.

[←565]

Lược thao : tài dùng binh.

[←566]

Phao-sơn : tên riêng núi thuộc Đông-triều (Hải-dương).

[←567]

Độc-tôn-sơn : ở dãy núi Tam-đảo ở giữa Vĩnh-yên và Thái-nguyên.

[←568]

Lâm-man : rừng núi.

[←569]

Huyết-sào, binh xa : *Huyết sào* hang và tổ nơi giặc ẩn náu, *binh xa* lính và xe, quân lính.

[←570]

Quyền gian... quen lễ : quen thói cha truyền con nối chiếm quyền vua.

[←571]

Mạnh-thiên : tên riêng một động ở Hưng-hóa.

[←572]

Lâm-tùng : rừng rậm.

[←573]

Cùng rừng : cuối rừng.

Thanh : sạch.

[←574]

Chín e : rất sợ.

[←575]

Man cảnh : đất nước của dân chưa khai-hóa (chỉ xứ Ai-lao).

Khuyết-dinh : nơi vua ở.

[←576]

Đề-binh : cất quân.

[←577]

Chiềng-quang : tên làng ở Trấn-ninh.

[←578]

Bồ-chuông : tên núi ở Trấn-ninh.

[←579]

Trửu-dịch : khuỷu tay và nách, nghĩa bóng là người thân-cận.

[←580]

Chiêu hàng : gọi hay dụ địch ra hàng.

[←581]

Nội-công : đánh ở trong (làm phản).

[←582]

Hỏa viêm : lửa nóng.

Cô dung : thành nhỏ đứng trơ trọi.

[←583]

Đức sắc : vẻ mặt khoe-khoang kiêu-ngạo.

Ác-cai : mầm tội ác.

[←584]

Phúc-uy chuyên-tiêm : một mình cướp lấy quyền tác-phúc gia uy.

[←585]

Mạo giấy điên đảo : lấy mũ làm giấy, lấy giấy làm mũ, đảo ngược tôn-ti.

[←586]

Vạc-cả : cơ-nghiệp nhà vua (Lê).

Duy-trì : gây lại.

[←587]

Tiên-liệt-thánh : các tổ-tiên (nhà Nguyễn).

[←588]

Phúc-Loan : Trương-Phúc-Loan là quyền-thần ở triều chúa Định-vương Nguyễn-Phúc-Thuần (1765-1777), làm nhiều điều gian-ác, ai ai cũng oán giận.

Lộng hành : lộng quyền.

[←589]

Thừa cơ : nhân dịp.

[←590]

Ngoại thân : họ ngoại ; vợ Trịnh-Kiểm tổ họ Trịnh, là chị ruột Nguyễn-Hoàng (tổ nhà Nguyễn).

[←591]

Lộng thần : bề tôi lộng quyền, chỉ Trương-Phúc-Loan.

[←592]

Cõi Tây : Tây-sơn, nơi anh em Nguyễn-Nhạc dấy binh-đánh chúa Nguyễn.

[←593]

Thừa hư : nhân chỗ trống.

Trực để : thẳng tới.

Nhà Hồ : làng Hồ-xá, tỉnh Quảng-trị.

[←594]

Hiển-phù : bắt tù đem nộp, quân Trịnh vào đến Hồ-xá (Quảng-trị) thì các quan nhà Nguyễn bắt Trương-Phúc-Loan đem nộp.

[←595]

Trịnh binh : quân nhà Trịnh.

Nhân thế tráng khu : thừa thế thắng đuổi dài.

[←596]

Trầm-than : tên riêng bến sông ở huyện Quảng-diên tỉnh Thừa-thiên quân Nguyễn giữ quân Trịnh ở đây nhưng sau bị tan vỡ.

Quan-binh : quân nhà nước (chúa Nguyễn, tác-giả viết về triều Nguyễn, nên coi nhà Nguyễn là chính thống mà gọi tất cả những phái chống lại Nguyễn là ngụy (giặc).

[←597]

Độ-quân : đem quân qua sông.

Phù kiều : cầu nổi, cầu phao để quân qua sông.

[←598]

Thúy-hoa : cờ tướng có cắm lông chim thủy, quân Trịnh đuổi chúa Nguyễn chạy vào Quảng-nam.

[←599]

Đồn trú lục-quân : đóng quân.

[←600]

Tây : Tây-sơn (ở Qui-nhơn).

[←601]

Long-hưng : dấy lên nổi ngôi vua.

Cơ trời : cơ hội, dịp của trời.

[←602]

Lần úa : dần dần khô héo.

[←603]

Ác : một thứ quạ, trong văn-thơ dùng để tiêu-biểu cho mặt trời : câu này nghĩa là ngôi chúa tể thiên hạ chưa biết về ai.

[←604]

Ngụy Tây : « giặc » Tây-sơn, tác-giả làm quan nhà Nguyễn nên gọi Tây-sơn là giặc.

[←605]

Vũ-Trần-Thiệu : quan thị-lang nhà Lê, Trịnh-Sâm cử sang sứ nhà Thanh.

[←606]

Ứng mệnh : theo lệnh (chúa Trịnh).

[←607]

Động-dinh : hồ Động-dinh ở khoảng giữa tỉnh Hồ-nam và Hồ-bắc nước Tàu, Vũ-Trần-Thiệu, sứ ta đi qua đây để đến Yên-kinh (kinh-đô nhà Thanh).

Bè tiên : thuyền do tiên hay người cao quý đi.

[←608]

Tấm nguyên : tấm lòng trung.

[←609]

Biểu tiên : thờ biểu dân vua Thanh.

[←610]

Chén nông : chén thuốc độc.

[←611]

Gian-hồi : gian tà.

[←612]

Khuôn thiêng : trời.

[←613]

Tuyên-phi : Đặng-Thị-Huệ được chúa Trịnh phong là Tuyên-phi.

Khuynh-thành : nghiêng thành, sắc đẹp của người con gái làm đổ nước nghiêng thành.

[←614]

Phúc uy : giảng phúc gia uy.

[←615]

Đích trưởng : con giai trưởng của vợ cả (chỉ Trịnh-Khải).

Đồng-mông : trẻ dại.

[←616]

Yêu-cơ : đàn bà trẻ và đẹp.

Khí-diễm : hơi và ngọn lửa sức mạnh của sắc đẹp.

[←617]

Đáo đầu : đến cùng.

[←618]

Giúp công : Trịnh-Khải hẹn quân các trấn về giúp.

[←619]

Diễn-thư : thư-ký, tên Hà-Như-Sơn hầu trong phủ Trịnh-Khải, đem việc âm-mưu của Trịnh-Khải nói với thầy học là Ngô-thì-Nhậm. Thì-Nhậm bàn với cha là Ngô-Thì-Sĩ. Thì-Sĩ can không được, Thì-Nhậm cứ tố-giác cho chúa Trịnh. Thì-Sĩ uống thuốc độc tự-tử.

[←620]

Khoa-danh : Ngô-Thì-Nhậm đỗ Tiến-sĩ, hồi ấy đương làm đốc-đồng.

Quan-trâm : mũ và trâm gài đầu dòng dõi nhà quan.

[←621]

Thầy tổ : người hầu hạ, bề dưới, chỉ Hà-Như Sơn là học trò của Thì-Nhậm.

Phụ-thân : cha, tức là Ngô-Thì-Sĩ.

[←622]

Củ-trần : giải bầy, tổ giác với chúa Trịnh-Sâm.

[←623]

Châu-liên : liên-lụy.

[←624]

Già : chết.

Thiếu-niên : trẻ tuổi.

[←625]

Buông màn : ngày xưa đàn bà cầm quyền ngồi đằng sau bức màn (dèm) để nghe các quan trình bày công việc.

[←626]

Trong dưa dưới mận : chứa giầy trong vườn dưa, sửa mũ dưới cành cây mận, chỉ sự làm người nghi có ý gian dối.

[←627]

Thừa ky : thừa cơ, nhân dịp.

[←628]

Quân ba-phủ : quân tuyển ở ba phủ thuộc Thanh-hóa và bốn phủ thuộc Nghệ-an, cũng còn gọi là *ưu binh*, chuyên đóng giữ ở kinh thành.

Lộng hành : lộng quyền.

[←629]

Sáp-huyết hội-minh : uống máu ăn thề.

[←630]

Cỏ nội cá ao : cỏ trong ruộng, cá trong ao, lúc tai nạn xảy ra, đều chết ; ý nói Hoàng-Đình-Bảo và Thị-Huệ bị loạn quân giết và truất.

[←631]

Vong : chết.

Tiêm-vì : cướp lấy quyền-vị.

[←632]

Phủ-binh : quân ba phủ.

Tuyên kiều : tổ vè kiều-ngạo.

[←633]

Oán-ta : kêu oán.

[←634]

Văn-thần, võ-tướng : quan văn, tướng võ.

[←635]

Giặc Tây : Tây-sơn (nhà Nguyễn coi là giặc).

[←636]

Tiền mưu : ngầm mưu.

Xuất-chinh : đem quân đi đánh (Bắc-hà).

[←637]

Tài-danh : có tiếng là tài, Hữu-Chính theo Hoàng-Đình-Bảo đi đánh dẹp, đã nổi tiếng là người có tài cầm quân và nhiều mưu trí.

[←638]

Tao-loạn : rối loạn ; khi Hoàng-Đình-Bảo bị quân ba-phủ giết, Hữu-Chỉnh trốn vào theo Tây-sơn.

[←639]

Cơ quan mưu-lược về bày : bàn đặt ra tổ-chức này bày ra mưu kế kia.

[←640]

Quyết bài : nhất định theo nước bài.

[←641]

Sơn pha : miền núi.

[←642]

Cuồng-lan : sóng dữ.

[←643]

Cát-dinh, Động-hải : *Cát-dinh*, tên riêng của một đồn thuộc Quảng-trị, *Động-hải*, nay là Đồng Hới, tỉnh-lỵ tỉnh Quảng-bình.

Quân-quan : quân nhà Trịnh (vua Lê).

[←644]

Tây : Tây-sơn.

[←645]

Tràng-lũy : tức là lũy Thày ở Quảng-bình.

Bài phân-vương : chúc chia đất làm vua.

[←646]

Cơ phá trúc : díp đánh được giặc dễ dàng như chẻ cây trúc.

[←647]

Bại vong : thua và mất.

[←648]

Tranh-phong : đối chọi, đương đầu.

[←649]

Quân-dung : đáng ăn mặc của quân lính.

[←650]

Bụi hồng, kinh hoa : *Bụi hồng* là cát bụi màu hồng, chỉ sự giặc dã, *kinh-hoa* là kinh-đô (Thăng-long).

[←651]

Lục-môn, Thuý-ái : *Lục-môn* (cửa Lục) tên riêng sông chảy qua Tiên-lữ, Hưng-yên, *Thuý-ái* là tên bãi sông ở huyện Thanh-trì, Hà-đông.

[←652]

Thân-chính : tự mình cầm quân đi đánh.

[←653]

Tây-luông : bến trên sông Nhị-hà, ở bắc thành-phố Hà-nội (nay là thẳng phố Tràn-tiền).

Đảo qua : quay ngọn giáo (không chịu đánh giặc).

[←654]

Nài voi : dùng búa mà sai khiến voi.

[←655]

Hạ-lôi : tên làng thuộc phủ Yên-lãng (Phúc-yên) trên tả ngạn sông Nhị hà.

Rắp : định, toan.

[←656]

Phụ-tình : Nguyễn-văn-Tráng nghe lời thầy học, nhận dấu Trịnh-Khải trong nhà, sau biết là chúa Trịnh, liền bắt đem nộp cho Tây-sơn để lấy thưởng.

[←657]

Hung-tà : ác và gian.

[←658]

Phù-Lê... mật phong : Nguyễn-Huệ tâu mật với vua Hiên-tông rằng mình lấy danh nghĩa là giúp Lê diệt Trịnh.

[←659]

Suy : yếu.

[←660]

Bình biên : chiến-tranh.

[←661]

Vấn-an : hỏi thăm.

Gót-đầu : đầu đuôi.

[←662]

Cường-hoành : ngang ngược.

[←663]

Đông-quân : mặt trời, chỉ vua.

[←664]

Nhuần : thấm thía. Ý nói vua Lê lấy lại chính-quyền thì dân gian và Nguyễn-Huệ được hưởng ơn mưa móc.

[←665]

Cửu-như : trong Kinh-thi có bài chúc-tụng của bề tôi dâng vua, trong có chín chữ *như* (hưởng phúc thọ *như* núi, *như* gò, *như* đỉnh núi, *như* nước sông, v.v...) Ý nói Nguyễn-Huệ lấy lễ bầy tôi mà chúc vua Lê.

[←666]

Đồ thư : sổ sách kê sổ đinh (trai tráng) và sổ điền (ruộng đất).

[←667]

Tinh bao : khen ngợi.

[←668]

Đương trào Quốc-công : tước Quốc-công trong triều-đình (nhà Lê) bấy giờ.

[←669]

Ngọc-Hân : tên riêng công-chúa, con gái vua Lê-Hiến-Tông.

Trạc đào hồng : độ quả đào vừa đỏ, tuổi con gái lấy chồng.

[←670]

Kim-cải : duyên vợ chồng.

Sài-lang : chó sói tàn ác ; tác giả bài ca thiên về nhà Nguyễn, nên dùng những danh-từ quá-đáng và bất-công để chỉ Tây-sơn.

[←671]

Đòng-bác : giáo mác ; chỉ sự loạn-lạc.

[←672]

Thực-hư : sự có và sự không.

Biên-thường : việc bất thường và việc thường.

[←673]

Bóng đèn, tiếng búa : vua Tống-Thái-Tổ (nước Tàu) trước khi chết gọi riêng em vào dặn bảo, mọi người lui ra xa chỉ trông thấy bóng đèn và nghe thấy tiếng búa. Ý nói lúc vua hấp hối dối dăng việc nước.

Di-duyên : cầu thân với nhà quyền-quý.

[←674]

Bảo thành : thành quí, kinh đô.

Kinh lý : sửa trị.

[←675]

Thừa gia : nối nghiệp nhà, Hiễn-Tông mất, cháu là Duy-kỳ lên nối ngôi.

[←676]

Sơ niên : năm đầu (1787).

[←677]

Long biên : ý nói Thăng-Long.

[←678]

Bệ tử : từ giã vua.

[←679]

Đất dân... triều-đình : vua Chiêu-Thống muốn nhường cho Nguyễn-Nhạc mấy quận để khao quân, Nhạc từ chối không nhận, nói rằng nếu là đất của họ Trịnh thì một tấc gang cũng không để lại, nhưng mà đất của nhà Lê thì một tấc cũng không dám lấy.

[←680]

Giao-lân : giao thiệp giữa hai nước láng giềng.

Nam qui : về Nam.

[←681]

Ám hiệu cuốn kỳ : ra hiệu ngầm đem quân về.

[←682]

Tài hoá : của cải.

[←683]

Cắt cánh mở lòng : bỏ mặc mà không để cho cách gì để tự-vệ.

[←684]

Giả bài : giả kể.

[←685]

Mật chỉ : lệnh bí mật của vua.

Hồi-sai : uỷ nhiệm về, vua sai về làm việc gì.

[←686]

Hương-dũng : lính mộ trong hạng trai tráng vùng quê.

[←687]

Cựu thần : bề tôi cũ.

Công-khanh : quan to trong triều.

[←688]

Thoái-hư : xin về nghỉ.

Miêu-đình : nơi vua ở và thiết triều-đình.

[←689]

Tân-khoa : người mới thi đỗ.

[←690]

Phụng-sắc triệu binh : nhận lệnh vua đi mộ quân.

[←691]

Thổ-hào củ-tập : người có quyền thế ở các vùng hội họp.

Hộ tùy : đi theo để giúp đỡ (vua).

[←692]

Tranh-lập : tranh nhau để phù lập.

[←693]

Suy : tôn lên.

[←694]

Yến-đô... tập-phong : Trịnh-Bồng tự xưng là Yến-đô-vương để nổi nghiệp nhà Trịnh.

[←695]

Thị-phi : điều phải, điều trái.

[←696]

Khoa bảng : người đỗ đạt.

Đai-cân : kẻ làm quan (đeo đai và đội mũ).

[←697]

Quân-thần : vua tôi.

[←698]

Phế lập : bỏ vua này lập vua khác.

[←699]

Bạc-đen : trắng-đen, lòng người thay đổi, đương trắng hoá đen.

[←700]

Lê-hoàng : vua Lê-Chiêu-Thống.

[←701]

Mật thư : thư riêng.

[←702]

Mưu-gian : Hữu-Chỉnh trước vẫn nói dối có lệnh của vua Lê về mộ quân ở Nghệ-an.

[←703]

Hịch bay : tờ hịch (lời tuyên-cáo của vua) đi nhanh như bay.

[←704]

Tứ Thành tứ Đột : Nguyễn-Hữu-Chính chia quân ra làm tám đội, bốn đội lấy tên là Thành, bốn đội lấy tên là Đột.

Quân ròng : quân tinh-nhuệ.

Muôn : một vạn.

[←705]

Dặm trường : đường dài.

Chinh-an : yên ngựa đi đánh giặc.

[←706]

Kiến ong : giặc nhỏ, chỉ quân lính của Trịnh Bồng trấn đất Nghệ-Thanh, bị quân Nguyễn-Hữu-Chỉnh đánh tan ngay.

[←707]

Long-tân : bến Tây-long hay Tây-luông (thăng phố Tràng-Tiền bây giờ) ở Hà Nội.

Ngự-duyet : vua duyệt binh.

Đại đình : sân lớn trong triều-đình.

[←708]

Loan thư : giấy có vẽ chim loan, chiếu nhà vua.

Thêm-rông : nơi vua thiết-triều.

[←709]

Bằng-quận, tước hầu : Nguyễn-Hữu-Chỉnh được vua Lê phong làm Bằng-quận-công, con Chỉnh được phong hầu.

[←710]

Phủ lâu : nhà gác, dinh quan ở.

[←711]

Khói lang : khói ngọn lửa đốt bằng phân lang, ngày xưa dùng để báo hiệu giặc đến, chỉ sự loạn lạc.

[←712]

Nguy Tây : giặc Tây-sơn ; tác-giả thiên về nhà Nguyễn, nên gọi Tây-sơn là giặc và sau đây cũng không nhận thấy công to của Nguyễn-Huệ (Tây sơn) đối với nước ta, khi phá tan quân nhà Thanh.

[←713]

Dãy qua mâu : (*qua mâu* là dáo móc) dãy binh.

[←714]

Quân-phù : ấn dấu của tướng cầm quân.

[←715]

Thổ sơn : tên núi ở huyện Ngọc-sơn (Thanh-hoá).

Trinh-hà : khúc sông Mã ở huyện Mỹ-hoá (Thanh-hoá).

[←716]

Cổ quân : vua cũ.

[←717]

Ngự bào : áo vua mặc.

[←718]

Nguyệt-giang, Mực-thị : sông Cầu, và núi Mực-sơn ở phủ Yên-thế (Bắc-giang).

[←719]

Tây-binh : quân Tây-sơn.

Cùng truy : đuổi đến cùng.

[←720]

Một kỳ trận-vong : cùng chết trận một lần.

[←721]

Phù-trì : giúp đỡ (nhà Lê).

[←722]

Chước phản-gián : mưu-mô làm cho hai người đương thân thành nghi-ngờ, xa cách nhau. Võ-Văn-Nhậm dùng mưu làm cho vua Lê-Chiêu-Thống nghi ngờ Dương-Đình-Tuấn.

[←723]

Xa-giá : xe vua đi.

[←724]

Hành-dinh : dinh đặt ở dọc đường để vua ở, trong khi ra ngoài kinh-thành.

[←725]

Thổ-hào : người có thể lực trong vùng.

[←726]

Cần-vương : giúp vua dẹp giặc.

[←727]

Thừa dư : xe vua đi.

[←728]

Tấu-tiếp : báo tin thẳng trện.

Đầu-thành : thực lòng xin quay về theo.

[←729]

Sĩ-tốt : quan và quân.

[←730]

Tướng-thần : tướng giỏi ; Võ-Văn-Nhậm con rể Nguyễn-Nhạc, có tiếng là giỏi cầm quân.

[←731]

Hào-mục : người có danh tiếng và người đỗ-đạt.

[←732]

Hào-hùng : can-đảm, mạnh mẽ.

[←733]

Thang tiết-nghĩa : liều thuốc độc (uống để chết mà giữ cho toàn tiết-nghĩa).

Quyên-sinh : tự-tử. Bề tôi cũ nhà Lê là Nguyễn-Huy-Trạc, không chịu để Nguyễn-Huệ ép làm biểu xin Nguyễn-Huệ lên thay nhà Lê làm vua, nên uống thuốc độc tự-tử.

[←734]

Giám-quốc : coi việc nước.

[←735]

Truân-kiển : gian nan không may.

[←736]

Thái tử : mẹ vua (Chiêu-Thống).

[←737]

Thổ quan : quan ở vùng, quan địa-phương ở Long-châu (Tàu).

Thủy-chung : đầu đuôi.

[←738]

Đạt : đưa tới.

[←739]

Mục-lân : hòa thuận với láng giềng.

[←740]

Chín lần : chữ nho là *cửu-trùng*, dùng để chỉ vua, đây nói vua nhà Thanh (Tàu).

[←741]

Tử-nê : bùn đỏ, ngày xưa dùng để niêm thư của vua.

[←742]

Nam-quan : ải phân địa-giới nước ta với nước Tàu, ở biên giới tỉnh Lạng-sơn.

[←743]

Tập công : đánh úp, cũng như tập kích.

Nội-hầu : chức của tướng Tây-sơn, tên là Phan-Văn-Lân, bấy giờ đóng quân ở sông Cầu.

[←744]

Quân-lệnh túc-thanh : kỷ-luật quân-lính nghiêm.

[←745]

Tấm thành cũng phu : cũng bổ tấm lòng thành (của Lê-Chiêu-Thống đón rước).

[←746]

Cầu phà : cầu nổi, cầu phao.

[←747]

Tây-luông : tên bến trên bờ sông Nhị-hà, nay là thẳng với phố Tràng-Tiền.

Đông-đô : là Thăng-long (Hà-nội).

[←748]

Truy-tù : theo vua lưu lạc.

[←749]

Đầu-thâm : thành-tâm quy-phục.

[←750]

Viêm-lương : nóng mát, lòng người lúc nóng lúc lạnh, lúc đằm đà, lúc nhạt nhẽo.

[←751]

Ý-thế : dựa vào thế-lực.

[←752]

Mỗn̄g tình đấi-hoang : sinh lòng trẻ nải.

[←753]

Sơ-phòng : canh-phòng không cẩn-thận.

[←754]

Tạ-tội : xin tha tội ; Nguyễn-Huệ giả sai người đưa thư ra Bắc nói rằng sẽ ra để xin tha tội.

[←755]

Dặm tràng : đường xa.

[←756]

Thừa dư : nhân chỗ không giữ.

[←757]

Trực-khu : đuổi thẳng.

[←758]

Dẫu... đang : có mấy anh-hùng mà chống được.

[←759]

Bắc-kinh : tức là Kinh-bắc, gồm tỉnh Bắc-ninh ngày nay.

[←760]

Truy-binh : quân đuổi theo.

[←761]

Phù-kiền : cầu nổi, cầu phao.

[←762]

Quan-quân : lính và quan.

[←763]

Kiến-bộ : bước không may.

Luống công : mất công mà không có ích gì.

[←764]

Tái-đô : mưu lại việc.

[←765]

Tiên-trù : liệu trước.

[←766]

Viện-binh : quân đến giúp.

[←767]

Quế-lâm : tên tỉnh thuộc Quảng-tây, Tôn-sĩ-Nghị đóng quân ở đấy để chờ vua Thanh cho thêm quân sang đánh nước ta.

[←768]

Phụng sai : theo lệnh vua (nhà Thanh mà làm).

Hộ-tùý : đi theo để giúp đỡ (đưa Lê-Chiêu-Thống về nước).

[←769]

Trở nan : cản trở, khó khăn.

[←770]

Yên-kinh : kinh đô nhà Thanh (Tàu).

[←771]

Dễ xem : đợi xem.

[←772]

Tam-phẩm : tước quan ; nhà Thanh phong cho Lê-Chiêu-Thống chức quan tam-phẩm.

[←773]

Thanh-đế : vua Thanh.

[←774]

Thệ-minh : uống máu ăn thề.

[←775]

Tòng-vong : theo chúa chạy nạn ra ngoài.

[←776]

Mã-dông : lính dắt ngựa. Nguyễn-Văn-Quyên là người dắt ngựa cho vua Lê-Chiêu-Thống, thấy lính Tàu kéo áo vua Chiêu-Thống, liền mắng và lấy gạch đánh bọn lính Tàu, sau bị chúng xúm vào đánh gần chết.

Tôn-quân : kính trọng vua.

[←777]

Cách-diễn : cách-biệt.

[←778]

Bình Tây : đánh được Tây-sơn.

Thánh-triều ta : chỉ nhà Nguyễn, nên nhớ tác-giả viết dưới triều Nguyễn.

[←779]

An chốn, tìm về : thân thuộc và bề tôi nhà Lê còn ở trong nước thì được yên ổn, kẻ ở xa thì được quay về.

[←780]

Chủ-trương : đứng đầu để xếp đặt.

[←781]

Khai-tiên : mở đầu.

[←782]

Suy-di : thay đổi.

[←783]

Hiếm điều đặc-thất : hiếm gì điều hay điều dở.

Thị-phi : phải hay trái.

[←784]

Tín-nghi : tin hay ngờ, không chắc chắn là thế nào.

[←785]

Đan-đình : lầu son mẫu đỏ, nơi vua ở.

[←786]

Gác lê : gác để soạn sách, xưa có người đang soạn sách thì thần Thái-Ất chống gậy bằng thân cây Lê đi vào.

[←787]

Theo sách dẫn lời : về nguồn gốc bộ Đại-Nam Quốc-sử diễn-ca, xin xem *Tựa và Dẫn* của Hoàng Xuân-Hãn (Quốc-sử diễn-ca, quyển I tr. 10. 19).

[←788]

Gương trời : chỉ sự xem xét của vua (xem *lời thuật* của tác giả, quyển I, tr. 35). Viết dưới thời quân chủ chuyên-chế, tác giả mong được vua để ý tới công việc của mình.